HỢP ĐỒNG HỢP TÁC THƯƠNG MẠI 2023
COMMERCIAL COOPERATION CONTRACT 2023
Số/*No*: 3002179 – FMCG – PFI – 480 – 2023

Hợp đồng hợp tác thương mại này ("**Hợp Đồng**") được ký kết 01 tháng 01 năm 2023 giữa :
*This commercial cooperation contract (the "**Contract**") is entered into on **01 January 2023** by and between:*

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB ("EBS")
EB SERVICES COMPANY LIMITED ("EBS")

Địa chỉ/*Address*: Số 163 đường Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
163 Phan Dang Luu street, Ward 1, District Phu Nhuan, HCM City, Vietnam
Mã số thuế/*Tax code*: 0105696842
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105696842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh lần thứ mười hai ngày 05 tháng 9 năm 2022
Enterprise Registration Certificate No.: 0105696842 *issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the 12th amendment on 05th September 2022*

ĐẠI DIỆN BỞI: Ông: **KIM MYUNG SU**, chức vụ: Giám Đốc Thương Mại Ngành Hàng FMCG
*REPRESENTED BY: **Mr. KIM MYUNG SU** as FMCG Commercial Director*

Sau đây được gọi là "**EBS**"
*Hereinafter referred as "**EBS**".*

VÀ / *AND*

CÔNG TY TNHH MTV TM & DV NGỌC THƠM
NGOC THOM CO., LTD

Địa chỉ/*Address*: 12/14/18 Đường 49, Khu Phố 7, P. Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại/*Telephone*: 08 62 906 631
Email:
Tài khoản/*Account*: **1027349624**
Ngân hàng/*Bank*: Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Đông Đồng Nai
Mã số thuế/*Tax code*: **0309391503**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số / *Business Registration Certificate No.***0309391503**, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày / issued by Department of Planning and Investment Tp. HCM *on: **25/09/2009**, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày **09/11/2021***

Mã số Nhà Cung Cấp / *Supplier code*: **3002179**

ĐẠI DIỆN BỞI : Bà **TRẦN THỊ THƠM**. Chức vụ : Chủ tịch
REPRESENTED BY : *Ms. **TRAN THI THOM** as President*

Sau đây gọi là "**Nhà Cung Cấp**"
*Hereinafter referred as the "**Supplier**"*

Nhà Cung Cấp và EBS sau đây được gọi chung là "**Các Bên**" và được gọi riêng là "**Bên**".
*The Supplier and EBS may be hereinafter collectively referred to as the "**Parties**" or individually as a "**Party**".*

XÉT RẰNG
WITNESSETH

(A) Xét rằng EBS là một công ty chuyên thực hiện nghiệp vụ bán buôn hàng hóa, cung ứng dịch vụ tư vấn đầu tư và dịch vụ tư vấn quản lý cho các Công ty thuộc tập đoàn Central Retail tại Việt Nam ("**Các Công ty Central**"). Danh sách Các Công ty Central tại thời điểm ký Hợp Đồng này được đính kèm tại Phu Luc 1 của Hợp Đồng này;

*Whereas EBS is specialized in wholesaling of goods, conducting investment consultancy and management consultancy services to the Companies belonging to Central Retail Group in Vietnam ("**Central Companies**"). List of Central Companies as at the signing date of this Contract is attached hereto in Appendix 1;*

(B) Xét rằng Các Công Ty Central hiện đang vận hành các đại siêu thị, siêu thị và cửa hàng bán lẻ, cửa hàng trực tuyến hoặc các trang thương mại điện tử tại Việt Nam dưới các thương hiệu, bao gồm nhưng không giới hạn các thương hiệu như Big C, GO!, Tops market, go!, Look Kool, … ("**Các Cửa Hàng**") và mong muốn mua hàng hóa từ EBS phục vụ hoạt động kinh doanh của Các Cửa Hàng;
*Whereas the Central Companies currently operate hypermarkets, supermarkets and retail shops, online shops or E-commerce websites in Vietnam under various trademarks, including but not limited to trademarks such as Big C, GO!, Tops market, go!, Look Kool, (the "**Stores**") and wish to purchase goods from EBS for the operation of the Stores;*

(C) Xét rằng Nhà Cung Cấp mong muốn cung cấp Hàng Hóa (như được định nghĩa tại Điều 1 và Phụ lục 2 dưới đây) cho EBS, và EBS mong muốn mua Hàng Hóa từ Nhà Cung Cấp để bán cho các Công Ty Central theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng này.
Whereas the Supplier wishes to supply the Goods (as defined in Article 1 and Appendix 2 hereunder) to EBS, and EBS wishes to purchase the Goods from the Supplier to sell them to the Central Companies, in accordance with the terms and conditions hereof.

TRÊN CƠ SỞ ĐÓ, CÁC BÊN THỎA THUẬN NHƯ SAU:
NOW AND THEREFORE, THE PARTIES HAVE AGREED AS FOLLOWS:

Phần 1 – ĐIỀU KIỆN CHUNG
Part 1 – GENERAL CONDITIONS

Điều 1 – ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG
Article 1 – OBJECT OF CONTRACT

1.1 Nhà Cung Cấp đồng ý bán cho EBS mặt hàng như được mô tả tại Phụ Lục 2 của Hợp Đồng ("**Hàng Hóa**") và EBS đồng ý mua Hàng Hóa của Nhà Cung Cấp theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.
*The Supplier hereby agrees to sell the goods as described in Appendix 2 hereto (the "**Goods**") to EBS, and EBS hereby agrees to purchase the Goods from the Supplier in accordance with the terms and conditions of this Contract.*

1.2 Các Bên thỏa thuận rằng Danh sách Các Công Ty Central đính kèm tại Phụ Lục 1 có thể được EBS toàn quyền sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm trong suốt Thời Hạn Hiệu Lực của Hợp Đồng này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản trước cho Nhà Cung Cấp. Nội dung sửa đổi, bổ sung đối với danh sách Các Công ty Central đương nhiên có giá trị ràng buộc đối với Nhà Cung Cấp kể từ ngày ghi trong văn bản thông báo.
The Parties agree that the list of Central Companies provided in Appendix 1 may be amended by EBS from time to time at its entire discretion throughout the Term of this Contract by serving a prior written notice to the Supplier. Such amendment to the list of Central Companies shall be automatically binding upon the Supplier as from the date indicated in such written notice.

Điều 2 – THỜI HẠN HỢP ĐỒNG
Article 2 – DURATION OF THE CONTRACT

Hợp Đồng này có hiệu lực cho thời hạn một (01) năm kể từ ngày **[01/01/2023]** đến hết ngày **[31/12/2023]** ("**Thời Hạn Hiệu Lực**"). Các Bên thỏa thuận Hợp Đồng này sẽ giữ nguyên hiệu lực trong thời gian thương lượng gia hạn Thời Hạn Hiệu Lực của Hợp Đồng ("**Giai Đoạn Thương Lượng**"). Giai Đoạn Thương Lượng kết thúc vào ngày **[30/06/2024],** trừ khi Các Bên có thoả thuận hoặc gia hạn khác đi. Trong Giai Đoạn Thương Lượng, mọi quy định của Hợp Đồng tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc Các Bên. Phù hợp với nhu cầu và thỏa thuận của Các Bên Bên tại thời điểm kết thúc Thời Hạn Hiệu Lực, Hợp Đồng này và các Phụ lục đính kèm có thể được gia hạn và/ hoặc sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên trong Thời Hạn Thương Lượng của Hợp Đồng.
*The Contract shall be effective for a period of one (01) year as from [1st **January 2023**] to [31st **December 2023**] (the "**Term**"). The Parties hereby agree that the Contract shall remain effective during the period of negotiation for extension of the Term of this Contract (the "**Negotiation Period**"). The Negotiation Period shall terminate on [30th **June 2024**], unless otherwise agreed or extended by the Parties. During the Negotiation Period, all the provision of the Contract shall remain effective and shall be binding on the Parties. In accordance with the needs and agreement of the Parties at the end the Effective Term, this Contract and the attached its Appendices may be extended and/or modified according to the written agreement of the Parties within the Contract Negotiation Period.*

Điều 3 – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN

Article 3 – EARLY TERMINATION

3.1 Một Bên có thể chấm dứt Hợp Đồng này vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt Thời Hạn Hiệu Lực hoặc Giai Đoạn Thương Lượng với điều kiện phải báo trước cho Bên kia bằng văn bản ít nhất 30 (ba mươi) ngày.
Any Party may terminate the Contract at any time during the Term or the Negotiation Period by giving an at least 30 (thirty) days prior written notice to the other Party.

3.2 Một Bên có thể chấm dứt Hợp Đồng vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt Thời Hạn Hiệu Lực hoặc Giai Đoạn Thương Lượng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trong các trường hợp sau:
Any Party may terminate the Contract at any time during the Term or the Negotiation Period upon written notice to the other Party in the following cases:

(i) Bên còn lại vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này mà không khắc phục một cách đúng đắn trong vòng [bảy (7) ngày làm việc] kể từ ngày Bên kia gửi thông báo bằng văn bản; hoặc
Other Party has commit a breach of any provisions of this Contract and fails to remedy the breach within [seven (7) working days] from the date of written notice served by the non-defaulting Party; or

(ii) nếu bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng cho phép một Bên chấm dứt Hợp Đồng này; hoặc
if any provision of the Contract allows any Party to terminate this Contract; or

(iii) nếu Bên kia là đối tượng của thủ tục giải thể hoặc phá sản.
if the other Party is liquidated or subject to bankruptcy proceedings.

3.3 Trong trường hợp Hợp Đồng chấm dứt, Các Bên có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ mọi nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng.
In case the Contract terminates before the effective Term, the Parties are responsible for fully fulfilling all contractual obligations up to the time of Contract termination.

Điều 4 – CÁC NGHĨA VỤ CHUNG CỦA NHÀ CUNG CẤP
Article 4 – GENERAL RESPONSIBILITIES OF THE SUPPLIER

4.1 Nhà Cung Cấp phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam, đặc biệt là các quy định áp dụng cho Hàng Hóa bao gồm nhưng không giới hạn các quy định về nhập khẩu hàng hóa, thủ tục công bố, chất lượng, dán nhãn, quyền sở hữu trí tuệ, khuyến mại, cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng.
The Supplier shall strictly comply with any and all Vietnamese laws and regulations, especially the laws and regulations applicable to the Goods including but not limited the regulations on imports goods, quality, Goods announcement procedure, labelling, intellectual property rights and commercial promotions, regulations on competition, consumer protection.

4.2 Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm trước EBS cũng như bất kỳ bên thứ ba nào, đặc biệt là nhưng không giới hạn, các cá nhân, các hiệp hội người tiêu dùng, các cơ quan kiểm tra, quản lý Nhà nước, về mọi thiệt hại có thể gây ra do hoạt động của mình, đặc biệt là do Hàng Hóa không phù hợp tiêu chuẩn hay có khiếm khuyết theo quy định của pháp luật áp dụng.
The Supplier shall be responsible to EBS, and any third parties, especially but not limited to individuals, consumer associations, state control and inspection agencies, for all damages that may be caused to them by its activities, especially by the nonconformity or defect of the Goods in accordance with applicable laws and regulations.

4.3 Nếu có bất kỳ sự cố nào phát sinh do vi phạm của Nhà Cung Cấp và/hoặc bất kỳ thiệt hại nào do Nhà Cung Cấp gây ra, Nhà Cung Cấp có trách nhiệm (i) làm việc với khách hàng và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và/hoặc (ii) chịu mọi khoản phạt vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước áp dụng cũng như các chi phí khác phát sinh do khiếu nại từ khách hàng (nếu có). Ngoài ra, Nhà Cung Cấp phải áp dụng các biện pháp giải quyết phù hợp để không làm ảnh hưởng đến uy tín của EBS và Các Công Ty Central một cách thỏa đáng với EBS.
If any incident occurs due to a breach of the Supplier and/or any damage is caused by the Supplier, the Supplier shall be responsible for (i) working with the customers and/or the relevant authorities and/or (ii) for any administrative fine imposed by the authorities as well as other relevant cost arising from the complaint of the customers (if any). In addition, the Supplier shall take all appropriate actions to avoid any negative impact to the reputation of EBS and Central Companies to the satisfaction of EBS.

Cho mục đích của Điều 4.3 này, "vi phạm" của Nhà Cung Cấp nghĩa là bất kỳ vi phạm nào của Nhà Cung Cấp đối với bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này, và/hoặc việc sơ suất khi chuẩn bị, sản xuất, dán nhãn, đóng gói hay vận chuyển Hàng Hóa, và/hoặc bất kỳ lỗi nào trong quá trình sản xuất, dán nhãn hoặc đóng gói.

For the purpose of this Article 4.3, a "breach" of the Supplier shall mean any violation by the Supplier of any provision of this Contract, and/or any negligence in the preparation, manufacturing, labelling, packaging or transportation of the Goods, and/or any error made in the process of manufacturing, labelling or packaging.

4.4 Nhà Cung Cấp cam kết không tuyển dụng và/hoặc sử dụng nhân viên tiếp thị là nhân viên/người lao động đang làm việc tại EBS và/hoặc Các Công ty Central để cung cấp cho Các Cửa Hàng thuộc Các Công ty Central dưới mọi hình thức ngoại trừ trường hợp Nhà Cung Cấp đã thông báo và có sự xác nhận và/hoặc đồng ý của EBS và/hoặc giám đốc Siêu thị của Cửa Hàng liên quan. Nhà Cung Cấp có nghĩa vụ kiểm tra, xác thực thông tin của nhân viên tiếp thị trước khi sử dụng và chịu toàn bộ mọi trách nhiệm phát sinh nếu có trước EBS và/hoặc Các Cửa Hàng./. *The Supplier undertakes not to employ and/or use marketing personnel who are employees working at EBS and/or Central Companies to supply Stores under any form except where the Supplier has notified and has the confirmation and/or consent of EBS and/or the Supermarket manager of the relevant Store. The Supplier is obliged to check and verify the information of the marketing staff before using it and bear all responsibilities arising if any before EBS and/or the Stores.*

4.5 Trong trường hợp Nhà Cung Cấp không tuân thủ các quy định của Hợp Đồng này, EBS có quyền thực hiện một hoặc tất cả quyền sau: / *In the event that the Supplier fails to comply with the provisions of this Contract, EBS has the right to exercise one or all of the following rights:*

(i) EBS có toàn quyền từ chối nhận Hàng Hóa và/hoặc từ chối thanh toán hóa đơn tương ứng; nếu EBS yêu cầu, Nhà Cung Cấp sẽ thu hồi bất kỳ Hàng Hóa nào mà EBS đã tiếp nhận trên cơ sở tự chịu mọi chi phí và phí tổn;
EBS may refuse at its entire discretion to receive the Goods and/or to pay the corresponding invoices; if EBS requests so, the Supplier shall recall any Goods already received by EBS at its own costs and expenses;
The Supplier shall pay to EBS a penalty equivalent to [8%] (eight per cent) of the relevant invoice for each breach;

(ii) Nhà Cung Cấp phải thanh toán cho EBS một khoản phạt vi phạm tương đương [8%] (tám phần trăm) giá trị theo hóa đơn cho mỗi vi phạm;

(iii) Nhà cung cấp phải bồi thường cho EBS cho mọi thiệt hại gây ra bởi hành vi vi phạm của Nhà Cung Cấp; và
The Supplier shall indemnify EBS for any damage caused by the breach of the Supplier; and

(iv) EBS có quyền chấm dứt Hợp Đồng này có hiệu lực ngay lập tức bằng cách gửi thông báo bằng văn bản tới Nhà Cung Cấp.
EBS shall be entitled to terminate the Contract with immediate effect subject to written notice to the Supplier.

Điều 5 – TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP VỀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA
Article 5 – OBLIGATIONS OF THE SUPPLIER IN TERMS OF IMPORTATION OF GOODS

Nhà Cung Cấp phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về nhập khẩu trong trường hợp Hàng Hóa cung cấp cho EBS là Hàng Hóa nhập khẩu. Đặc biệt, Nhà Cung Cấp phải đảm bảo phát hành và dán tem và dấu phù hợp cho Hàng Hóa theo quy định của pháp luật.
The Supplier shall strictly comply with any applicable Vietnamese laws and regulations on importation in case Goods to be provided to EBS are importated Goods. In particular, the Supplier shall ensure that the appropriate stamps and seals are issued and affixed on the Goods as required under the laws.

Điều 6 - TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP VỀ CÔNG BỐ , ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÃ CÔNG BỐ/ĐĂNG KÝ
Article 6 – OBLIGATIONS OF THE SUPPLIER IN TERMS OF QUALITY ANNOUNCEMENT AND REGISTRATION, AND MAINTAINING THE REGISTERED/ANNOUNCED QUALITY

6.1 Nhà Cung Cấp phải tuân thủ mọi quy định của pháp luật Việt Nam về chất lượng Hàng Hóa, công bố/đăng ký chất lượng Hàng Hóa, đăng ký hợp chuẩn hợp quy cho Hàng Hóa, và an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.
The Supplier shall comply with any applicable Vietnamese laws and regulations relating to quality of the Goods, quality announcement/registration of the Goods, registration of standard conformity and technical regulation conformity of the Goods and foods safety under the current applicable laws.

6.2 Nhà Cung Cấp phải đảm bảo cung cấp cho EBS Hàng Hóa có chất lượng như đã công bố và/hoặc đăng ký hợp lệ hoặc phù hợp với tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
The Supplier shall ensure that the quality of the Goods supplied to EBS complies with the quality as duly announced and/or registered or standard in accordance with the provision of laws.

6.3 Nhà Cung Cấp phải cung cấp cho EBS bản sao chứng thực giấy biên nhận hợp lệ cho hồ sơ công bố chất lượng Hàng Hóa và/hoặc giấy chứng nhận đăng ký chất lượng Hàng Hóa, giấy chứng nhận đăng ký hợp chuẩn, hợp quy Hàng Hóa (nếu có) và/hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương và phải duy trì hiệu lực các giấy chứng nhận,tài liệu đó phù hợp với quy định pháp luật trong suốt Thời Hạn Hiệu Lực và Giai Đoạn Thương Lượng của Hợp Đồng này. Trong mọi trường hợp, Nhà Cung Cấp luôn phải chịu trách nhiệm về chất lượng Hàng Hóa cung cấp cho EBS.
The Supplier shall provide EBS with a certified copy of the valid receipt of dossier of quality announcement of the Goods and/or certificate of quality registration of the Goods, certificate of registration of standard conformity and technical regulation conformity of the Goods (if any) and/or other equivalent documents and shall maintain the validity of such certificates/documents in accordance with applicable laws. In any event the Supplier shall remain at all times liable in respect of the quality of any Goods supplied to EBSduring the entire Term of the Contract and any extension thereof.

Điều 7 – TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP VỀ DÁN NHÃN HÀNG HÓA
Article 7 – OBLIGATIONS OF THE SUPPLIER IN TERMS OF LABELLING

7.1 Nhà Cung Cấp phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về dán nhãn Hàng Hóa cũng như các quy định về mã số, mã vạch hoặc bất kỳ tiêu chuẩn về mã số, mã vạch nào khác mà EBS thông báo tùy từng thời điểm cho Nhà Cung Cấp phù hợp với quy định pháp luật
The Supplier shall comply with any applicable Vietnam laws on labelling and on EAN codification or any other codification standards as may be informed from time to time by EBS to the Supplier in accordance with the applicable laws.

7.2 Nhà Cung Cấp phải bảo đảm là Hàng Hóa nhập khẩu phải có nhãn bằng tiếng Việt theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
The Supplier shall ensure that the imported Goods shall have a label in Vietnamese language in accordance with applicable regulations.

7.3 Nhà Cung Cấp phải thanh toán cho EBS khoản phí hành chính cố định cho các lỗi về dán nhãn Hàng Hóa để bù đắp chi phí phát sinh đối với EBS như sau, :
The Supplier shall pay to EBS fixed administrative fees for errors in labelling of the Goods in order to cover the costs incurred by EBS as follows:

(i) Hàng Hóa không có mã vạch EAN hoặc có mã vạch EAN nhưng không đọc được : [1.500.000] VND (một triệu năm trăm ngàn đồng Việt Nam) cho mỗi SKU của EBS và cho mỗi sai sót.
Absence of or illegible EAN code of the Goods: VND 1,500,000 (one million five hundred thousand Vietnamese dong) per each Stock Keeping Unit (SKU) of EBS and per each error.

(ii) Ghi sai ngày sản xuất, ngày hết hạn sử dụng Hàng Hóa: [1.500.000] VND (một triệu năm trăm ngàn đồng Việt Nam) cho mỗi SKU và cho mỗi sai sót.
Error on production date or expiry date of the Goods: VND 1,500,000 (one million five hundred thousand Vietnamese dong) per each SKU and per each error.

(iii) Hàng Hóa nhập khẩu không có nhãn bằng tiếng Việt: [1.500.000] VND (một triệu năm trăm ngàn đồng Việt Nam) cho mỗi SKU và mỗi sai sót.
Absence of label in Vietnamese language on imported Goods: VND 1,500,000 (one million five hundred thousand Vietnamese dong) per each SKU and per each error.

(iv) Các lỗi khác về dán nhãn, bao gồm nhưng không giới hạn, nhãn không đúng quy định hiện hành: [1.500.000] VND (một triệu đồng năm trăm ngàn Việt Nam) cho mỗi SKU và cho mỗi sai sót.
Other errors on labelling, including but not limited to a label not in line with the applicable regulations: VND 1,500,000 (one million five hundred thousand Vietnamese dong) per SKU and per each error.

Ngoài ra, trong bất kỳ trường hợp nào quy định tại Điều 7 này, EBS có quyền chấm dứt Hợp Đồng với hiệu lực ngay lập tức bằng việc gửi một thông báo bằng văn bản cho Nhà Cung Cấp.
Furthermore, in any of the circumstances set out in this Article 7, EBS shall be entitled to terminate the Contract with immediate effect subject to written notice to the Supplier.

Điều 8 – QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ
Article 8 – INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS

8.1 Nhà Cung Cấp cam kết như sau liên quan đến việc tuân thủ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ:
The Supplier undertakes as follows in relation to its compliance with the regulations on intellectual property rights:

(i) Nhà Cung Cấp tuân thủ mọi quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền sở hữu trí tuệ.
The Supplier shall comply with all and any applicable laws and regulations of Vietnam on intellectual property rights.

(ii) Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng Hàng Hóa cung cấp cho EBS không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và không phải là hàng giả.
The Supplier shall ensure that the Goods sold to EBS do not infringe any intellectual property rights and are not counterfeited.

(iii) Nhà Cung Cấp phải cung cấp cho EBS các tài liệu phù hợp chứng nhận rằng Nhà Cung Cấp đã hoàn thành mọi đăng ký cần thiết theo quy định để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với hoặc có quyền sử dụng hợp pháp các đối tượng sở hữu trí tuệ được bảo hộ cho Hàng Hóa đó.
The Supplier shall provide EBS with proper documents evidencing that the Supplier has completed any necessary registration as required for protection of intellectual property rights on, or has lawful right to use protected intellectual property object of the Goods.

(iv) Trong trường hợp Nhà Cung Cấp chỉ có quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ theo hợp đồng cấp quyền sử dụng thì Nhà Cung Cấp phải bảo đảm rằng hợp đồng cấp quyền đó là hợp lệ để không ảnh hưởng bất lợi đến việc cung cấp Hàng Hóa cho EBS theo Hợp Đồng này.
In the event the Supplier only has the right to use an intellectual property object under a license contract, the Supplier shall ensure that such license contract is valid in order not to adversely affect the supply of the Goods to EBS in accordance with this Contract.

(v) Đối với Hàng Hóa được nhượng quyền thương mại, Nhà Cung Cấp cam kết tuân thủ hợp đồng đã ký với bên nhượng quyền và quy định có liên quan của pháp luật. Nhà Cung Cấp sẽ bảo đảm rằng việc nhượng quyền thương mại này có hiệu lực và việc bán Hàng Hóa bởi các Công Ty Central không bị ảnh hưởng bất lợi bởi giao dịch nhượng quyền thương mại liên quan dưới bất kỳ hình thức nào. Trong trường hợp có khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan tới Hàng Hóa được nhượng quyền, Nhà Cung Cấp cam kết cung cấp cho EBS mọi giấy tờ chứng minh.
As far as Goods under franchise are concerned, the Supplier undertakes to comply with its contract with the franchisor and related provisions of laws. The Supplier shall ensure that such franchise is valid and the execution and shall not be adversely affected by the franchising transaction in whatsoever manner. In case of litigation arising out of or in connection with Goods under a franchise, the Supplier undertakes to provide EBS with all relevant supporting documents.

8.2 Nếu có bất kỳ kiện tụng hay tranh chấp, hoặc điều tra hay bất kỳ thủ tục tư pháp hay hành chính nào khác liên quan đến Hàng Hóa và/hoặc bất kỳ Cửa Hàng và/hoặc EBS mà do nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp là do Nhà Cung Cấp vi phạm Điều 8.1 Hợp Đồng này, Nhà Cung Cấp cam kết, bằng chi phí của mình, thu hồi các Hàng Hóa bị tranh chấp đó và có trách nhiệm bồi thường mọi chi phí, phí tổn và thiệt hại mà EBS phải chịu (bao gồm nhưng không giới hạn như án phí và các chi phí tranh tụng liên quan khác). Đặc biệt, Nhà Cung Cấp phải hoàn trả lại cho EBS toàn bộ giá trị Hàng Hóa vi phạm bị thu hồi mà EBS đã thanh toán trước.
If there is any legal action or dispute, or investigation or other administrative or judicial proceedings conducted in relation to the Goods and/or any Store and/or EBS as a result of a direct or indirect breach by the Supplier of Article 8.1 hereof, the Supplier undertakes to recall the disputed Goods at its own costs and expenses, and is liable to compensate for any cost, expenses and damage incurred by EBS therefrom (including but not limited to procedural fees and related ligitation expenses). In particular, without limitation of the foregoing, the Supplier shall reimburse EBS in full for the value of any and all Goods to be recalled which have been paid in advance by EBS.
Nhà Cung Cấp công nhận rằng mình có thể bị triệu tập để tham gia tố tụng cùng với EBS. Trong trường hợp đó, Nhà Cung Cấp sẽ thực hiện mọi công việc cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của EBS, và thực hiện các nghĩa vụ của Nhà Cung Cấp đối với các bên thứ ba.
The Supplier hereby acknowledges that it may be summoned to any proceedings involving EBS. In such case, the Supplier shall take all necessary actions to protect the lawful rights and interest of EBS, and perform any obligations it owes to third parties.

Điều 9 – TẠO MÃ HÀNG HÓA
Article 9 – GOODS CODE GENERATION

9.1 Cho mục đích định danh Hàng Hóa, lưu trữ và quản lý các giao dịch bán Hàng Hóa, Nhà Cung Cấp phải cung cấp cho EBS toàn bộ các dữ liệu đầy đủ và chính xác về Hàng Hóa, và chịu hoàn toàn trách nhiệm về sự chính xác và tin cậy của các thông tin đó. Đồng thời, Nhà Cung Cấp phải cung cấp thông tin bổ sung theo yêu cầu của EBS.
For the purpose of identifying the Goods, archiving and managing all sale transactions of Goods, the Supplier shall provide EBS with all and any complete and accurate data relating to the Goods, and shall be fully responsible for the accuracy and reliability of such data. In addition, the Supplier shall provide further data as required by EBS.

9.2 Thông tin mà Nhà Cung Cấp phải cung cấp cho EBS bao gồm nhưng không giới hạn:
The data to be provided by the Supplier to EBS shall include without limitation to the following:

9.2.1 Mã vạch EAN của Hàng Hóa: là mã vạch có chứa các chữ số có trên mỗi Hàng Hóa bán cho người tiêu dùng. Mã vạch này phải luôn có trên Hàng Hóa hay trên bao bì của Hàng Hóa. Mã này phải ở dạng mà thiết bị của Các Cửa Hàng có thể đọc được.
EAN code of the Goods: being the barcode with figures attached to each Goods sold to the customers. This barcode shall always appear on the Goods or on the packaging of the Goods. This code shall be legible by the Stores' equipment.

9.2.2 Thông tin về Hàng Hóa: bao gồm tên Hàng Hóa và các thông tin bắt buộc cần thiết để cung cấp thông tin cho người tiêu dùng. Nhà Cung Cấp cam kết cung cấp Hàng Hóa theo đúng bản thông tin về Hàng Hóa đã cung cấp cho EBS và đã được EBS chấp nhận.
Information on the Goods: including the name of the Goods and compulsory information necessary to inform the customers. The Supplier undertakes to supply the Goods in compliance with the Goods information sheet communicated to and approved by EBS.

9.2.3 Bao bì Hàng Hóa: là bao bì của một hay nhiều *SKU* Hàng Hóa để bán cho người tiêu dùng. Bao bì Hàng Hóa phải được giữ cố định và chỉ được thay đổi khi gửi thông báo bằng văn bản cho EBS trước ba mươi (30) ngày.
Goods packaging: being the packaging of one or a number of SKU of the Goods sold to the customers. Goods packaging shall be constant and shall be changed only by serving a 30-day prior written notice to EBS.

9.3 Chấm dứt sản xuất hoặc cung cấp Hàng Hóa: Nếu Nhà Cung Cấp ngừng sản xuất hoặc cung cấp Hàng Hóa, Nhà Cung Cấp phải thông báo bằng văn bản cho EBS sáu mươi (60) ngày trước khi ngừng sản xuất hay cung cấp Hàng Hóa đó.
Goods production or supply ceasing: If the Supplier ceases to produce or supply the Goods, the Supplier shall give to EBS 60–day prior written notice before ceasing to produce or supply the Goods.

9.4 Để tránh việc lạm dụng có thể ảnh hưởng tới hoạt động của EBS, EBS sẽ tính những chi phí quản lý sau đây cho Nhà Cung Cấp:
In order to avoid abuses affecting the smooth function of EBS, the following administration fees shall be charged to the Supplier by EBS:

(i) Tạo lập mã Nhà Cung Cấp mới khi có thay đổi về hành chính hay pháp lý của Nhà Cung Cấp: [10.000.000] VND (mười triệu đồng Việt Nam)/lần;
Creating a new Supplier's code in case of administration or legal changes of the Supplier: VND 10,000,000 (ten million Vietnamese dongs) per case;

(ii) Thay đổi nhà phân phối Hàng Hóa: [5.000.000] VND (năm triệu đồng Việt Nam)/lần;
Change of distributor of the Goods: VND 5,000,000 (five million Vietnamese dongs) per case;

(iii) Nếu Nhà Cung Cấp không thông báo cho EBS (i) về những thay đổi liên quan đến Hàng Hóa (bao gồm nhưng không giới hạn ở mã vạch, đóng gói, kích cỡ) trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có thay đổi đó, hoặc (ii) về việc ngừng sản xuất hoặc ngừng cung cấp Hàng Hóa như quy định tại Điều 9.3 của Hợp Đồng này: [5.000.000] VND (năm triệu đồng Việt Nam) cho mỗi Hàng Hóa và mỗi lần chậm hoặc không thông báo.
Where the Supplier fails to notify EBS of (i) any Goods related changes (including but not limited to barcode, packaging and dimension size) within 30 (thirty) days from the date of such changes, or (ii) the termination of the production or supply of the Goods in accordance with Article 9.3 hereof: VND 5,000,000 (five million Vietnamese dong) per each Goods and per each case of late notice or absence of notice.

Điều 10 – ĐƠN ĐẶT HÀNG
Article 10 – ORDERS

10.1 EBS sẽ đặt mua Hàng Hóa từ Nhà Cung Cấp theo đơn đặt hàng tùy từng thời điểm ("**Đơn Đặt Hàng**").
*EBS will place order for the Goods from the Supplier by purchase order from time to time (the "**Order**").*

10.2 Đơn Đặt Hàng có thể bao gồm các yêu cầu cụ thể mà Nhà Cung Cấp phải tuân thủ nghiêm ngặt với điều kiện Các Bên đã có thỏa thuận trước về các yêu cầu cụ thể này.
Orders may contain precise specifications that the Supplier shall strictly follow provided that the Parties have agreed on such precise specifications.

10.3 Hàng Hóa mà Nhà Cung Cấp giao cho EBS phải phù hợp về mọi mặt với các yêu cầu cụ thể cũng như các thông tin ghi trên bao bì Hàng Hóa.
The Goods to be delivered by the Supplier to EBS shall comply with the precise specifications and the information displayed on the packaging of the Goods in all respects.

Điều 11 – PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG
Article 11 –DELIVERY METHOD

Nhà Cung Cấp cam kết giao Hàng Hóa cho EBS tại địa điểm giao hàng được nêu trong Đơn Đặt Hàng.
The Supplier undertakes to deliver the Goods to EBS at the delivery place as set out in the Order.

11.1 Nhà Cung Cấp cam kết giao Hàng Hóa trong thời gian giao hàng cố định như được quy định tại Phụ Lục 3 của Hợp Đồng này (không bao gồm ngày nghỉ lễ và chủ nhật). Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng bên vận chuyển mình chỉ định sẽ tuân thủ nghiêm ngặt thời gian và địa điểm giao hàng đã được Các Bên thỏa thuận. Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm đối với mọi trường hợp giao hàng trễ ngay cả khi việc giao hàng muộn đó là do lỗi của bên vận chuyển.
The Supplier undertakes to deliver the Goods in accordance with the fixed delivery time as set out in Appendix 3 hereto (public holidays and Sundays excluded). The Supplier shall ensure that its assigned carrier shall strictly observe the time and place of delivery agreed between the Parties. The Supplier shall be responsible for any delay in delivery even if the delay is caused by the carrier's fault.

11.2 Nhà Cung Cấp cam kết giao toàn bộ số lượng Hàng Hóa theo đúng chủng loại và chất lượng mà EBS đã đặt hàng. Trong trường hợp Nhà Cung Cấp tổ chức/tham gia các chương trình khuyến mại theo đó bán Hàng Hóa đi cùng hàng tặng kèm, Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng hàng tặng kèm phải được giao cùng với Hàng Hóa tương ứng.
The Supplier undertakes to deliver the whole quantity of the Goods in strict compliance with the type and quality ordered by EBS. In case the Supplier organizes/participates in promotion programs under which the Goods are on sale with free promotional item(s), the Supplier must ensure that the free promotional item(s) shall be delivered together with the corresponding Goods.

11.3 Nhà Cung Cấp cam kết giao và bốc dỡ miễn phí Hàng Hóa tại kho hoặc địa điểm khác như quy định trong Đơn Đặt Hàng. Nhà Cung Cấp chịu mọi rủi ro đối với Hàng Hóa (bao gồm nhưng không giới hạn, Hàng Hóa bị mất và hư hỏng) cho tới thời điểm Hàng Hóa được giao cho nhân viên của EBS hoặc của Cửa Hàng có trách nhiệm tiếp nhận tại kho hoặc tại địa điểm được nêu trong Đơn Đặt Hàng, trừ Hàng Hóa mà EBS và/hoặc Cửa Hàng từ chối tiếp nhận do không đúng với yêu cầu của Đơn Đặt Hàng.
The Supplier undertakes to deliver and unload the Goods free of charge to the warehouse or other location as designated in the Order. The Supplier shall bear all risks to the Goods (including but not limited to Goods loss and damages) until such time as the Goods have been delivered to the staff of EBS or the Store in charge of the reception at the warehouse or at the designated location as mentioned on the Order, except for Goods refused by EBS and/or the Stores due to non-compliance with the Orders.

11.4 EBS có quyền từ chối tiếp nhận Hàng Hóa nếu Nhà Cung Cấp không cung cấp đủ các tài liệu sau:
EBS may refuse to receive the Goods if the Supplier fails to provide all of the following documents:

(i) Bản sao Đơn Đặt Hàng;
Copy of the Order;

(ii) Hóa đơn giá trị gia tăng, trong đó ghi rõ mã số của Đơn Đặt Hàng tương ứng;
Value added tax invoice which specifies the number of the respective Order;

(iii) Chứng từ hải quan đối với các Hàng Hóa nhập khẩu;
Customs documents with respect to imported Goods;

(iv) Phiếu bảo hành cho từng Hàng Hoá (nếu có).
Warranty voucher of each Goods item (if any).

11.5 Nhân viên tiếp nhận sẽ kiểm tra sơ bộ khối lượng và hình thức cảm quan của Hàng Hoá trước khi tiếp nhận và ký giấy tờ giao nhận.
The reception staff shall proceed a preliminary inspection of the visible quantity and shape of the Goods before receiving and signing the reception documentation.

Việc kiểm tra Hàng Hoá chỉ nhằm xác định số lượng Hàng Hoá và xác nhận rằng Hàng Hoá có tình trạng tốt và không có những hư hỏng hay khiếm khuyết nhìn thấy được. Trong mọi trường hợp, EBS không chịu trách nhiệm về bất kỳ rủi ro nào phát sinh từ hoặc liên quan đến các hư hỏng, khiếm khuyết không nhìn thấy được của Hàng Hoá.
The purpose of checking the Goods is to determine the quantity of Goods and to confirm that the Goods are in good condition without any visible damage or defect. EBS shall not be liable in any event for any risk arising from or related to invisible damages or defects of the Goods.

11.6 Nhà Cung Cấp chịu mọi khoản phí phát sinh từ hoặc liên quan đến việc giao nhận Hàng Hóa cho EBS theo Hợp Đồng này.
The Supplier shall bear all fees arising out of or in connection with the delivery of the Goods to EBS in accordance with this Contract.

11.7 Trường hợp Nhà Cung Cấp sử dụng dịch vụ chuỗi cung ứng của EBS để giao hàng hóa cho EBS, thì các điều khoản và điều kiện sử dụng dịch vụ chuỗi cung ứng quy định tại Phụ Lục 3 của Hợp Đồng sẽ được áp dụng.
In the event the Supplier uses the supply chain service of EBS for the delivery of Goods to EBS, the terms and conditions of the supply chain service as set out in the Appendix 3 hereto shall apply.

Điều 12 – PHẠT VI PHẠM PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG
Article 12 – PENALTIES FOR BREACHING DELIVERY MODALITY

12.1 Ngoại trừ trường hợp Bất Khả Kháng, nếu Nhà Cung Cấp vi phạm bất kỳ nghĩa vụ giao nhận nào như được quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng này, thì Nhà Cung Cấp phải trả cho EBS khoản tiền phạt vi phạm là [8%] của giá trị Đơn Đặt Hàng vi phạm tương ứng.
Except in case of Force Majeure, in the event that the Supplier commits any breach of its delivery obligations as provided in Article 11 hereof, the Supplier shall pay penalty of [8%] calculated on the relevant violated Order.

12.2 Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại, khiếu nại mà EBS và các Công ty Central phải gánh chịu do việc không giao hoặc giao chậm toàn bộ số Hàng Hóa mà EBS đã đặt hàng trước từ Nhà Cung Cấp cho chương trình khuyến mại đã xác nhận giữa Các Bên. Ngoài ra, nếu việc chậm giao Hàng Hóa thuộc chương trình khuyến mại dẫn đến tồn kho quá mức đối với Hàng Hóa đó sau khi kết thúc chương trình khuyến mại liên quan, thì bằng chi phí và phí tổn của mình, Nhà Cung Cấp có nghĩa vụ nhận lại toàn bộ Hàng Hóa chưa bán được trong vòng 7 (bảy) ngày kể từ ngày hết hạn chương trình khuyến mại đó và có nghĩa vụ hoàn trả cho EBS bất kỳ khoản thanh toán nào EBS đã trả cho số Hàng Hóa đó.
The Supplier shall be responsible for any damages/claim incurred by EBS and Central Companies due to delay or absence of delivery of all the Goods for which EBS has ordered in advance from the Supplier for the relevant promotional program agreed by the Parties. Furthermore, where a delay in delivery of Goods which is under a promotional program results in any excessive stock of Goods after the end of the relevant promotional program, the Supplier shall take back all unsold Goods within 7 (seven) days as from the expiry date of the relevant promotional program at its own costs and expenses and reimburse EBS of any payment made for such Goods.

Điều 13 – THÔNG TIN
Article 13 – INFORMATION

13.1 Các Bên cam kết thông báo cho nhau về mọi sự việc, sự kiện có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện Hợp Đồng này, đặc biệt là mọi thay đổi về điều kiện thị trường, vấn đề chất lượng Hàng Hóa, các nhận xét của cơ quan quản lý nhà nước hoặc của khách hàng cũng như những khiếu nại của bên thứ ba.
The Parties undertake to inform each other of all facts or events that may affect the performance of this Contract, especially such as any change in market conditions, quality problems of the Goods, remarks of State administrative bodies or clients as well as claims of third parties.

13.2 Nhà Cung Cấp có trách nhiệm theo dõi thường xuyên các quy định của pháp luật liên quan đến Hàng Hóa. Nhà Cung Cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm về các rủi ro do Hàng Hóa gây ra, với tư cách là nhà sản xuất hay nhà phân phối.
The Supplier shall be liable to regularly observe the laws and regulations relating to the Goods. As a producer or distributor, the Supplier is solely responsible for any risks caused by its Goods.

13.3 Nhà Cung Cấp sẽ thông báo ngay lập tức bằng văn bản cho EBS nếu có bất kỳ thay đổi hay bổ sung đối với các dữ liệu mà Nhà Cung Cấp đã cung cấp cho EBS để EBS có thể cập nhật dữ liệu của EBS một cách phù hợp.
The Supplier shall promptly notify in writing EBS in the event that there is any change to or supplement in respect of data that the Supplier has already provided to EBS, in order that EBS can update its data files accordingly.

Điều 14 – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN – HÓA ĐƠN
Article 14 – PAYMENT TERMS - INVOICES

14.1 **Thời hạn thanh toán**: EBS thanh toán cho Nhà Cung Cấp theo quy định tại Điều 4 của Phụ Lục 2 của Hợp Đồng.
***Payment Terms**: EBS shall make payments to the Supplier as specified in Article 4 of the Appendix 2 of the Contract.*

14.2 **Phương thức thanh toán chiết khấu, phí, khoản hỗ trợ như quy định tại Phụ Lục 2, 3 và Phụ lục 4 (nếu có) của Hợp Đồng**
Detailed payment mechanism of the discounts, fees, supports as set out in Appendices 2, 3 and Appendix 4 (if any) of the Contract

14.2.1 Các khoản chiết khấu, phí, các khoản hỗ trợ tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Phụ Lục 2 và 3 của Hợp Đồng này được tính trên số liệu tổng doanh số mua hàng trong tháng (có nghĩa là giá trị ròng theo hóa đơn, không có thuế GTGT) của EBS trừ đi giá trị Hàng Hóa mà EBS trả lại cho Nhà Cung Cấp theo hóa đơn điều chỉnh. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa số liệu doanh số mà EBS và Nhà Cung Cấp đưa ra, thì số liệu mà EBS đưa ra sẽ được áp dụng và phần chênh lệch (nếu có) sẽ được xem xét và điều chỉnh trong lần thanh toán của kỳ tiếp theo.
The discounts, fees, supports amounts as percentages (%)expressed in Appendices 2 and 3 attached hereto are based on each monthly turnover (meaning net invoiced price, excluding VAT) of EBS, reduced with the value of the Goods that EBS returns to the Supplier in accordance with the adjustment invoice. In case of any discrepancy between the turnover data that EBS and the Supplier provide, the data that EBS provides shall prevail and such difference (if any) will be taken into account and compensated at the next payment.

14.2.2 Đối với các khoản chiết khấu mà Nhà Cung Cấp phải thực hiện như nêu tại Phụ Lục 2, nếu Nhà Cung Cấp không phát hành hóa đơn cho các khoản chiết khấu này cho EBS trong vòng 14 (mười bốn) ngày kể từ ngày EBS thông báo cho Nhà Cung Cấp về số tiền chiết khấu, thì EBS sẽ tự động trừ các khoản chiết khấu này vào bất kỳ khoản tiền nào mà EBS phải thanh toán cho Nhà Cung Cấp. Việc cấn trừ này không miễn trừ Nhà Cung Cấp khỏi nghĩa vụ phát hành hóa đơn chiết khấu cho EBS.
Regarding the discounts due by the Supplier as mentioned in Appendix 2, if the Supplier fails to issue specific invoices for the discounts to EBS within 14 (fourteen) days as of the date of notifications of the discount amounts by EBS to the Supplier, EBS shall automatically deduct such discounts from any payments to be made by EBS to the Supplier Such deduction shall not exempt the Supplier from the obligation to issue invoices for the discounts payable to EBS.

Đối với các khoản hỗ trợ và phí mà Nhà Cung Cấp phải thanh toán như nêu tại điều Phụ Lục 2 của Hợp Đồng này, nếu Nhà Cung Cấp không thanh toán cho EBS trong vòng 14 (mười bốn) ngày kể từ ngày nhận được giấy báo nợ và/hoặc hóa đơn của EBS thì EBS sẽ tự động trừ các khoản này vào khoản tiền mua hàng mà EBS sẽ thanh toán cho Nhà Cung Cấp.
Regarding the supports and fees to be paid by the Supplier as provided in Appendices 2 hereof, if the Supplier does not pay EBS within 14 (fourteen) days from the receipt of the debit note and/or invoice of EBS, EBS shall automatically deduct such amount to the purchase amount to be paid by EBS to the Supplier.

14.3 **Hóa đơn, chứng từ:**
***Invoice and voucher**:*

Việc phát hành hóa đơn chứng từ theo Hợp Đồng này phải tuân thủ đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
The issuance of invoices and vouchers under this Contract shall be in compliance with the current laws of Vietnam.

Các mặt hàng in trên hóa đơn tài chính phải ghi theo thứ tự của các Đơn Đặt Hàng của EBS để tiện cho việc kiểm soát và thanh toán.
Items printed on the invoices should follow the instructions provided on the Orders of EBS for efficient control and payment.

Nếu Nhà Cung Cấp thực hiện giao Hàng Hóa cho EBS thông qua chi nhánh của Nhà Cung Cấp và muốn chi nhánh phát hành hóa đơn cho EBS đối với Hàng Hóa đó, thì Nhà Cung Cấp phải đăng kí thông tin theo mẫu do EBS cung cấp và gửi lại mẫu đăng kí đã điền thông tin đầy đủ, và đã được ký và đóng dấu, cho EBS.
In case the Supplier delivers the Goods to EBS through its branches, and would like its branches to issue the invoice for such Goods to EBS, the Supplier shall register information in accordance with the form provided by EBS and send back the signed and sealed registration form with complete information necessary to EBS.

Điều 15 – CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI
Article 15 – COMMERCIAL CONDITIONS

Các điều khoản thương mại ("**Các Điều Khoản Thương Mại**") được quy định chi tiết tại Điều 2 của Phụ Lục 2 của Hợp Đồng này. Các Bên đồng ý rằng, Các Điều Khoản Thương Mại quy định tại Điều 2 của Phụ Lục 2 của Hợp Đồng này được áp dụng trong suốt Thời Hạn Hiệu Lực của Hợp Đồng này. Trong Giai Đoạn Thương Lượng, Nhà Cung Cấp sẽ tạm thanh toán cho EBS theo Các Điều Khoản Thương Mại này và sẽ điều chỉnh khoản thanh toán cho phù hợp với các điều khoản thương mại theo Hợp Đồng mới cho giai đoạn năm 2024 ngay sau khi Các Bên ký kết Hợp đồng mới và/hoặc Phụ lục cho giai đoạn năm 2024.
*The commercial conditions (the "**Commercial Conditions**") are set out in detail in Article 2 of the Appendix 2 of the Contract. The Parties agree that the Commercial Condition as set out in Article 2 of the Appendix 2 hereof shall be applicable for the whole Term of this Contract. During the Negotiation Period, the Supplier shall temporarily use such Commercial Conditions for the payment to EBS and correct the payment in accordance with the commercial conditions set out in the new Contract for the year 2024 right after signing of new contract and/or appendix for the year 2024 by the Parties.*

Điều 16 – BẢO MẬT
Article 16 - CONFIDENTIALITY

16.1 Mỗi Bên phải giữ bí mật nội dung của Hợp Đồng này và bất kỳ thông tin nào nhận được từ Bên kia liên quan đến Hợp Đồng này và sẽ không tiết lộ các nội dung và thông tin này cho bất kỳ bên thứ ba nào. Nếu một Bên bị cơ quan hành chính hoặc cơ quan tài phán có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin, Bên đó sẽ phải thông báo ngay lập tức cho Bên còn lại bằng văn bản.
Each Party shall keep the contents of this Contract and any information received from the other Party in connection with this Contract strictly confidential and shall not disclose the same to any third party. If a Party is required to reveal such information by a competent administrative or judiciary authority, it shall immediately inform the other Party in writing.

16.2 Cho dù có quy định khác trái ngược với quy định này, mỗi Bên có thể tiết lộ bất kỳ thông tin nào cho các thành viên khác của Tập đoàn và bất kỳ thông tin nào được tiết lộ theo yêu cầu của pháp luật mà không cần phải thông báo trước cho bên còn lại.
Nowithstanding anything to the contrary, a Party may disclose any information to its affiliates of its Group and any information required to be disclosed by laws without prior notice to the other Party.

16.3 Điều 16 này tiếp tục có hiệu lực sau khi Hợp Đồng này chấm dứt.
This Article 16 shall survive after termination of this Contract.

Điều 17 – LUẬT ÁP DUNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
Article 17 – GOVERNING LAW AND DISPUTE SETTLEMENT

17.1 Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam.
This Contract is governed by, and must be construed in accordance with, the laws of Vietnam.

17.2 Các Bên tại đây đồng ý giải quyết mọi tranh chấp, xung đột hoặc yêu cầu phát sinh theo hoặc liên quan đến Hợp Đồng này một cách thiện chí thông qua thảo luận giữa Các Bên. Trường hợp không đạt được thoả thuận giải quyết tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày một Bên nhận được văn bản thông báo về tranh chấp, xung đột hoặc yêu cầu đó, thì tranh chấp, xung đột hoặc yêu cầu đó sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại thành phố Hồ Chí Minh. Phán quyết của Tòa án là phán quyết cuối cùng và có giá trị ràng buộc với Các Bên
The Parties hereby agree to resolve any dispute, controversy or claim arising under or in connection with this Contract in good faith by mutual agreement. Should no such mutual agreement be reached within a period of thirty (30) days of receipt of written notice of the same by any Party, the dispute, controversy or claim, shall be finally settled by the competent court at Ho Chi Minh City. The decision of the Court will be final decision that is valid and binding on the Parties.

Điều 18 – ĐIỀU KHOẢN KHÁC
Article 18 – MISCELLANEOUS

18.1 Mọi khoản tiền quy định tại Hợp Đồng này đều chưa bao gồm thuế GTGT.
Any amount set out herein is VAT excluded.

18.2 Nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhà Cung Cấp đối với Hàng Hóa là hàng khuyến mại, hàng tặng kèm cũng giống như nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhà Cung Cấp đối với Hàng Hóa cung cấp theo Hợp Đồng này.
The Supplier shall bear exactly the same obligations in respect of Goods which are part of a promotional program or provided for free as the Supplier bears in respect of any Goods provided under this Contract.

18.3 EBS và/hoặc Các Công Ty Central có toàn quyền quyết định tham gia hoặc không tham gia các chương trình khuyến mại do Nhà Cung Cấp tổ chức. Trường hợp EBS và/hoặc Các Công Ty Central tham gia các chương trình khuyến mại do Nhà Cung Cấp tổ chức, Nhà Cung Cấp phải cung cấp cho EBS bản sao của các tài liệu pháp lý chứng minh rằng các chương trình khuyến mại này đã được đăng ký và chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi thực hiện.
EBS and/or the Central Companies may decide at their own discretion to participate or not in any promotional programs organized by the Supplier. In the event that EBS and/or the Central Companies participate in the promotional programs organized by the Supplier, the Supplier shall provide EBS and the Central Companies with the copy of any or all legal documents proving that such promotional programs have been registered and approved by the competent authority before its implementation.

18.4 Nhà Cung Cấp toàn quyền quyết định hợp tác tham gia chương trình bán hàng đa kênh và ngày hội khách hàng quy định tại Phụ lục 4 của Hợp Đồng. Trong trường hợp Nhà Cung Cấp đồng ý tham gia các chương trình quy định tại Phụ lục 4, nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhà Cung Cấp đối với Hàng Hóa phân phối trên kênh bán hàng đa kênh và trong các ngày hội cũng giống như nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhà Cung Cấp đối với Hàng Hóa cung cấp theo Hợp Đồng này.
The Supplier reserves its right to cooperate with EBS in participating of the omni channels and brand day as set out in Appendix 4 hereof. In such a case, the Supplier shall bear exactly the same obligations in respect of Goods which are part of omni channels and brand day as the Supplier bears in respect of any Goods provided under this Contract.

18.5 Một Bên không được phép chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này cho bên thứ ba nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại, trừ trường hợp chuyển nhượng cho một đơn vị thuộc tập đoàn của mình và phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên còn lại.
A Party is not permitted to assign a part or the whole of its rights and obligations under the Contract to any third party without a prior written consent of the other Party, unless any assignment to an entity of its group with a prior notice to other Party.

18.6 "**Bất Khả Kháng**" là (một) sự kiện có tính chất bất thường và không phải do Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện đó gây ra, và không thể dự đoán vào thời điểm Các Bên ký kết Hợp Đồng này và không thể tránh được một cách hợp lý (ngoại trừ việc thiếu tiền hoặc không có khả năng tài chính của một Bên, khó khăn kinh tế, mà việc xảy ra các sự kiện đó sẽ không thể làm cơ sở để Bên bị ảnh hưởng được miễn giảm các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp Đồng này). Tùy thuộc vào điều kiện nêu trên, Bất Khả Kháng như được định nghĩa trong Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn ở: (1) thảm họa thiên nhiên như động đất, ngập lụt, lũ lụt, lốc xoáy, lở đất, bão hoặc hỏa hoạn; (2) hành động nổi dậy, chiến tranh, phá hoại, bạo động, nổi dậy dân sự, biểu tình, nhiễm bức xạ hay phóng xạ; (3) hành vi tịch thu, kê biên, ngăn cấm, trưng mua, yêu cầu, chỉ đạo hoặc cấm vận bằng luật, quy định, nghị định hoặc văn bản pháp lý khác có giá trị cưỡng chế thi hành theo luật; hoặc (4) bất kỳ thảm họa nào đã xảy ra vượt tầm kiểm soát hợp lý của một Bên.
*"**Force Majeure**" means (an) event(s) of an extraordinary nature which was not caused by the Party claiming for it and that could not be reasonably foreseen at the time this Contract is entered into by the Parties and which could not be avoided (other than lack of funds or the financial incapability of a Party, economic hardship, the occurrence of which shall not excuse or relieve the affected Party from its obligations and liability hereunder). Subject to the above conditions, Force Majeure as defined in this Contract includes, without being limited to: (1) natural disasters such as earthquakes, inundations, floods, cyclones, landslides, storms or fires; (2) insurrection, war, sabotage, riots, civil commotion, strikes, radiation or radioactive contamination; (3) expropriation, restraint, prohibition, requisition, requirement, direction or embargo by legislation, regulation, decree or other legally enforceable order; or (4) any other disaster which has occurred beyond the reasonable control of any Party.*

Nếu một Bên bị ảnh hưởng bởi Bất Khả Kháng, Bên đó sẽ thông báo ngay cho Bên kia bằng văn bản về tính chất và phạm vi ảnh hưởng của Bất Khả Kháng đó và sẽ phải hết sức nỗ lực một cách nhanh chóng và mẫn cán cũng như thực hiện tất cả những biện pháp và hành động thích hợp trong phạm vi quyền hạn của mình trên tinh thần thiện chí để khắc phục, loại trừ hoặc giảm thiểu những tác động tiêu cực của Bất Khả Kháng đó đối với mình và tiếp tục nỗ lực cũng như thực hiện tất cả các biện pháp và hành động đó để Bên đó có thể thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này.
If either Party is affected by Force Majeure, it shall forthwith notify the other Party in writing of the nature and extent thereof and shall promptly and diligently make every effort and take all appropriate measures and actions within its powers in good faith to overcome, eliminate or minimize the adverse effects of the Force Majeure on it and continue all such efforts and take all such measures and actions to enable it to perform or continue to perform its obligations under this Contract.

Không Bên nào được xem là vi phạm Hợp Đồng này hoặc bằng cách khác phải chịu trách nhiệm trước Bên kia, về bất kỳ chậm trễ nào trong việc thực hiện hoặc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này trong trường hợp việc chậm trễ hoặc không thực hiện đó là do bất kỳ Bất Khả Kháng nào mà Bên đó đã thông báo cho Bên kia gây ra, và thời gian thực hiện nghĩa vụ đó sẽ được gia hạn tương ứng theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.
Neither Party shall be deemed to be in breach of this Contract, or otherwise be liable to the other Party, by reason of any delay in performance or non-performance of any of its obligations hereof to the extent that such delay or non-performance is due to any Force Majeure which it has notified to the other Party, and the time for performance of that obligations shall be extended accordingly with the written agreement of the Parties.

18.7 Mọi thông báo hoặc thông tin trao đổi khác được đưa ra hoặc thực hiện theo Hợp Đồng này sẽ được đưa ra hoặc thực hiện bằng văn bản dưới hình thức thư hoặc fax hoặc email gửi Bên kia theo địa chỉ nêu ở trên, hoặc địa chỉ khác mà Bên đó thông báo cho Bên kia theo Điều này. Mọi thông báo hoặc thông tin trao đổi khác như vậy sẽ có hiệu lực vào thời điểm Bên kia nhận được.
Any notice or other communication to be given or made under this Contract shall be given or made in writing either by letter or fax or email to the other Party at the address set-out herein, or such other address as a Party may have notified to the other Party in accordance with this Article. Any such notice or other communication shall be effective upon receipt by the other Party.

18.8 Nếu bất kỳ quy định hoặc điều khoản của Hợp Đồng này bị tuyên bố là bất hợp pháp hay không thể thi hành trong bất kỳ chừng mực nào, cho dù là một phần hoặc toàn bộ, theo bất kỳ văn bản pháp luật nào hay theo nguyên tắc pháp quyền, thì trong chừng mực nêu trên, quy định hoặc điều khoản đó hoặc phần liên quan của quy định hoặc điều khoản đó không được xem là một phần của Hợp Đồng này và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng.
If any term or provision in this Contract shall in whole or in part be held to any extent to be illegal or unenforceable under any enactment or rule of law, that term or provision or part shall to that extent be deemed not to form part of this Contract and the enforceability of the remainder of this Contract shall not be affected.

18.9 Các tiêu đề của Hợp Đồng này chỉ để tiện theo dõi và không có giá trị xác định, sửa đổi hoặc bằng cách khác ảnh hưởng đến bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này.
The headings of this Contract are for convenience of reference only, and shall not define, modify or otherwise affect any of the provisions hereof.

18.10 Việc bất kỳ Bên nào không thực hiện hay chậm thực hiện hay không thực hiện bất kỳ quyền, quyền hạn, đặc quyền hay các biện pháp khắc phục mà Bên đó có được vì bất kỳ vi phạm nào của Bên còn lại sẽ không làm suy giảm bất kỳ quyền, quyền hạn, đặc quyền hay biện pháp khắc phục nào nói trên và cũng sẽ không được hiểu là từ bỏ các quyền, quyền hạn, đặc quyền hay biện pháp khắc phục nói trên hay là chấp nhận vi phạm đó, và bất kỳ hành động nào của bất kỳ Bên nào trong Hợp Đồng này đối với vi phạm đó sẽ không ảnh hưởng hay làm suy giảm bất kỳ quyền, quyền hạn, đặc quyền hay biện pháp khắc phục nào của Bên đó đối với bất kỳ vi phạm nào khác sau này.
No failure or delay or omission on the part of any of the Parties in exercising any of its rights, powers, privileges or remedies available in relation to any default by the other Party shall impair any such right power privilege or remedy or be construed as a waiver thereof or as acquiescence in such default, nor shall any action by any Party hereto in respect of such default affect or impair any right, power, privilege or remedy of that Party in respect of any other subsequent default.

Việc từ bỏ, nếu có, bất kỳ vi phạm nào đối với Hợp Đồng này hay bất kỳ quyền, quyền hạn, đồng ý, quyền tự quyết định hay biện pháp khắc phục nào phát sinh từ một lỗi hay vi phạm theo Hợp Đồng này, phải được lập thành văn bản và được ký bởi hay thay mặt bên từ bỏ.
The waiver, if any, of any breach of this Contract or of any right, power, authority, discretion or remedy arising upon a breach of or default under this Contract, must be in writing and signed by or on behalf of the party granting the waiver.

18.11 Các Phụ Lục đính kèm là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này. Hợp Đồng này, bao gồm cả phần giới thiệu Các Bên ký kết, phần các căn cứ, Phần 1 ("Điều Kiện Chung"), Phần 2 ("Điều Kiện Riêng"), Phần 3 ("Quy tắc Ứng xử") và các Phụ Lục đính kèm theo Hợp Đồng này tạo thành thỏa thuận trọn vẹn giữa Các Bên liên quan đến vấn đề chính của Hợp Đồng này và thay thế mọi thỏa thuận hoặc thu xếp trước đó, cho dù bằng lời nói hay bằng văn bản, giữa Các Bên.
The Appendices attached hereto form an integral part of this Contract. This Contract, including the signatories introduction, the recitals, Part 1 ("General Conditions"), Part 2 ("Special Conditions"), Part 3 ("Codes of Conduct") and the Appendices attached hereto constitute the entire agreement between the Parties in respect of the subject matter hereof and supersede any previous contracts or arrangements, oral or written, between the Parties.

18.12 Mọi sửa đổi hay thay đổi đối với Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực nếu việc sửa đổi hay thay đổi đó được Các Bên thỏa thuận và ký kết bằng văn bản.
Any amendment or modification of this Contract shall only be deemed valid if such amendment or modification is agreed in writing between and signed by the Parties.

Phần 2 - ĐIỀU KIỆN RIÊNG
Part 2 - SPECIAL CONDITIONS

A - ĐỐI VỚI HÀNG THỰC PHẨM
A - FOR FOODSTUFFS
(Không áp dụng cho Nhà Cung Cấp không cung cấp loại Hàng Hóa này)
(Not applicable to Supplier who does not supply this kind of Goods)

Điều 1 – TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP VỀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM
Article 1 – OBLIGATION OF THE SUPPLIER IN TERMS OF FOOD HYGIENE AND SAFETY

1. Nhà Cung Cấp phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Đặc biệt, Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng nhân viên, cơ sở sản xuất và Hàng Hóa của mình đáp ứng yêu cầu của các quy định này.
The Supplier shall comply strictly with regulations on food hygiene and safety. In particular, the Supplier has to ensure that its staff, factory and Goods satisfy all the requirements of such regulations.

2. Liên quan đến Hàng Hóa là thịt gia cầm, gia súc và thủy hải sản, Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng Hàng Hóa của mình có đầy đủ giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ sở thú y có thẩm quyền cấp tùy theo việc vận chuyển và giao các Hàng Hóa nói trên là trong phạm vi một tỉnh hay được vận chuyển qua ít nhất một tỉnh để giao. Nhà Cung Cấp cũng phải đảm bảo rằng người vận chuyển có đủ phương tiện để tuân thủ các điều kiện vệ sinh và an toàn thực phẩm và chịu sự kiểm soát của các trạm thú y đặt trên các đường giao thông liên tỉnh.
With respect to poultry and cattle meat and aquatic Goods, the Supplier shall ensure that each Goods has sufficient veterinary certificate issued by a competent veterinary authority depending on whether the Goods are transported and delivered within the borders of one province or are transported across at least one province border for delivery. The Supplier shall ensure that the carrier has sufficient means to observe food hygiene and safety conditions and submits to the control of veterinary stations stationed on inter-province roads.

3. Nhà Cung Cấp cho phép bên thứ ba được lựa chọn bởi EBS đến cơ sở sản xuất của Nhà Cung Cấp cùng nhân viên của EBS để kiểm tra sự tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và Nhà Cung Cấp phải thanh toán một khoản tiền cố định là 6.500.000 VNĐ cho một lần kiểm tra.
The Supplier shall authorize the third party appointed by EBS to come to the Supplier's factory with the EBS's staff to check the compliance with regulations on food hygiene and safety and the Supplier shall pay a fixed amount of VND 6,500,000 per control.

4. Trong trường hợp Hàng Hóa bị lỗi và phải thu hồi, Nhà Cung Cấp phải thanh toán một khoản phí cố định là 15.000.000 VNĐ (mười lăm triệu đồng) để cách ly Hàng Hóa liên quan. Khoản tiền này phải được Nhà Cung Cấp thanh toán cùng với (i) khoản tiền tương đương với giá trị của Hàng Hóa bị thu hồi mà EBS đã thanh toán trước cho Nhà Cung Cấp và (ii) các chi phí thực tế (nếu có) để hủy Hàng Hóa liên quan;
In case of having Goods in error and being subject to recall, the Supplier shall pay the fixed amount of VND 15,000,000 (fifteen million Vietnamese dongs) for the quarantine of concerned Goods. This amount shall be paid together with (i) the amount equivalent to value of Goods to be recalled which has been paid in advance to the Supplier and (ii) actual cost (if any) for the destruction of relevant Goods;

Điều 2 – PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG THỰC PHẨM
Article 2 – MODALITY OF DELIVERY OF FOODSTUFFS

Ngoài việc tuân thủ các yêu cầu liên quan đến việc giao hàng được quy định tại các Điều Kiện Chung, Nhà Cung Cấp còn phải đảm bảo rằng người vận chuyển của Nhà Cung Cấp tuân thủ nghiêm ngặt tất cả các quy định áp dụng về vệ sinh, chất lượng và an toàn, đặc biệt bao gồm nhưng không giới hạn đối với các Hàng Hóa là thực phẩm tươi sống.
In addition to the Supplier's compliance with the requirements relating to delivery as set out in the General Conditions hereof, the Supplier shall further ensure that its carrier shall strictly comply with all applicable hygiene, quality and safety regulations, including, in particular, but not limited to the Goods being fresh foods.

Điều 3 – ĐIỀU KIỆN ĐẶC BIỆT VỀ GIAO HÀNG THỰC PHẨM
Article 3 – SPECIAL CONDITIONS FOR DELIVERY OF FOODSTUFFS

1. Đối với Hàng Hóa là thực phẩm khô, Nhà Cung Cấp phải bảo đảm rằng vào ngày giao Hàng Hóa tại kho được chỉ định bởi EBS hoặc các Công Ty Central, thời hạn sử dụng còn lại của Hàng Hóa phải ít nhất bằng 4/5 (bốn phần năm) toàn bộ thời hạn sử dụng của Hàng Hóa như được ghi trên nhãn Hàng Hóa và bản thông tin Hàng Hóa đã cung cấp cho EBS và đã được EBS chấp nhận.

Regarding Goods being dry food, the Supplier shall ensure that on the date of delivery of the Goods in the warehouse designated by EBS or the Central Companies, the remaining shelf-life of the Goods is at least equal to 4/5 (four fifths) of its total shelf-life as stated on the label of the Goods and the Goods information sheet communicated to and approved by EBS.

2. Đối với Hàng Hóa là thực phẩm tươi sống, Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng vào ngày giao Hàng Hóa tại kho được chỉ định bởi EBS hoặc các Công Ty Central, thời hạn sử dụng còn lại so với toàn bộ thời hạn sử dụng của Hàng Hóa phải ít nhất bằng:
Regarding Goods being fresh food, the Supplier shall ensure that at the date of delivery of the Goods at the warehouse designated by EBS or the Central Companies, in comparison to the total shelf-life of the Goods, the remaining shelf-life shall be equal to at least:
   a. 80% (tám mươi phần trăm) đối với sản phẩm sữa tươi và thịt chín;
   80% (eighty per cent) for fresh dairy products and cooked meat;
   b. 100% (một trăm phần trăm) đối với sản phẩm thịt gia cầm, gia súc và thủy hải sản;
   100% (one hundred per cent) for poultry, cattle and aquatic products;
   c. 70% (bảy mươi phần trăm) đối với các sản phẩm tươi sống khác.
   70% (seventy percent) for other fresh products.

B - ĐỐI VỚI HÀNG MỸ PHẨM
B - FOR COSMETIC GOODS
(Không áp dụng cho Nhà Cung Cấp không cung cấp loại Hàng Hóa này)
(Not applicable to a Supplier who does not supply this kind of Goods)

Điều 4 – TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP VỀ NHẬP KHẨU MỸ PHẨM
Article 4 – OBLIGATION OF THE SUPPLIER IN TERMS OF IMPORTATION OF COSMETIC GOODS

Liên quan đến mỹ phẩm nhập khẩu, Nhà Cung Cấp cam kết cung cấp cho EBS tất cả các tài liệu liên quan về đăng ký và cấp phép phân phối do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Đặc biệt, Nhà Cung Cấp phải cung cấp cho EBS bản sao chứng thực số biên nhận thông báo của sản phẩm mỹ phẩm theo quy định.
With respect to imported cosmetic goods, the Supplier undertakes to provide EBS with all relevant documents on distribution registration and authorization delivered by the competent authority of Vietnam. In particular, the Supplier shall provide to EBS with a certified copy of the number for receipt of notification of cosmetic products as required by the regulations.

Điều 5 – ĐIỀU KIỆN ĐẶC BIỆT VỀ GIAO HÀNG MỸ PHẨM
Article 5 – SPECIAL CONDITIONS FOR DELIVERY OF COSMETIC GOODS

Đối với Hàng Hóa là mỹ phẩm, Nhà Cung Cấp phải bảo đảm rằng vào ngày giao Hàng Hóa tại kho được chỉ định bởi EBS hoặc các Công Ty Central, thời hạn sử dụng còn lại của Hàng Hóa phải ít nhất bằng 4/5 (bốn phần năm) toàn bộ thời hạn sử dụng của Hàng Hóa như được ghi trên nhãn Hàng Hóa và bản thông tin Hàng Hóa đã cung cấp cho EBS và đã được EBS chấp nhận.
Regarding Goods being cosmetic goods, the Supplier shall ensure that on the date of delivery of the Goods in the warehouse designated by EBS or the Central Companies, the remaining shelf-life of the Goods is at least equal to 4/5 (four fifths) of its total shelf-life as stated on the label of the Goods and the Goods information sheet communicated to and approved by EBS.

C - ĐỐI VỚI HÀNG PHI THỰC PHẨM
C - FOR THE NON – FOOD GOODS
(Không áp dụng cho Nhà Cung Cấp không cung cấp loại Hàng Hóa này)
(Not applicable to Supplier who does not supply this kind of Goods)

Điều 6 – TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP ĐỐI VỚI KHIẾM KHUYẾT CỦA SẢN PHẨM
Article 6 – THE SUPPLIER'S RESPONSIBILITY REGARDING GOOD DEFECT

1. Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm về mọi tổn thất và thiệt hại gây ra cho EBS và các Công Ty Central cũng như nhân viên, tài sản và khách hàng của EBS và của các Công Ty Central do Nhà Cung Cấp vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và/hoặc pháp luật Việt Nam và, đặc biệt bao gồm nhưng không giới hạn, liên quan đến bất kỳ Hàng Hóa bị khiếm khuyết nào.
   The Supplier shall be liable for all loss and damage caused to EBS and the Central Companies and their staff, property and clients due to any breach by the Supplier of its obligations under this Contract and/or the Vietnamese laws and, in particular, but not limited to, in respect of any defective Goods.

2. Trong trường hợp có Hàng Hóa bị lỗi và phải thu hồi, Nhà Cung Cấp phải thanh toán một khoản phí cố định là 15.000.000 VNĐ (mười lăm triệu đồng) cho việc cách ly Hàng Hóa liên quan. Khoản tiền này phải được Nhà Cung Cấp thanh toán cùng với (i) khoản tiền tương đương với giá trị của Hàng Hóa bị thu hồi mà EBS đã thanh toán trước cho Nhà Cung Cấp và (ii) các chi phí thực tế (nếu có) để hủy Hàng Hóa liên quan;
In case of having Goods in error and being subject to recall, the Supplier shall pay the fixed amount of VND 15,000,000 (fifteen million Vietnamese dongs) for the quarantine of concerned Goods. This amount shall be paid together with (i) the amount equivalent to value of Goods to be recalled which has been paid in advance to the Supplier and (ii) actual cost (if any) for the destruction of relevant Goods;

Điều 7 – TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP TRONG VIỆC SỬA CHỮA VÀ BẢO HÀNH
Article 7 – THE SUPPLIER'S RESPONSIBILITY FOR REPAIR AND WARRANTY

1. Nhà Cung Cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng cuối cùng liên quan đến nghĩa vụ bảo hành Hàng Hoá bao gồm cả nghĩa vụ của Nhà Cung Cấp trong việc sửa chữa Hàng Hóa bị khiếm khuyết hoặc thay thế Hàng Hóa trong trường hợp không thể sửa chữa. Theo đó, Nhà Cung Cấp vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ sửa chữa và bảo hành đối với người tiêu dùng cuối cùng của Hàng Hóa ngay cả trong trường hợp Hợp Đồng đã hết hạn hoặc bị chấm dứt.
The Supplier shall remain fully liable to final consumers in respect of its Goods warranty obligations including its obligation to repair defective Goods or replace the Goods in case it is impossible to repair. The Supplier shall, accordingly, fulfil such obligations to the final consumers of its Goods even in the event that the Contract has expired or otherwise terminated.

Nhà Cung Cấp sẽ bồi thường và đảm bảo EBS và các Công Ty Central không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ và tất cả các khiếu nại, yêu cầu, nghĩa vụ, mất mát hay thiệt hại phát sinh từ hoặc liên quan đến (i) bất kỳ khiếm khuyết nào của Hàng Hóa, (ii) bất kỳ vi phạm nghĩa vụ bảo hành Hàng Hóa nào của Nhà Cung Cấp, và (iii) bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật hoặc quy định nào của Nhà Cung Cấp liên quan đến Hàng Hóa được bán cho EBS.
The Supplier shall indemnify and hold harmless EBS and the Central Companies against any and all claims, demands, obligations, losses, damages, arising out of or in connection with (i) any defect in the Good, (ii) any breach of the Supplier's Goods warranty obligations, and (iii) any breach of the laws or regulations by the Supplier with respect to the Goods sold to EBS.

2. Để đảm bảo rằng Nhà Cung Cấp sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ này đối với người tiêu dùng cuối cùng của Hàng Hóa của mình cụ thể là các khách hàng của EBS và của các Công Ty Central, Nhà Cung Cấp sẽ trả một khoản đặt cọc tương đương với [_____]% giá trị mua hàng ước tính hàng năm của EBS. Khoản đặt cọc này sẽ được hoàn trả lại cho Nhà Cung Cấp sau ngày hết hạn của Thời Hạn Thương Lượng hoặc của Thời Hạn Thương Lượng được gia hạn (nếu có) sau khi đã trừ đi tất cả các chi phí và phí tổn mà EBS phải chịu do Nhà Cung Cấp không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo hành của Nhà Cung Cấp. Nhà Cung Cấp không có quyền lấy lại số tiền đặt cọc này nếu Hợp Đồng chấm dứt trước ngày hết hạn của Thời Hạn Thương Lượng hoặc của Thời Hạn Thương Lượng được gia hạn (nếu có).
In order to ensure that the Supplier shall fulfil this obligation towards the final consumers of its Goods being EBS and the Central Companies' customers, the Supplier shall pay a deposit equivalent to [_____] % of EBS's estimated annual purchase value. Such a deposit shall be refunded to the Supplier after the expiry date of the Negotiation Period or of the extended Negotiation Period (if any) after deducting all costs and expenses incurred to EBS due to the Supplier's failure to duly implement its warranty obligations. The Supplier shall not be entitled to get back such a deposit in case of termination of the Contract before the expiry date of the Negotiation Period or of the extended Negotiation Period (if any).

Điều 8 – TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP TRONG VIỆC THU HỒI CÁC HÀNG HÓA BỊ KHIẾM KHUYẾT VI PHẠM (Áp dụng cho tất cả các loại Hàng Hóa)
Article 8 – THE SUPPLIER'S RESPONSIBILITY FOR RECALL OF DEFECTIVE GOODS (Applicable to all kinds of Goods)

Liên quan đến việc thu hồi Hàng Hóa bị khiếm khuyết vi phạm, Nhà Cung Cấp phải thu hồi toàn bộ Hàng Hóa bị khiếm khuyết vi phạm và chuyển khỏi các Cửa Hàng, kho của EBS trong vòng một (01) tuần kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi từ EBS đối với những Hàng hóa được cất giữ ở nhiệt độ bảo quản đặc biệt hoặc các sản phẩm là thực phẩm tươi sống không bao gói và trong vòng hai (02) tuần kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi từ EBS đối với những hàng hóa được cất giữ ở nhiệt độ bảo quản bình thường.

Regarding the recall of the defective Goods, the Supplier must recall all defective Goods and take out such defective Goods from the Stores and warehouse of EBS within one (01) week as from the date of receipt of the request for recall from EBS for the Goods stored in the special temperature or non packaged fresh food products and within two (02) weeks as from the date of receipt of the request for recall from EBS for the Goods stored in the ambiant temperature.

Trong quá trình Nhà Cung Cấp thực hiện việc thu hồi Hàng Hóa, những sản phẩm hết hạn sử dụng trong thời gian này sẽ được hủy tại các Cửa Hàng khi hết hạn và EBS sẽ không phải thanh toán cho Nhà Cung Cấp giá trị của những sản phẩm hết hạn sử dụng này với điều kiện Nhà Cung Cấp đã được thông báo trước về ngày hết hạn gần nhất của những Hàng Hóa đó tại các Cửa Hàng và số lượng tương ứng.
During the time that the Supplier implement the recall of Goods, the items with the expired shelf-life within this time will be destroyed in the Stores when expired and EBS shall not have to pay to the Supplier the value of such out of date items in condition that the Supplier was informed before about the sooner expiring date of such Goods in the Stores and the equivalent quantity.

Đối với Hàng Hóa được cất giữ ở nhiệt độ bảo quản đặc biệt hoặc thực phẩm tươi sống không bao gói, trong trường hợp Nhà Cung Cấp không thực hiện thu hồi Hàng Hóa bị khiếm khuyết sau một (01) tuần kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi từ EBS hoặc nếu EBS không hủy yêu cầu thu hồi của mình sau (01) tuần kể từ ngày đưa ra yêu cầu thu hồi đó, thì EBS và/hoặc các Công Ty Central sẽ tiêu hủy toàn bộ số Hàng Hóa bị khiếm khuyết và không phải thanh toán cho Nhà Cung Cấp giá trị của những Hàng Hóa bị khiếm khuyết này.
For the Goods stored in the special temperature or non packaged fresh food products,in the event that the Supplier does not take back the defective Goods after one (01) week as from the date of recept of the request for recall from EBS or if EBS does not cancel its request for recall after one (01) week as from the date of the request for recall, EBS and/or the Central Companies will destroy all of the defective Goods and shall not have to pay to the Supplier the value of the such defective Goods.

Đối với những hàng hóa được cất giữ ở nhiệt độ bình thường, trong trường hợp Nhà Cung Cấp không thu hồi toàn bộ Hàng Hóa bị khiếm khuyết sau hai (02) tuần kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi từ EBS hoặc nếu EBS không hủy yêu cầu thu hồi của mình sau hai (02) tuần kể từ ngày đưa ra yêu cầu thu hồi đó, thì EBS và/hoặc các Công Ty Central sẽ tiêu hủy toàn bộ số Hàng Hóa bị khiếm khuyết và không phải thanh toán cho Nhà Cung Cấp giá trị của những Hàng Hóa bị khiếm khuyết này.
For the goods stored in the ambiant temperature, in the event that the Supplier does not take back the defective Goods after two (02) weeks as from the date of receipt of the request for recall from EBS or if EBS does not cancel its request for recall after two (02) weeks as from the date of the request for recall, EBS and/or the Central Companies will destroy all of the defective Goods and shall not have to pay the Supplier the value of the such defective Goods.

Ngoài ra, Nhà Cung Cấp phải thanh toán cho EBS một khoản phạt tương đương với [8%] (tám phẩm trăm) tổng giá trị của Hàng Hóa bị khiếm khuyết. EBS có quyền khấu trừ khoản tiền phạt [8%] nêu trên và bất kỳ khoản tiền nào khác mà EBS đã thanh toán cho Nhà Cung Cấp liên quan đến những Hàng Hóa bị khiếm khuyết đó vào bất kỳ khoản tiền nào mà EBS phải thanh toán cho Nhà Cung Cấp, mà không làm ảnh hưởng đến các quyền và biện pháp khắc phục khác của EBS theo pháp luật và theo Hợp Đồng.
In addition, the Supplier shall pay EBS a penalty equivalent to [8%] (eight per cent) of the total value of the defective Goods. EBS is entitled to deduct the above [8%] penalty amount and any other payment amount made to the Supplier in respect of the defective Goods from any amount payable by EBS to the Supplier, without preducice to EBS's rights and remedies under the laws and the Contract.

Phần 3: QUY TẮC ỨNG XỬ
*Part 3: **CODES OF CONDUCT***

Điều 1: Mục đích và phạm vi áp dụng
Article 1: Purposes and scope

Bộ Quy tắc Ứng Xử này ("**Quy tắc**") đặt ra các yêu cầu của EBS và Các Công Ty Central thuộc Tập đoàn Central Retail tại Việt Nam ("**CRV"**) về việc Nhà Cung Cấp (sau đây cũng được gọi là "**Công ty**") phải hoạt động một cách hợp pháp và tuân theo đạo đức. Khi trở thành đối tác của CRV, Công ty phải tuân thủ không chỉ mọi quy định pháp luật có liên quan mà còn phải tuân thủ theo Quy tắc này.
*This Code of Conduct ("**Code**") sets out the requirements of EBS and the Central Companies of Central Retail in Vietnam ("CRV") as to how the Supplier ("Company") will conduct themselves in a legal and ethical manner. As a partner of CRV, the Company is required to comply not only with all applicable laws, but also with this Code.*

Trong quá trình hợp tác với CRV, Công ty đồng ý rằng tất cả nhân viên, đại lý, nhà cung cấp và đối tác của Công ty ("**Đối tác của Công ty**") tuân thủ với Quy tắc này, chấp thuận thực thi đầy đủ và đảm bảo sự tuân thủ mọi lúc, và miễn trách nhiệm cho CRV về bất kỳ sự không tuân thủ nào đối với Quy tắc này. Công ty phải tiến hành đào tạo định kỳ và thực hiện các hoạt động kiểm soát nội bộ hợp lý để đảm bảo rằng tất cả các Đối tác của Công ty hiểu rõ về các yêu cầu trong tài liệu này. Việc không tuân thủ luật pháp hiện hành hoặc Quy tắc này có thể khiến Công ty phải chịu các trách nhiệm dân sự và/ hoặc hình sự nghiêm trọng, cùng với các biện pháp xử lý từ CRV bao gồm nhưng không giới hạn việc chấm dứt mối quan hệ đối tác. CRV bảo lưu quyền yêu cầu đòi bồi thường cho các thiệt hại mà CRV gánh chịu do Công ty không tuân thủ Quy Tắc này.
*By partnering with CRV, you contractually agree that your employees, agents, suppliers and downstream partners ("**Company's Partners**") adhere to this Code and agree to fully enforce it and ensure compliance at all times, and to fully indemnify CRV for any non-compliance of this Code. You should conduct periodic training and implement reasonable internal controls to ensure that all the Company's Partners are informed regarding the requirements herein. Failure to comply with applicable laws or this Code could subject You to severe civil and/or criminal responsibilities, along with discipline by CRV including but not limited to termination of the partnership. CRV reserves its right to claim any compensation for any damage suffered by CRV due to non-compliance of the Company with this Code.*

Điều 2: Đạo đức kinh doanh trong quan hệ mua bán/đối tác
Article 2: Business ethics in trading/partnership relations

Công ty cam kết tiến hành các biện pháp phù hợp nhằm quản lý/ ngăn chặn các hành vi sau đây:
The Company commits to carry out appropriate measures to manage/ prevent all acts as follow:

A. Xung đột về lợi ích trong hoạt động kinh doanh
Interest conflict in business

Xung đột về lợi ích là tình huống xảy ra khi nhân viên công ty vì những lợi ích riêng mà làm ảnh hưởng tới các quyết định liên quan tới lợi ích của công ty. Các tình huống xung đột hoặc có khả năng gây xung đột về lợi ích bao gồm, nhưng không giới hạn ở các việc sau đây:
A conflict of interest is a set of situation in which employees of the company, for personal benefit, influencing the outcome of a decision related to the interest of the company. Situations that might conflict, or appear to conflict of interest include, but are not limited to, the followings:

- Nhân viên của CRV phụ trách kinh doanh và đối tác liên quan đến Công ty có mối quan hệ vợ chồng, cha mẹ, anh chị em, ông bà, con cái, cháu, cha mẹ vợ/chồng, hoặc bạn bè, v.v;
  The employee of CRV in charge of business and the partners related to the Company are spouses, parents, siblings, grandparents, children, grandchildren, parents-in-law, or friends, etc.;

- Nhân viên CRV sở hữu cổ phần, phần vốn góp, hay nhận ủy quyền hoặc nhận được bất kỳ lợi ích về tài chính nào trực tiếp hay gián tiếp từ phía Công ty;
  The employee of CRV owns share, capital, or is the proxy or receives any financial benefit directly or indirectly from the Company.

B. **Hành vi Gian lận**: là hành vi thực hiện việc lừa dối hoặc đưa thông tin thiếu chính xác mà người thực hiện đã nhận biết được hành vi đó, họ cũng nhận thức được những hành vi gian lận này có thể đem lại cho cá nhân hoặc tổ chức nào đó lợi ích bất hợp pháp hoặc tránh được các nghĩa vụ theo quy định.

***Acts of Fraud**: are acts to deceive or give inaccurate information that the implementers are aware of such acts, they are also aware of these fraud acts can bring illegal benefits to individuals or organizations or avoid regulated obligations.*

C. **Hành vi Hối lộ, Tham nhũng**: là những hành vi chào mời, cho, hứa hẹn cho, nhận, xin trực tiếp hoặc gián tiếp, bất cứ một thứ gì (vật chất hoặc phi vật chất) bao gồm nhưng không giới hạn ở tiền, chuyến du lịch trong và ngoài nước, sản phẩm, phiếu mua hàng, phiếu quà tặng, phiếu giảm giá, đề nghị tuyển dụng, các khoản vay cá nhân hoặc công ty, các bữa ăn, lời mời tham gia vào các sự kiện bao gồm nhưng không giới hạn ở các triển lãm, trình diễn đồ may mặc, phòng trưng bày sản phẩm mới, hội nghị trong và ngoài nước hoặc các sự kiện khác do Công ty tổ chức nhưng không có sự chấp thuận từ cấp lãnh đạo của CRV (là Người đứng đầu các Đơn vị kinh doanh cho toàn bộ trường hợp trừ các sự kiện/ chuyến du lịch tổ chức tại nước ngoài phải do Tổng Giám đốc chấp thuận), để gây ảnh hưởng về tính đúng đắn của các quyết định kinh doanh, trục lợi cá nhân trong các vấn đề như ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng trong mua bán, quản lý và sử dụng tiền, tài sản. Việc mua chuộc bất kỳ người nào nhằm mục đích giành được hoặc duy trì kinh doanh hoặc nhằm có được lợi thế không công bằng trong bất kỳ giao dịch kinh doanh hoặc giao dịch nào là bất hợp pháp và bị cấm. Trong giới hạn của Quy tắc này, Công ty được phép tặng cho nhân viên CRV các quà tặng là thực phẩm vào dịp Tết Nguyên đán và Tết Trung Thu và tổng giá trị của quà tặng thực phẩm cho cả hai dịp này không vượt quá 2.000.000 đồng và sẽ không bị xem là hành vi Hối lộ, tham nhũng. Các quà tặng thực phẩm này phải được tặng tại trụ sở văn phòng của CRV.

***Act of Bribing, Corruption**: are acts to offer, give, receive, promise, receive or ask for, directly or indirectly, anything (material or non-material) including but not limited to cash, domestic or oversea travel tour, products, voucher, gift voucher, discount, recruitment proposal, personal or corporate loan, meal, invitation for the events including but not limited to exhibitions, apparel performance, new product showroom, conference within Vietnam or abroad or other events organized by the Company without confirmation of CRV directors (i.e Head of Business for all cases except for oversea event and trip which must be approved by CEO),.. to affect the rightness of business decisions, to gain personal benefits in signing contracts, implementing contracts in trading, managing and using money, assets. It is unlawful and prohibited to bribe any person for the purpose of obtaining or retaining business or obtaining an unfair advantage in any business dealing or transaction. In the extent of this Code, giving food products as gift on the occasions of Lunar New Year or Mid-Autumn Festival and the accumulated value of food gift for both occasions not exceeding VND 2,000,000 is acceptable and is not considered as act of bribing, corruption. The Company must give such food gift to CRV's employees at CRV's office.*

D. **Hành vi Ép buộc**: là làm hại hoặc đe dọa làm hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến một bên hay tài sản của bên đó để gây ảnh hưởng xấu đến hành động của bên đó.

***Acts of coercion**: are the acts to harm or threaten to harm directly or indirectly to one party or the property of that party to cause wrongly affect to that party's action.*

E. **Hành vi Câu kết, thông đồng:** là việc dàn xếp giữa nhân viên hai bên hoặc các bên nhằm đạt được mục đích không đúng bao gồm cả việc gây ảnh hưởng không phù hợp đến hành động của bên khác.

***Acts of collusion:** are the acts to settle by the employees of two parties or by the parties to achieve the wrong purpose including making inappropriate influence to actions of other parties.*

F. **Hành vi Ngăn cản:** là hành động thay đổi, phá bỏ, làm giả hoặc che giấu các tài liệu, vật chứng liên quan hoặc cung cấp thông tin sai cho người có thẩm quyền nhằm cản trở việc điều tra, phát giác sự việc.

***Acts of prevention:** are the acts of changing, destroying, faking or hiding related documents, evidences or providing wrong information to authorized people to prevent investigation, explosion of the issue.*

Điều 3: Cam kết không trả đũa - Trách nhiệm thông báo/thực hiện
Article 3: Non Retaliation - Responsibility for informing/implementing

CRV cam kết không áp dụng bất kỳ khoản phạt nào đối với các hành vi vi phạm Quy Tắc của Công ty xảy ra trong quá khứ và trong hiện tại nếu Công ty đồng ý thông báo với CRV và cam kết chấm dứt ngay lập tức các hành vi vi phạm.

CRV undertakes not to impose any penalty to the act of violation of this Code made by the Company in the past and for the time being if the Company agrees to declare it with CRV and undertakes to stop such act of violation with immediate effect.

Các bên cam kết sẽ bảo vệ, không chia sẻ và/ hoặc lan truyền những thông tin đồn đại liên quan đến một bên, trừ phi được sự đồng ý của bên đó hoặc trừ phi thông tin đó đã được công bố rộng rãi tới đại chúng, và sẽ xem các tất cả các thông tin được chia sẻ hoặc tiết lộ từ bên đó như là thông tin mật.

The parties commit to protect, not share and/or spread rumor information relating to the other party except with its acceptance or the information entered the public domain and shall treat all shared information or information disclosed from other party as confidential information.

CRV nghiêm cấm hành động trả đũa nhằm vào nhân viên CRV- những người có thiện chí thông tin và/ hoặc báo cáo về bất kỳ hành vi vi phạm Quy Tắc này.
CRV prohibits any retaliatiion against any CRV employees who file reports and/ or provide information of any act of violation of this Code.

Hành động trả đũa là bất kỳ hành động, tuyên bố hoặc hành vi nào dùng để phục vụ cho việc đe dọa, trừng phạt một cá nhân/ bên nào cung cấp các thông tin về hành vi vi phạm Quy Tắc này hoặc tìm kiếm hướng dẫn về việc tuân thủ hoặc ngăn cản một trong những hành vi vi phạm. Sự trả đũa bao gồm nhưng không giới hạn như hăm dọa, hành động bất lợi đối với cá nhân/bên nào nhằm làm tổn hại/đe dọa đến lợi ích vật chất/phi vật chất của cá nhân/bên đó như cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động; đình chỉ/ chấm dứt quan hệ hợp tác/mua bán, vv.
Retaliation is any action, statement, or behavior that is designed to threaten, punish any individual and/or a party for providing information on the act of violation of this Code, seeking guidance regarding a compliance concern or to deter one from taking such action. Retaliation includes, but is not limited to, intimidation, adverse action against an individual/party to threaten the material / non-material interests of the individual / party such as demotion, termination of contract of employment; suspension/ termination of the partnership / trading relation, etc.

CRV duy trì và đảm bảo cơ chế bảo vệ cho nhân viên CRV bằng các quy trình nội bộ xử lý khiếu nại của CRV, trong trường hợp nhân viên CRV thực hiện tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi vi phạm trên cơ sở thiện chí. CRV đặt kỳ vọng vào nhân viên CRV trong việc thông tin/báo cáo cho CRV với thời gian nhanh nhất có thể trong trường hợp nghi ngờ, phát hiện bất kỳ hành vi vi phạm Quy Tắc này hoặc chịu bất kỳ áp lực nào dẫn đến việc vi phạm Quy Tắc này tại:
CRV maintain and ensure the protection mechanism in favor the CRV employees by the external procedure of complaint settlment, in the case that the CRV employees make report, provide information on the act of violation in a good faith way. CRV expects the CRV employees to report/inform CRV as soon as possible in case of any doubt, discovery of any act of violation of this Code or suffer any pressure which may cause violation of this Code at:

- Đường dây nóng/ *Hotline*: 1800 1713
- Hộp thư điện tử/ *Email*: crv.whistleblower@vn.centralretail.com

Nếu CRV có đủ cơ sở pháp lý về việc Công ty không hành động trên cơ sở thiện chí trong việc đưa ra các cáo buộc hoặc thông tin liên quan đến hành vi vi phạm Quy Tắc của nhân viên CRV, CRV có quyền áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CRV cũng như yêu cầu Công ty bồi thường các thiệt hại (nếu có).
In the event that CRV has legal basic proving that the Company is not acting in good faith with regard to their accusation or information of any act of violation of the Code made by the CRV employees, CRV shall be entitled to carry out appropriate action to protect its lawful right and interest as well as ask for compensation of any damage payable by the Company (if any).

Công ty trong mọi trường hợp có trách nhiệm phối hợp với CRV và các cơ quan có thẩm quyền có liên quan để điều tra, xử lý và đưa ra các biện pháp ngăn ngừa các hành vi sai phạm đối với các quy định tại Quy Tắc này. CRV cam kết hợp tác lâu dài và bình đẳng cùng có lợi với Công ty trên cơ sở Công ty phải tuân thủ Quy Tắc này.
The Company in any circumstance, has responsibility for cooperation with CRV and other related competent authorities to investigate, handle and implement measures for preventing the violation acts on regulations hereof. CRV undertake to maintain long-term relationship with the Company provided that the Company must comply with this Code.

Hợp Đồng này được ký vào ngày ghi ở trang đầu và được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị và hiệu lực như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, thì thực hiện theo bản tiếng Việt. EBS giữ hai (02) bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Nhà Cung Cấp giữ một (01) bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

The present Contract is signed on the date as first above mentioned and made in three (03) original copies in Vietnamese and English with equal validity and legal effect. In case of any discrepancy between the Vietnamese version and the English version, the Vietnamese version shall prevail. EBS keeps two (02) original copies in Vietnamese and English. The Supplier keeps one (01) original copy in Vietnamese and English.

Thay mặt và đại diện EBS ***For and on behalf of EBS***	**Thay mặt và đại diện Nhà Cung Cấp** ***For and on behalf of the Supplier***
Họ và tên / *Full name*: Ngô Thị Bích Thủy **Chức danh/ *Title*:** Quản lý ngành hàng/ *Category Manager*	
Họ và tên / *Full name*: NGUYỄN THỊ MINH LOAN **Chức danh / *Title*:** Quản lý thương mại/ *Commercial Manager*	**Họ và tên / *Full name*:** **Chức danh/ *Title*:** Chủ Tịch Công Ty Trần Thị Thơm
Họ và tên / *Full name*: KIM MYUNG SU **Chức danh/ *Title*:** Giám đốc thương mại ngành hàng FMCG / *FMCG Commercial Director*	

PHỤ LỤC 1/ *APPENDIX 1*
DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CENTRAL MUA HÀNG CỦA EBS
LIST OF CENTRAL COMPANIES PURCHASING GOODS FROM EBS

STT	Tên Công ty	Cửa hàng
1	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SIÊU THỊ BIG C AN LẠC ("EBA")** Địa chỉ: 1231 khu phố 5, đường quốc lộ 1A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh Mã số thuế: 0301472278	**GO! An Lạc** Địa chỉ: số 1231 khu phố 5, đường quốc lộ 1A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. **Big C Miền Đông** Địa chỉ: số 268, đường Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
2	**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SIÊU THỊ BIG C AN LẠC TẠI TRÀ VINH ("EBA TRA VINH")** **Địa chỉ:** Trung tâm thương mại và siêu thị Trà Vinh, đường Võ Nguyên Giáp, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. Mã số thuế: 0301472278 - 003	**GO! Trà Vinh** Địa chỉ: Trung tâm thương mại và siêu thị Trà Vinh, đường Võ Nguyên Giáp, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.
3	**CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SIÊU THỊ BIG C AN LẠC TẠI BẾN TRE ("EBA BẾN TRE")** **Địa chỉ:** Tầng Trệt, Trung tâm thương mại GO! Bến Tre, Ấp 1, đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 60), Xã Sơn Đông, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam **Mã số thuế: 0301472278-005**	**GO! Bến Tre** **Địa chỉ:** Tầng Trệt, Trung tâm thương mại GO! Bến Tre, Ấp 1, đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 60), Xã Sơn Đông, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
4	**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SIÊU THỊ BIG C AN LẠC TẠI BÀ RỊA ("EBA BÀ RỊA")** **Địa chỉ:** Tầng 1, Trung tâm thương mại GO! Bà Rịa, số 2A đường Nguyễn Đình Chiểu, Khu phố 1, Phường Phước Hiệp, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. **Mã số thuế: 0301472278 - 004**	**GO! Bà Rịa** **Địa chỉ:** Tầng 1, Trung tâm thương mại GO! Bà Rịa, số 2A đường Nguyễn Đình Chiểu, Khu phố 1, Phường Phước Hiệp, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.
5	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ BIG C ĐỒNG NAI ("EBD")** Địa chỉ : Số 833, xa lộ Hà Nội, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Mã số thuế: 3600258976	**Big C Đồng Nai** Địa chỉ: Số 833, xa lộ Hà Nội, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ DỊCH VỤ SIÊU THỊ BIG C THĂNG LONG ("EBT")** Địa chỉ: 222 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Mã số thuế: 0100956381	**Big C Thăng Long** Địa chỉ: Số 222 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. **Big C Long Biên** Địa chỉ: Tầng hầm, Trung tâm thương mại Gia Thụy, Khu X2, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội **Big C Mê Linh** Địa chỉ: Tầng một, Trung tâm thương mại VLXD và trang thiết bị nội thất Mê Linh Plaza, Km8 đường cao tốc Thăng Long-Nội Bài (đường Võ Văn Kiệt), thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội. **Tops market The Garden** Địa chỉ: Tầng hầm thứ nhất Trung tâm thương mại The Garden, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

		Tops market Hồ Gươm Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2, Trung tâm thương mại, văn phòng và nhà ở cao cấp Hồ Gươm Plaza, Khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội
		Tops market Lê Trọng Tấn Địa chỉ: Tầng hầm 1, tầng hầm 2 và tầng trệt, Tòa nhà Artemis, Số 3 đường Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
		Tops market Nguyễn Xiển Địa chỉ: Tầng hầm, Tổ hợp Thương mại, Siêu thị, Văn phòng và Nhà ở để bán Eco Green City tại các lô đất CT4 và CT9, đường Nguyễn Xiển, Khu đô thị mới Tây Nam Kim Giang 1, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
7	**CÔNG TY CỔ PHẦN EB HẢI PHÒNG** Địa chỉ : Lô 1/20 Khu đô thị mới Ngã Năm – Sân bay Cát Bi, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam. Mã số thuế : 0200662314	**GO! Hải Phòng** Địa chỉ: Lô 1/20, Khu đô thị mới Ngã Năm – Sân bay Cát Bi, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
8	**CHI NHÁNH CÔNG TY CP EB HẢI PHÒNG THÀNH PHỐ TẠI ĐÀ NẴNG ("EBDNg")** Địa chỉ : Khu thương mại Vĩnh Trung, đường Hùng Vương , phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng Mã số thuế: 0200662314-001	**GO! Đà Nẵng** Địa chỉ: Khu Thương mại Vĩnh Trung, đường Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
9	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN EB HẢI PHÒNG TẠI PHÚ THỌ ("EBVT"),** Địa chỉ: đường Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam Mã số thuế: 0200662314-002	**Big C Việt Trì** Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì
10	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN EB HẢI PHÒNG TẠI NINH BÌNH ("EBNB"),** Địa chỉ: đường Trần Nhân Tông, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam. Mã số thuế: 0200662314-003	**GO! Ninh Bình** Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
11	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN EB HẢI PHÒNG TẠI HẠ LONG ("EBHL"),** Địa chỉ: Cột 5, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. Mã số thuế: 0200662314- 004	**GO! Hạ Long** Địa chỉ: Cột 5, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
12	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN EB HẢI PHÒNG TẠI BẮC GIANG ("EBBG"),** Địa chỉ: Thôn Xuân, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam Mã số thuế: 0200662314- 005	**GO! Bắc Giang** Địa chỉ: Thôn Xuân, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

13	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN EB HẢI PHÒNG TẠI QUẢNG NGÃI ("CHI NHÁNH EBH TẠI QUẢNG NGÃI")** Địa chỉ: Tầng 1, Trung tâm thương mại và Siêu thị Hùng Cường Big C, đường Lý Thường Kiệt, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam Mã số thuế: 0200662314- 006	**GO! Quảng Ngãi** Địa chỉ: Tầng 1, Trung tâm thương mại Siêu thị Hùng Cường Big C, đường Lý Thường Kiệt, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
14	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN EB HẢI PHÒNG TẠI THÁI BÌNH ("CHI NHÁNH EBH TẠI THÁI BÌNH")** Địa chỉ: Trung tâm Thương mại GO! Thái Bình, đường Trần Thái Tông, Tổ 1, Phường Phú Khánh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam **Mã số thuế: 0200662314-008**	**GO! Thái Bình** Trung tâm Thương mại GO! Thái Bình, đường Trần Thái Tông, Tổ 1, Phường Phú Khánh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
15	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN EB HẢI PHÒNG TẠI THÁI NGUYÊN ("CHI NHÁNH EBH TẠI THÁI NGUYÊN")** Địa chỉ: Tầng 2, Trung tâm thương mại Việt – Nhật Thái Nguyên, Lô đất HH-01 thuộc Khu dân cư số 1, đường Việt Bắc, Phường Tân Lập, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam **Mã số thuế: 0200662314-007**	**GO! THÁI NGUYÊN** Tầng 2, Trung tâm thương mại Việt – Nhật Thái Nguyên, Lô đất HH-01 thuộc Khu dân cư số 1, đường Việt Bắc, Phường Tân Lập, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
16	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN EB HẢI PHÒNG TẠI LÀO CAI ("CHI NHÁNH EBH TẠI LÀO CAI")** Địa chỉ: Trung tâm thương mại GO! Lào Cai, km6 +600, thửa đất HH1 thuộc tiểu khu đô thị số 13, đường Trần Hưng Đạo, Phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam **Mã số thuế: 0200662314-009**	**GO! LÀO CAI** Trung tâm thương mại GO! Lào Cai, km6 +600, thửa đất HH1 thuộc tiểu khu đô thị số 13, đường Trần Hưng Đạo, Phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
17	**CHI NHÁNH TẠI TP HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP (TP.HÀ NỘI) ("EBG")** Địa chỉ : 792 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Mã số thuế: 0102313379-001	**GO! Gò Vấp** Địa chỉ: 792 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. **Tops market An Phú** Địa chỉ: Số 1, Khu nhà Phức hợp Cantavil An Phú, đường Song Hành Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 5, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
18	**CÔNG TY CỔ PHẦN ESPACE BUSINESS HUẾ ("EBHue")** Địa chỉ : Khu qui hoạch – Đống Đa – Hùng Vương – Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam Mã số thuế: 3300854978	**GO! Huế** Địa chỉ Khu quy hoạch Đống Đa-Hùng Vương-Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
19	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ESPACE BUSINESS HUẾ TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT ("EBDL"),** Địa chỉ: Quảng trường Lâm Viên, góc đường Hồ Tùng Mậu và Trần Quốc Toản, phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam Mã số thuế: 3300854978-001	**GO! Đà Lạt** Địa chỉ: Quảng trường Lâm Viên, góc đường Hồ Tùng Mậu và Trần Quốc Toản, phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

20	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ESPACE BUSINESS HUẾ TẠI BÌNH ĐỊNH** ("**EBQN**"), Địa chỉ: Khu đô thị xanh Vũng Chua, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định Mã số thuế: 3300854978-002	**Big C Quy Nhơn** Địa chỉ: Khu đô thị xanh Vũng Chua, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
21	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ESPACE BUSINESS HUẾ TẠI NHA TRANG** ("**EBNT**"), Địa chỉ: Trung tâm thương mại EB Nha Trang, Lô số 4, đường 19/5 Khu đô thị Vĩnh Điềm Trung, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam Mã số thuế: 3300854978-003	**GO! Nha Trang** Địa chỉ: Trung tâm thương mại EB Nha Trang, Lô số 4, đường 19/5, Khu đô thị Vĩnh Điềm Trung, xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
22	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ESPACE BUSINESS HUẾ TẠI ĐỒNG NAI ("EBHUE- ĐỒNG NAI")** Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2 Trung tâm thương mại EB Tân Hiệp, số 1135, Nguyễn Ái Quốc, KP 2, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Mã số chi nhánh: 3300854978-004	**Big C Tân Hiệp** Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2 Trung tâm thương mại EB Tân Hiệp, số 1135 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
23	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ESPACE BUSINESS HUẾ TẠI BUÔN MA THUỘT ("EBHUE – BUÔN MA THUỘT")** Địa chỉ: Trung tâm thương mại Buôn Ma Thuột, góc đường Nguyễn Thị Định và đường vành đai phía tây, Phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam Mã số thuế: 3300854978-005	**GO! Buôn Ma Thuột** Địa chỉ: Trung tâm thương mại Buôn Ma Thuột, góc đường Nguyễn Thị Định và đường vành đai phía tây, Phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
24	**CÔNG TY TNHH EB VINH ("EBV")** Địa chỉ : Số 2, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam Mã số thuế: 2901238107	**Big C Vinh** Địa chỉ: Địa chỉ: Số 02, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Nghệ An
25	**CÔNG TY TNHH E.B PHÚ THẠNH ("EBPT")** Địa chỉ : Số 53, đường Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Mã số thuế: 0310247046	**Big C Phú Thạnh** Địa chỉ: Số 53, Đường Nguyễn Sơn, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
26	**CÔNG TY TNHH EB NAM ĐỊNH ("EBND")** Địa chỉ : Trung tâm thương mại – siêu thị Thiên Trường, phường Lộc Hòa, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam Mã số thuế: 0600740077	**GO! Nam Định** Địa Chỉ: Trung tâm thương mại – siêu thị Thiên Trường, Phường Lộc Hòa, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam
27	**CÔNG TY TNHH EB THANH HÓA ("EBTH")** Địa chỉ : Phố Đồng Lễ, Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam Mã số thuế: 2801693913	**Big C Thanh Hóa** Địa chỉ: phố Đồng Lễ, Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
28	**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EB THANH HÓA TẠI VĨNH PHÚC ("EBVP")** Địa chỉ: Khu trung tâm thương mại Vĩnh Phúc, phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam Mã số thuế: 2801693913-001	**GO! Vĩnh Phúc** Địa chỉ: Khu Trung tâm thương mại Vĩnh Phúc, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

29	**CÔNG TY TNHH EB HẢI DƯƠNG ("EBHD")** Địa chỉ : Km 54+100, quốc lộ 5, khu 3, Phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam Mã số thuế: 0800926914	**Big C Hải Dương** Địa chỉ: Km 54+100, quốc lộ 5, khu 3, Phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
30	**CÔNG TY TNHH EB CẦN THƠ ("EBCT")** Địa chỉ : Lô 1, Khu dân cư Hưng Phú 1, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam Mã số thuế: 1801210593	**GO! Cần Thơ** Địa chỉ: Lô số 1, khu dân cư Hưng Phú 1, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
31	**CÔNG TY TNHH EB BÌNH DƯƠNG ("EBBD")** Địa chỉ : Số 555B, Đại lộ Bình Dương, Khu 1, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam Mã số thuế: 3702058398	**Big C Bình Dương** Địa chỉ: Số 555B, Đại lộ Bình Dương, Khu 1, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam **GO! Dĩ An (Green Square)** Địa chỉ: Số TM8, đường GS01, KĐT thương mại dịch vụ Quảng Trường Xanh, phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
32	**CÔNG TY TNHH EB TÂN PHÚ ("EBTP")** Địa chỉ: Số 1/1, đường Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Mã số thuế: 0312120895	**Big C Trường Chinh** Địa chỉ: số 1/1, đường Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh (tầng hầm, tầng 1, tầng 2, và tầng 3) **Tops market Thảo Điền** Địa chỉ: Tầng hầm lửng, Tòa nhà Thảo Điền Pearl, số 12, đường Quốc Hương, P.Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, , Tp. Hồ Chí Minh **Tops market Âu Cơ** Địa chỉ: Khu căn hộ và Trung tâm thương mại Đông Phương, số 685 đường Âu Cơ, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam **Tops market Moonlight** Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Moonlight Residences, số 102, đường Đặng Văn Bi, Phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
33	**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EB TÂN PHÚ TẠI MỸ THO** Địa chỉ: 545 đường Lê Văn Phẩm, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam Mã số thuế: 0312120895 – 001	**GO! Mỹ Tho** 545 đường Lê Văn Phẩm, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
34	**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EB THÀNH PHỐ MỚI ("EB NEW CITY")** Địa chỉ: Lô A, Khu Dân cư Cityland, số 99, Đường Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Mã số thuế: 0313517445	**GO! Nguyễn Thị Thập** Địa chỉ: Lô A, Khu Dân cư Cityland, Số 99, Đường Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
35	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI HÀNG GIA DỤNG TỔNG HỢP ("GTHP")** Địa chỉ: 163 Phan Đăng Lưu, phường 1, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Mã số thuế : 0314578955	

36	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI THỜI TRANG TỔNG HỢP ("GTF")** Địa chỉ: 163 đường Phan Đăng Lưu, phường 1, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Mã số thuế: 0314635071	
37	**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP TẠI TAM KỲ** Địa chỉ : Số 1 đường Phan Chu Trinh, Phường Phước Hòa, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam. **Mã số thuế: 0102313379-003**	**go! Tam Kỳ** Địa chỉ: Số 1 đường Phan Chu Trinh, Phường Phước Hòa, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.
38	**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP TẠI GÒ DẦU** Địa chỉ : Đường DC 1, tổ 17, Ấp Trâm Vàng, Xã Thanh Phước, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam **Mã số thuế: 0102313379-004**	**go! Gò Dầu** Địa chỉ: Đường DC 1, tổ 17, Ấp Trâm Vàng, Xã Thanh Phước, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
39	**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP TẠI BÀ RỊA – VŨNG TÀU** Địa chỉ: Trung tâm thương mại Tân Thành, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam **Mã số thuế:** 0102313379-005	**go! PHÚ MỸ** Địa chỉ: Trung tâm thương mại Tân Thành, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
40	**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP TẠI CẦN THƠ** Địa chỉ: số 2 Đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam Mã số thuế: 0102313379-010	**Tops market Cần Thơ** Địa chỉ: số 2 Đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
41	**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP TẠI HẢI PHÒNG** Địa chỉ: 104 Lương Khánh Thiện, Phường Cầu Đất, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam Mã số thuế: 0102313379-009	**Tops market Hải Phòng** Địa chỉ: 104 Lương Khánh Thiện, Phường Cầu Đất, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
42	**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP TẠI TÂN UYÊN** Địa chỉ/Address: Tầng 1, Trung tâm thương mại dịch vụ Uyên Hưng, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam Mã số thuế/Tax code: 0102313379-007	go! Tân Uyên Tầng 1, Trung tâm thương mại dịch vụ Uyên Hưng, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

PHỤ LỤC 2 / APPENDIX 2:
CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI NĂM 2023 / *COMMERCIAL CONDITIONS 2023*

Điều 1 – HÀNG HÓA
Article 1 – GOODS

Vì mục đích của Hợp Đồng này, EBS đồng ý mua từ Nhà Cung Cấp và Nhà Cung Cấp đồng ý bán cho EBS những mặt hàng sau: **THỊT NGUỘI**
For the purpose of this Contract, EBS agrees to purchase from the Supplier and the Supplier agrees to sell to EBS the following items: ***PROCESSED MEAT***

Điều 2 – CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI NĂM 2023
Article 2 –COMMERCIAL CONDITIONS FOR 2023

2.1 Các khoản chiết khấu, phí và hỗ trợ mà Nhà Cung Cấp phải thanh toán cho EBS và Các Công ty Central:
Discounts, fees and supports that the Supplier shall pay to EBS and the Central Companies:

- Đối với những khoản chiết khấu, phí và hỗ trợ mà EBS là đơn vị thụ hưởng theo quy định tại Mục 2.1 của Phụ Lục 2 này, tỷ lệ phần trăm (%) quy định dưới đây được tính trên tổng doanh số mua hàng (có nghĩa là theo giá trị hóa đơn chưa bao gồm thuế GTGT) của EBS trong Thời Hạn Hiệu Lực của Hợp Đồng này, trừ trường hợp có quy định khác trong Hợp Đồng này.
  For the discounts, fees and supports of which EBS is the beneficiary as set out in Item 2.1 of this Appendix 2, percentages (%) expressed below are based on purchasing turnover (meaning net invoiced price, excluding VAT) invoiced to EBS during the Term of this Contract unless otherwise stipulated in this Contract.

- Đối với những khoản chiết khấu, phí và hỗ trợ mà từng Công Ty Central là đơn vị thụ hưởng theo quy định tại Mục 2.1 của Phụ Lục 2 này, tỷ lệ phần trăm (%) quy định dưới đây được tính trên tổng doanh số mua hàng (có nghĩa là theo giá trị hóa đơn chưa bao gồm thuế GTGT) của từng Công Ty Central đó trong Thời Hạn Hiệu Lực của Hợp Đồng này.
  For the discounts, fees and supports of which a relevant Central Company is the beneficiary as set out in Item 2.1 of this Appendix 2, percentages (%) expressed below are based on purchasing turnover (meaning net invoiced price, excluding VAT) invoiced to the such relevant Central Company during the Term of this Contract.

  Các khoản chiết khấu, phí và hỗ trợ mà từng Công Ty Central là đơn vị thụ hưởng theo quy định tại Mục 2.1 của Phụ Lục 2 này sẽ được Nhà Cung Cấp thanh toán cho EBS. EBS có trách nhiệm thu xếp với Các Công Ty Central để chuyển trả cho Các Công Ty Central các khoản chiết khấu, phí và hỗ trợ liên quan mà Các Công Ty Central được quyền nhận từ Nhà Cung Cấp theo quy định tại Phụ Lục 2 này.
  All discounts, fees and supports of which the relevant Central Company is the beneficiary as set out in Item 2.1 of this Appendix 2 shall be paid by the Supplier to EBS. EBS shall arrange with Central Companies to reimburse to them the respective discounts, fees and supports receivable by these Central Companies from the Supplier in accordance with this Appendix 2.

- Tuy nhiên, trong trường hợp Nhà Cung Cấp giao Hàng Hóa cho EBS để EBS tự quyết định việc giao hàng đến từng Cửa Hàng, EBS sẽ được thụ hưởng tất cả các khoản chiết khấu, phí và hỗ trợ quy định tại Mục 2.1 của Phụ Lục 2 này và có toàn quyền phân bổ các khoản chiết khấu, phí, hỗ trợ này cho các cửa hàng có liên quan theo quyết định của mình.
  However, in the event that the Supplier delivers the Goods to EBS in order for EBS to decide itself the delivery of Goods to each Store, EBS shall be the beneficiary of all the discounts, fees, supports as set out in Item 2.1 of this Appendix 2 and shall be entitled to allocate such discounts, fees and supports to the relevant store at its own discretion.

NỘI DUNG *DESCRIPTION*	TỔNG SỐ VNĐ HAY % *AMOUNT IN VND OR %*	PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN (riêng vấn đề hóa đơn, chứng từ thực hiện theo Bảng 1 dưới đây) *PAYMENT MODES (Except for invoices and vouchers issue to be implemented in accordance with table 1 below)*	PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN (như được định nghĩa tại Bảng 2 dưới đây và ngoại trừ vấn đề hóa đơn chứng từ) *IMPLEMENTATION MODES (as defined in Table 2 below and except for the invoice and voucher issues)*
CÁC KHOẢN THANH TOÁN CỦA NHÀ CUNG CẤP CHO EBS ***PAYMENTS OF THE SUPPLIER TO EBS***			
Phí đưa hàng mới vào hệ thống *Listing fee for new Product.*	**2.50%**	Thanh toán hàng tháng *Monthly payment*	Theo Phương Thức A *In accordance with Mode A*
CÁC KHOẢN THANH TOÁN CỦA NHÀ CUNG CẤP CHO CÁC CÔNG TY CENTRAL ***PAYMENTS OF THE SUPPLIER TO CENTRAL ENTITIES***			
Hỗ trợ hoạt động cửa hàng *Support for store operation*	**2.00%**	Thanh toán hàng tháng Monthly payment	Theo Phương Thức A In accordance with Mode A
Chiết khấu cho từng Siêu Thị. *Discount for each Store.*	**4.50%**	Thanh toán hàng tháng *Monthly payment*	Theo Phương Thức A *In accordance with Mode A*
Hỗ trợ đóng góp khoản thưởng cho Thẻ khách hàng *Participation support to customer card reward*	**1.00%**	Thanh toán hàng tháng *Monthly payment*	Theo Phương Thức A *In accordance with Mode A*
Phí tham gia chương trình khuyến mại hoặc/và catalog *Fee for participating in promotional programs and/or catalogues*	**4.00%**	Thanh toán hàng tháng *Monthly payment*	Theo Phương Thức A *In accordance with Mode A*
Phí thuê diện tích quảng cáo *Leasing fee for advertising area.*	**7.00%**	Thanh toán hàng tháng *Monthly payment*	Theo Phương Thức A *In accordance with Mode A*
Phí tham gia chương trình thẻ khách hàng thân thiết Subcription fee for loyalty card program.	**0.50%**	Thanh toán hàng tháng Monthly payment	Theo Phương Thức A In accordance with Mode A
Hỗ trợ khai trương Siêu Thị mới. *Support for new Store opening.*	**1.500.000** VND / Siêu Thị ***1.500.000*** *VND/ per Store*	Thanh toán ngay khi khai trương Siêu Thị mới cho Công ty Central liên quan *Payments at the opening date of new store to related Central Company*	Theo Phương Thức B *In accordance with Mode B*

Chiết khấu theo doanh số năm. Discount incentive.	M1/Level 1: **0.25%** M2/Level 2: **0.5%** M3/Level 3: **0.75%** M4/Level 4: **1%** M5/Level 5: **1.25%** **Mức 1 / *Level 1*:** Đối với doanh số từ 01/01/2023 – 31/12/2023 lớn hơn hoặc bằng **1.4 tỉ: 0.25%** *For a turnover from 01/01/2023 – 31/12/2023 equal to or higher than **1.4 billion: 0.25%*** **Mức 2 / *Level 2*:** Đối với doanh số từ 01/01/*2023* – 31/12/*2023* lớn hơn hoặc bằng **2 tỉ : 0.5%** *For a turnover from 01/01/2023 – 31/12/2023 equal to or higher than **2 billion: 0.5%*** **Mức 3 / *Level 3*:** Đối với doanh số từ 01/01/*2023* – 31/12/*2023* lớn hơn hoặc bằng **3 tỉ : 0.75%** *For a turnover from 01/01/2023 – 31/12/2023 equal to or higher than **3 billion: 0.75%*** **Mức 4 / *Level 4*:** Đối với doanh số từ 01/01/*2023* – 31/12/*2023* lớn hơn hoặc bằng **8.4 tỉ : 1%** *For a turnover from 01/01/2023 – 31/12/2023 equal to or higher than **8.4 billion: 1%*** **Mức 5 / *Level 5*:** Đối với doanh số từ 01/01/*2023* – 31/12/*2023* lớn hơn hoặc bằng **10 tỉ : 1.25%** *For a turnover from 01/01/2023 – 31/12/2023 equal to or higher than **10 billion: 1.25%***	Thanh toán hàng năm trước ngày 15/01/2024 Yearly payment before January 15, 2024	Theo Phương Thức A In accordance with Mode A

Bảng 1: Hóa đơn, chứng từ
Table 1: Invoice, Voucher

Phương thức số/ ***Mode No.***	**Khoản mục thanh toán/*Items***	**Loại chứng từ phát hành/*Issued vouchers***
1	Phí/*Fees*	EBS/Các Công ty Central sẽ phát hành hóa đơn cho Nhà Cung Cấp. *EBS/ Central Companies shall issue invoice to the Supplier.*
2	Chiết khấu/*Discounts*	Nhà Cung Cấp phát hành hóa đơn riêng lẻ hoặc khấu trừ khoản chiết khấu trên hóa đơn bán hàng tiếp theo. *The Supplier shall issue specific invoice or deduct discount amount in the invoice of subsequent sale.*
3	Hỗ trợ/*Support*	EBS/Các Công Ty Central sẽ phát hành phiếu thu hoặc hóa đơn sau khi nhận được tiền hỗ trợ. *EBS/Central Companies shall issue receipt voucher or invoice upon receipt of support amount.*

Bảng 2: Định nghĩa các phương thức thực hiện
Table 2: Definition of modes of implementation

Phương Thức A *Mode A*	EBS sẽ gửi giấy báo nợ (bảng tính) cho Nhà Cung Cấp để thực hiện thanh toán. *EBS shall issue a debit note (spreadsheet) to the Supplier for payment.*
Phương Thức B *Mode B*	Thực hiện theo Cam kết thương mại với Nhà Cung Cấp *Implementation in accordance with the Trade Commitments signed with the Supplier.*
Phương Thức C *Mode C*	Thực hiện theo Cam kết thương mại với Nhà Cung Cấp và thanh toán khoản tiền còn lại theo Cam kết thương mại cuối cùng vào cuối năm. *In accordance with Trade commitments signed with the Supplier and payment of the outstanding amount by a final Trade commitment at the end of the year.*

2.2 Hạng mục thuê và trưng bày tại cửa hàng:
Leasing item and displaying in stores:

Nhà Cung Cấp phải tuân thủ các quy định chung liên quan đến việc thuê bất kỳ các đầu quầy, giá và vật dụng khác và khu vực quảng cáo hoặc bất kỳ hạng mục nào khác theo Hợp Đồng này và trưng bày (được gọi chung là "**Hạng Mục Thuê**") tại Các Cửa Hàng như sau:
*The Supplier shall comply with the following general regulations relating to the lease of any shelves, podiums and other fixtures or advertising area or any other item to be leased under this Contract, and displaying (together, the "**Leasing Items**") in the Stores:*

- Nhà Cung Cấp phải đảm bảo an toàn trong suốt quá trình lắp đặt các Hạng Mục Thuê tại Các Cửa Hàng và đảm bảo các Hạng Mục Thuê được lắp đặt đúng kỹ thuật để không xảy ra bất kỳ sự cố/tai nạn nào trong Thời Hạn Hiệu Lực. Nhà Cung Cấp cam kết bồi thường đối với mọi thiệt hại xảy ra cho EBS do việc không đảm bảo an toàn kỹ thuật liên quan nêu trên cũng như các thiệt hại do các sự cố/tai nạn gây ra bởi các Hạng Mục Thuê .
  The Supplier must ensure the safety during the installation of the Leasing Items at Stores and ensure that the Leasing Items shall be installed correctly and technically for avoidance of any incident/accident during the Term. The Supplier undertakes to compensate for all damages of EBS due to non-ensuring of the relevant technical safety mentioned above as well as the damages caused by such incident/accident of the Leasing Items.

- Nhà Cung Cấp phải đảm bảo an toàn các thiết bị điện trong suốt quá trình hoạt động của các Hạng Mục Thuê và tuân thủ các quy định về lắp đặt thiết bị điện của EBS và/hoặc Các Công ty Central. Các thiết bị điện này phải được kiểm định và được xác nhận của bộ phận kỹ thuật cũng như trưởng bộ phận bán hàng của Các Công ty Central trước khi lắp đặt.
  The Supplier must ensure the safety of electrical equipment during the operation of the Leasing Items and comply with EBS's and/or Central Companies' regulations on the installation of the electrical equipment. The electrical equipment must be verified and certified by the technical department and sales manager of the Central Companies before its installation.

- Nhà Cung Cấp đảm bảo các thông số thiết kế của Hạng Mục Thuê trong Thời Hạn Hiệu Lực như thỏa thuận với EBS. Nếu có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến thiết kế hạng mục liên quan không được EBS đồng ý trước, EBS có quyền từ chối hoặc hoãn thời gian thực hiện đến khi thiết kế được điều chỉnh như thỏa thuận với EBS. Nhà Cung Cấp vẫn phải thanh toán tiền thuê cho các Hạng Mục Thuê trong thời gian hoãn.
  The Supplier must ensure the design parameters of the Leasing Items during the Term as agreed with EBS. Any modification relating to the design of the relevant item without the prior consent of EBS shall be subject to the refusal or the postponement of EBS until the date that the item design shall be amended in accordance with the contract with EBS. The Supplier shall still pay the rent of the Leasing Items during the postponement term.

- Nhà Cung Cấp cam kết tháo dỡ các Hạng Mục Thuê trong thời gian sớm nhất có thể ngay khi kết thúc thời hạn thuê. Trong thời gian tháo dỡ, Nhà Cung Cấp cam kết không gây tổn hại đến tài sản, cơ sở hạ tầng của Các Công ty Central cũng như các hạng mục thuê của bên thứ ba. Trường hợp Nhà Cung Cấp gây thiệt hại đến tài sản, cơ sở hạ tầng và các hạng mục thuê mướn khác, Nhà Cung Cấp ngay lập tức có nghĩa vụ thay mới and/or sửa chữa bằng chi phí của mình.
  The Supplier undertakes to remove its Leasing Items upon the expiry date as soon as possible. In the meanwhile, the Supplier undertakes not to cause any damages to the assets, infrastructure of the Central Companies as well as the leasing item of a third party. In case of damages to the assets, infrastructure and other leasing items, the Supplier shall immediately be liable to replace and/or repair such damages at its own expenses.

- Trường hợp sau hai (02) ngày kể từ ngày hết thời hạn thuê mà Nhà Cung Cấp không tiến hành tháo dỡ các Hạng Mục Thuê của mình, EBS sẽ tiến hành tháo dỡ toàn bộ Hạng Mục Thuê của Nhà Cung Cấp bằng chi phí của Nhà Cung Cấp . Nhà Cung Cấp phải thanh toán cho EBS một khoản phạt tương ứng tám phần trăm (8%) tiền thuê cho Thời Hạn Hiệu Lực, mà không ảnh hưởng đến các quyền và biện pháp khắc phục khác của EBS, bao gồm quyền được bồi thường cho những thiệt hại mà EBS phải chịu.
In the event that the Supplier does not remove its Leasing Items after two (02) days as from the expiry date, EBS shall remove such Leasing Items out of the store at the Supplier's own cost and the Supplier shall pay to EBS a penalty equivalent to eight percent (8%) of the leasing fee for the current Term, without prejudice to other rights and remedies of EBS, including the right to compensation of any damage suffered.

- Trường hợp Nhà Cung Cấp có nhu cầu gia hạn thời hạn thuê, Nhà Cung Cấp phải gửi thông báo cho EBS về việc gia hạn hai (02) tháng trước ngày hết hạn thuê và nhận được chấp thuận bằng văn bản của EBS.
Any renewal shall be subject to a notice sent from the Supplier to EBS two (02) months prior to the expiry date and accepted in writing by EBS.

2.3 **Nhân viên tiếp thị:**
Promotion staffs:

Điều 3 – MỨC GIÁ CUNG CẤP CHUNG
Article 3 – GENERAL SUPPLY PRICE

3.1 Nhà Cung Cấp cam kết bán Hàng Hóa cho EBS với mức giá tốt nhất mà Nhà Cung Cấp đang áp dụng tại thị trường Việt Nam. Nếu Nhà Cung Cấp chào bán Hàng Hóa cho bên thứ ba mức giá ưu đãi hơn mức giá áp dụng cho EBS cho cùng loại Hàng Hóa, mức giá ưu đãi hơn này sẽ được áp dụng cho EBS kể từ ngày Nhà Cung Cấp bắt đầu áp dụng mức giá ưu đãi hơn cho bên thứ ba, hoặc ngày EBS biết được là Nhà Cung Cấp đã chào bán Hàng Hóa cho bên thứ ba với mức giá ưu đãi hơn, tùy thuộc ngày nào đến trước.
The Supplier undertakes to sell the Goods to EBS at the best price that the Supplier is offering in Vietnam. In the event that the Supplier offers Goods to a third party at a price more favourable than the price offered by the Supplier to EBS for the same Goods, the more favourable price shall apply to EBS with effect from the date on which the Supplier first makes the more favourable price available to third parties or the date on which EBS first becomes aware that the Supplier offered the Goods for sale to a third party at a more favourable price, whichever is the earlier.

3.2 Nếu có những thay đổi về giá Hàng Hóa, mức giá mới chỉ được áp dụng nếu Nhà Cung Cấp thông báo bằng văn bản cho EBS ít nhất **[30]** ngày trước ngày áp dụng mức giá mới, và với điều kiện mức giá mới phải được EBS chấp thuận bằng văn bản. Nhà Cung Cấp phải nêu rõ mức thay đổi về giá của từng Hàng Hóa trong thông báo của mình.
*In case of change in price of the Goods, the new price shall apply if the Supplier notifies EBS in writing at least **[30]** days prior to the application of the new price and provided that the new price has been accepted by EBS in writing. The Supplier shall specify the price change of each Goods in its written notice.*

3.3 Nhà Cung Cấp phải chứng minh việc tăng giá bằng các tài liệu chứng minh những yếu tố khách quan, có thực tác động đến giá Hàng Hóa một cách đáng kể. Nhà Cung Cấp sẽ gửi các tài liệu này cho EBS cùng với yêu cầu điều chỉnh giá được lập theo mẫu do EBS cung cấp.
The Supplier shall justify any increase in the price of the Goods by written documents proving objective and actual facts that have a significant influence on the price of the Goods. The Supplier shall communicate such documents to EBS together with a request for price adjustment established in accordance with the template provided by EBS.

3.4 Nhà Cung Cấp giảm giá Hàng Hóa khi có điều kiện cho phép Nhà Cung Cấp giảm giá. Nhằm mục đích bảo vệ sức mua của khách hàng của mình, EBS có quyền từ chối bất kỳ việc tăng giá nào mà Nhà Cung Cấp đưa ra nếu đó là tăng giá thái quá mà không có lý do chính đáng. Trong trường hợp này, EBS có quyền không thu mua các Hàng Hóa liên quan.
The Supplier shall reduce the price of any Goods whenever conditions allow the Supplier to do so. In order to protect the purchasing power of its clients, EBS reserves the right to reject any price increase proposed by the Supplier notably where such increase is excessive and unjustified. In such case, EBS reserves the right not to purchase the Goods concerned.

Điều 4 – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN
Article 4 – PAYMENT TERMS

EBS thanh toán cho Nhà Cung Cấp bằng chuyển khoản ngân hàng **[48]** ngày sau khi nhận được Hàng Hóa và hóa đơn hợp lệ do Nhà Cung Cấp phát hành cho EBS.

EBS shall make payments to the Supplier by bank transfer [_48_] days after acceptance of the Goods and valid invoice issued by the Supplier to EBS.

Việc thanh toán được EBS thực hiện bằng chuyển khoản vào các ngày cố định mùng 5 hoặc 15 hàng tháng.
The payments shall be made by EBS by bank transfer on the 5th or 15th of each month.

Để tránh hiểu sai, cho dù các khoản tiền đã đến hạn thanh toán theo thời hạn thanh toán như quy định nhưng không trùng vào các ngày cố định nêu trên, việc thanh toán cũng chỉ được thực hiện vào các ngày cố định gần nhất tiếp theo của thời hạn thanh toán. Nếu ngày thanh toán cố định hàng tháng không trùng vào ngày làm việc của ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì việc thanh toán sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.
For the avoidance of any doubt, even if the payment is due in accordance with the payment term but does not coincide with the fixed dates of each month mentioned above, the payment will only be made on the fixed dates following such payment term. If these fixed dates of each month do not coincide with a business day of the State Bank of Vietnam, the payment shall be made on the working day following such date.

Phụ lục này được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Anh và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Hợp tác Thương mại **Số: 3002179 – FMCG – PFI – 480 – 2023.** Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì áp dụng theo bản tiếng Việt.
*The present Appendix is made in three (03) original copies in Vietnamese and English and forms an integral part of the Commercial Cooperation Contract No. **3002179 – FMCG – PFI – 480 – 2023.** In case of discrepancy between the Vietnamese version and the English version, the Vietnamese version shall prevail.*

Thay mặt và đại diện EBS ***For and on behalf of EBS***	**Thay mặt và đại diện Nhà Cung Cấp** ***For and on behalf of the Supplier***
Họ và tên / *Full name*: Ngô Thị Bích Thủy **Chức danh/ *Title*:** Quản lý ngành hàng/ *Category Manager*	**Họ và tên / *Full name*:** **Chức danh/ *Title*:** Chủ Tịch Công Ty Trần Thị Thơm
Họ và tên / *Full name*: NGUYỄN THỊ MINH LOAN **Chức danh/ *Title*:** Quản lý thương mại/ Commercial Manager	
Họ và tên / *Full name*: KIM MYUNG SU **Chức danh/ *Title*:** Giám đốc thương mại ngành hàng FMCG/ FMCG Commercial Director	

PHỤ LỤC 3
APPENDIX 3
ĐƠN ĐẶT HÀNG – THỜI HẠN GIAO HÀNG
ORDERS – DELIVERY TIME

Điều 1- SỐ LƯỢNG ĐƠN HÀNG TỐI THIỂU
Article 1 – MINIMUM ORDER QUANTITY

Đơn hàng tối thiểu được hiểu là số lượng hoặc giá trị tối thiểu của các Đơn Đặt Hàng như quy định tại Điều 2 dưới đây (và không thể được hiểu là số lượng hoặc giá trị tối thiểu khi giao hàng). Không áp dụng Đơn hàng tối thiểu trong bất kỳ trường hợp nào đối với các Đơn Đặt Hàng bổ sung cho số Hàng Hóa giao thiếu hoặc bị hỏng hoặc không đạt chất lượng của các Đơn Đặt Hàng có liên quan trước đó.
The minimum orders mean the minimum quantity or value of Orders as listed in Article 2 below (and not minimum quantity or value at delivery). The minimum order is in no case applicable to back Orders which are for the supplementation of the Goods quantity being lacking, damaged or in poor quality of the concerned previous Orders.

Điều 2 – THỜI HẠN GIAO HÀNG
Article 2 – DELIVERY TIME

Ngày giao hàng và thời gian giao hàng được quy định tại Đơn Đặt Hàng. Nhà Cung Cấp cần xử lý Đơn Đặt Hàng và giao hàng đến kho EBS theo như lịch quy định tại Đơn Đặt Hàng. Đây được xem như là một trong những KPI giao hàng đúng thời hạn của Nhà Cung Cấp.
Delivery date and lead time will be set out in the Order. Supplier shall proceed orders and deliver to EBS D.C as set out in the Order. This will be counted as one of the Supplier KPI on time delivery.

Điều 3 – ĐƠN VỊ TÍNH CHO VIỆC HẬU CẦN
Article 3 – LOGISTIC UNIT

Nhà Cung Cấp cần giao hàng theo quy cách thùng và số lượng đúng theo Đơn Đặt Hàng.
Supplier need to deliver according to the correct pack size and quantity as stated in the Order.
Ví dụ/ *Example:*
EBS đặt hàng 02 thùng, mỗi thùng chứa 24 đơn vị → Nhà Cung Cấp sẽ giao hàng cho EBS tại Kho EBS đúng số lượng 02 thùng và mỗi thùng chứa 24 đơn vị hàng bên trong, không giao 01 thùng chứa 48 đơn vị bên trong.
EBS orders 2 packs of 24 units → The Supplier will deliver to EBS D.C 02 cartons with 24 pieces inside each carton, not deliver 01 carton with 48 pieces.

Điều 4- NGHĨA VỤ CỦA NHÀ CUNG CẤP
Article 4 – OBLIGATIONS OF THE SUPPLIER

4.1 Nhà Cung Cấp phải tuân theo kế hoạch giao hàng do EBS quy định phù hợp với Điều 11.1, Phần 1 của Hợp Đồng. Trong trường hợp Nhà Cung Cấp không tuân theo kế hoạch giao hàng này EBS chỉ định có quyền từ chối nhận Hàng Hóa của Nhà Cung Cấp và các hình thức phạt quy định tại Điều 12 của Hợp Đồng sẽ được áp dụng.
The Supplier shall follow the delivery schedule provided by EBS in compliance with Article 11.1, Part 1 of the Contract. In case the Supplier does not follow this schedule, EBS is entitled to reject the Goods of the Supplier and the penalties mentioned in Article 12 of the Contract shall be applied.

Xác nhận giao hàng phải được gửi trong vòng 24h (hai mươi bốn giờ) kể từ khi nhận được Đơn Đặt Hàng từ bộ phận hậu cần và cung ứng của EBS.
Delivery booking must be made within 24h (twenty four hours) from receiving Orders from EBS's replenishment team.

4.2 Nhà Cung Cấp phải giao Hàng Hóa theo đúng yêu cầu chất lượng quy định tại Hợp Đồng này. EBS có thể kiểm tra ngẫu nhiên chất lượng Hàng Hóa được giao tại địa điểm giao nhận hàng. Nếu có cơ sở rằng Nhà Cung Cấp giao Hàng Hóa không đạt chất lượng yêu cầu, hình thức phạt qui định tại Điều 12 của Hợp Đồng sẽ được áp dụng.
The Supplier must deliver its Goods in respect of the quality requirement mentioned in this Contract. EBS may make random checks of the quality of the Goods delivered at the cross-docking platform. If it appears that the Supplier delivers the Good(s) without the required quality, the penalties mentioned in Article 12 of the Contract shall be applied.

Việc giao hàng chỉ được thực hiện một lần cho mỗi Đơn Đặt Hàng chứ không được giao làm nhiều lần. Trong mọi trường hợp, đơn hàng tối thiểu được hiểu là số lượng hoặc giá trị tối thiểu của Đơn Đặt Hàng (và không phải là số lượng hoặc giá trị tối thiểu khi giao hàng). Trong mọi trường hợp, không áp dụng Đơn hàng tối thiểu đối với Đơn Đặt Hàng dự trữ.
There shall be only one delivery time slot given by Order and not several. In any case, the minimum orders mean the minimum quantity or value of Orders (and not minimum quantity or value at delivery). The minimum order is in no case be applicable to back Orders.

4.3 Hàng Hóa của Nhà Cung Cấp sẽ bị từ chối nhận toàn bộ hoặc một phần hàng khi vi phạm các điều sau:
The Supplier's Goods shall be rejected fully or partly for the following violations:

- Giao hàng không booking hoặc nhiều hơn booking/*Deliver without or more than booking;*
- Giao hàng sai khung giờ qui định/ *Deliver on wrong time slot;*
- Giao hàng sai ngày/ *Deliver on wrong date;*
- Giao hàng hai lần cho cùng một Đơn Đặt Hàng/ *Deliver twice for one Order;*
- Cẩu thả trong việc đóng gói Hàng Hóa/ *Being careless in the packaging of the Goods;*
- Giao hàng không có chứng từ phù hợp/ *Deliver goods without appropriate documents.*

Phụ lục này được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Anh và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Hợp tác Thương mại **Số: 3002179 – FMCG – PFI – 480 – 2023.** Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì áp dụng theo bản tiếng Việt.
The present Appendix is made in three (03) original copies in Vietnamese and English and forms an integral part of the Commercial Cooperation Contract No. 3002179 – FMCG – PFI – 480 – 2023. In case of discrepancy between the Vietnamese version and the English version, the Vietnamese version shall prevail.

Thay mặt và đại diện EBS ***For and on behalf of EBS***	**Thay mặt và đại diện Nhà Cung Cấp** ***For and on behalf of the Supplier***
Họ và tên / *Full name*: Ngô Thị Bích Thủy **Chức danh/ *Title*:** Quản lý ngành hàng/ *Category Manager*	
Họ và tên / *Full name*: NGUYỄN THỊ MINH LOAN **Chức danh / *Title*:** Quản lý thương mại/ *Commercial Manager*	**Họ và tên / *Full name*:** **Chức danh/ *Title*:** Chủ Tịch Công Ty Trần Thị Thơm
Họ và tên / *Full name*: KIM MYUNG SU **Chức danh/ *Title*:** Giám đốc thương mại ngành hàng FMCG / *FMCG Commercial Director*	

PHỤ LỤC 01 - THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI

(đính kèm Hợp đồng cung cấp hàng hóa số 5820 -Dry -D&F-2022 ngày 01 tháng 01 năm 2022)

APPENDIX 01 - TRADING TERM AGREEMENT

(attached to Contract for sales of goods No 5820 - DRY-D&F-2022 dated 01 Jan, 2022)

Ngày hiệu lực/Effective date: 01/01/2022 - 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI LOTTE VIỆT NAM/ *LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY ("LOTTE MART")*

Chuyên viên thu mua/ *Merchandiser:* ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO — Mã số MD/ *MD Code:* 144005499

Tên Nhà Cung Cấp/ *Supplier's Name :* CONG TY TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Mã số NCC/ *Main Supplier Code :* 5820 — Mã Ngành hàng chính/ Main Category Code: 51-DAIRY FROZEN — Loại kinh doanh / Trade type: Nhập trực tiếp/Direct

Ngành hàng cùng áp dụng đồng thời:

Mã Nhà cung cấp cùng áp dụng đồng thời:

1. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN/ *PAYMENT CONDITION*

1.1 THỜI HẠN THANH TOÁN/ *PAYMENT PERIOD*

Chu kì thanh toán/*Payment circle*	Thời hạn thanh toán/ *Payment term*	Ngày nhận hóa đơn hợp lệ/ *Date of receiving appropriate invoice*	Ngày thanh toán/*Payment date(*)*
☐ Chu kì A/Circle A (30 ngày/30 days)	---------- ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày **1** đến ngày **30** hoặc **31** / *Receiving invoices from 1st to 30th or 31th*	
☑ Chu kì B/Circle B (15 ngày/15 days)	29 ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày **1** đến ngày **15** / *Receiving invoices from 1st to 15th*	20th
		Nhận hóa đơn từ ngày **16** đến ngày **30** hoặc **31** / *Receiving invoices from 16th to 30th or 31th*	30th
☐ Chu kì C/Circle C (10 ngày/10 days)	---------- ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày **1** đến ngày **10** / *Receiving invoices from 1st to 10th*	
		Nhận hóa đơn từ ngày **11** đến ngày **20** / *Receiving invoices from 11th to 20th*	
		Nhận hóa đơn từ ngày **21** đến ngày **30** hoặc **31** / *Receiving invoices from 21st to 30th or 31th*	

(*) Ngày thanh toán cố định của LOTTE MART là các ngày 10, 20 hoặc ngày cuối tháng. Nếu ngày thanh toán rơi vào **ngày nghỉ, thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, Tết** thì sẽ thanh toán vào **ngày làm việc tiếp theo**./
LOTTE MART's fixed payment dates are 10th, 20th or last day of month. If fixed payment date is on Saturday, Sunday, Holidays, Tet, the payment will be made in next working date.

1.2 THỜI HẠN THANH TOÁN CHO CHI NHÁNH MỚI/ *PAYMENT PERIOD FOR NEW STORE*

45 ngày kể từ ngày khai trương chính thức/ Days since the opening date of the new store

2. ĐIỀU KIỆN ĐẶT HÀNG - GIAO HÀNG - TRẢ HÀNG / ORDER - DELIVERY - RETURN CONDITION

2.1 ĐƠN HÀNG TỐI THIỂU & THỜI GIAN GIAO HÀNG / MINIMUN ORDER & LEAD TIME

Giá trị đặt hàng cho mỗi đơn hàng giao tại cửa hàng hoặc kho Logistic không thấp hơn MOQ cam kết tại từng cửa hàng (khu vực) / Order value for each order delivered at the store or Logistic warehouse is not less than MOQ by store (region)

Số ngày giao hàng / Lead Time là thời gian NCC cam kết giao hàng sau khi đã nhận được đơn đặt hàng có xác nhận của bên mua, không tính ngày lễ và Chủ nhật / period when suppliers undertakes to deliver ordered products from the order confirmation date of Purchasor (excluding holidays and Sunday))

Giá trị này là một trong những căn cứ xác lập lý do nếu NCC không thực hiện việc giao hàng / This value is one of the grounds for determining the reason whether the NCC does not make the delivery

KHU VỰC	Hồ Chí Minh / HCMC				Miền Nam / Southern				Miền Trung / Central				Miền Bắc / Northern			Warehouse
Cửa hàng	Nam SG	Phú Thọ	Tân Bình	Gò Vấp	Đồng Nai	Bình Dương	Vũng Tàu	Cần Thơ	Phan Thiết	Đà Nẵng	Nha Trang	Gold Coast	Ba Đình	Cầu Giấy	Vinh	Lotte Logistic Center (LLC)
Số ngày/Lead Time (days)	3	3	3	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
MOQ (/order)																

Trong trường hợp LOTTE MART mở thêm cửa hàng mới, Lead Time giao hàng của cửa hàng mới sẽ được áp dụng theo Lead Time của cửa hàng gần nhất / In case LOTTE MART opens a new store, the Lead Time for delivery of the new store will be applied according to the Lead Time of the nearest store

2.2 THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA SẢN PHẨM/ *EXPIRATION DATE OF PRODUCT*

Thời hạn sử dụng còn lại của sản phẩm ít nhất phải bằng 2/3 so với toàn bộ thời hạn sử dụng của sản phẩm tính từ ngày hàng hóa được sản xuất cho đến ngày hết hạn sử dụng/ngày hạn sử dụng tốt nhất của hàng hóa.

The remaining shelf life of the product is equal to 2/3 of its total life at least, counting from the manufacturing date of the product to the last date for best use.

2.3 THỎA THUẬN TRẢ HÀNG/ *GOODS RETURN*

☑ Có thể trả hàng / Returnable

- ☑ Đổi trả hàng bất cứ thời gian nào kể từ ngày nhận hàng/ Can change or return at anytime from delivery date
- ☑ Hàng hóa bán chậm, kéo dài từ 02 tháng trở lên/ Goods is slow moving from 02 months consecutively or above.
- ☑ Hàng hư hỏng, hàng bị khách hàng trả lại do lỗi kỹ thuật hoặc lỗi của Nhà Cung Cấp/ Damaged goods or goods returned by customers due to technical errors or errors made by supplier.
- ☑ Hàng cận date báo trước 03 ngày/ Nearly expired goods notifying before 03 days
- ☑ Thông tin trên hàng hóa bị mờ hoặc không rõ ràng, có thể dẫn đến việc hiểu nhầm cho Khách hàng/ Information on the label is blear or unclear which misleads customers.
- ☑ Hàng hóa chưa tuân thủ đúng các quy định pháp luật có liên quan hoặc Hàng hóa có thể ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, vi phạm thuần phong mỹ tục/ Goods which do not comply with relevant regulations or cause bad impacts towards environment, public health, habits and customs.

Hỗ trợ thanh lý hàng tồn kho / Clearance support _____ (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT

3. ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI/ TRADING TERM

3.1 CHIẾT KHẤU TRỰC TIẾP TRÊN HÓA ĐƠN/ *DIRECT DISCOUNT ON-INVOICE*

	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
---------- (%) Chiết khấu trực tiếp trên hóa đơn/ (%) Direct discount on-invoice	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/ Services (if any)*	Không xuất Hóa đơn/ *No invoice*	

3.2 TỶ LỆ PHÂN CHIA VÀ DOANH THU TỐI THIỂU/ TURNOVER SHARE RATE & MIN SALE

	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
---------- (%) Tổng doanh thu bán hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total sale turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/SUPPLIER (trên doanh thu thực tế / actual sale turnover)	Doanh thu tối thiểu/ Min Sale Cửa hàng áp dụng / *Application store*
	☐ Quý / Quarter		LOTTEMART (chênh lệch doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu / gap between actual and min sale)	

Nếu doanh thu bán hàng không đạt được doanh thu tối thiểu trong từng kỳ như trên, thì Lotte Mart sẽ khấu trừ thêm phần chênh lệch giữa doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu theo tỷ lệ phân chia

In case the revenue is under Min Sale commitment above, Lotte Mart would apply the difference between actual revenue and minium revenue according to the revenue ratio

3.3 CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI/ COMMERCIAL DISCOUNT

3.3.1 CHIẾT KHẤU CƠ BẢN/ BASIC DISCOUNT

	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.5 (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/*	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	

3.3.2 CHIẾT KHẤU THƯỞNG / REBATE VOLUME

					Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Bậc 1 / Level 1	400.000.000	VND	1	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT *(%) Total purchase turnover, exclusive of VAT*	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter ☑ Năm / Year	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	
Bậc 2 / Level 2	500.000.000	VND	1.5					
Bậc 3 / Level 3	600.000.000	VND	2					

3.4 PHÍ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG/ ADMINISTRATION FEE

3.4.1 PHÍ MỞ MÃ NHÀ CUNG CẤP MỚI/ NEW SUPPLIER CODE REGISTRATION FEE

	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
20.000.000 VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*	8%	LOTTEMART	

3.4.2 PHÍ MỞ MÃ HÀNG MỚI/ LISTING FEE

	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
---------- (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	
8.000.000 VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*			

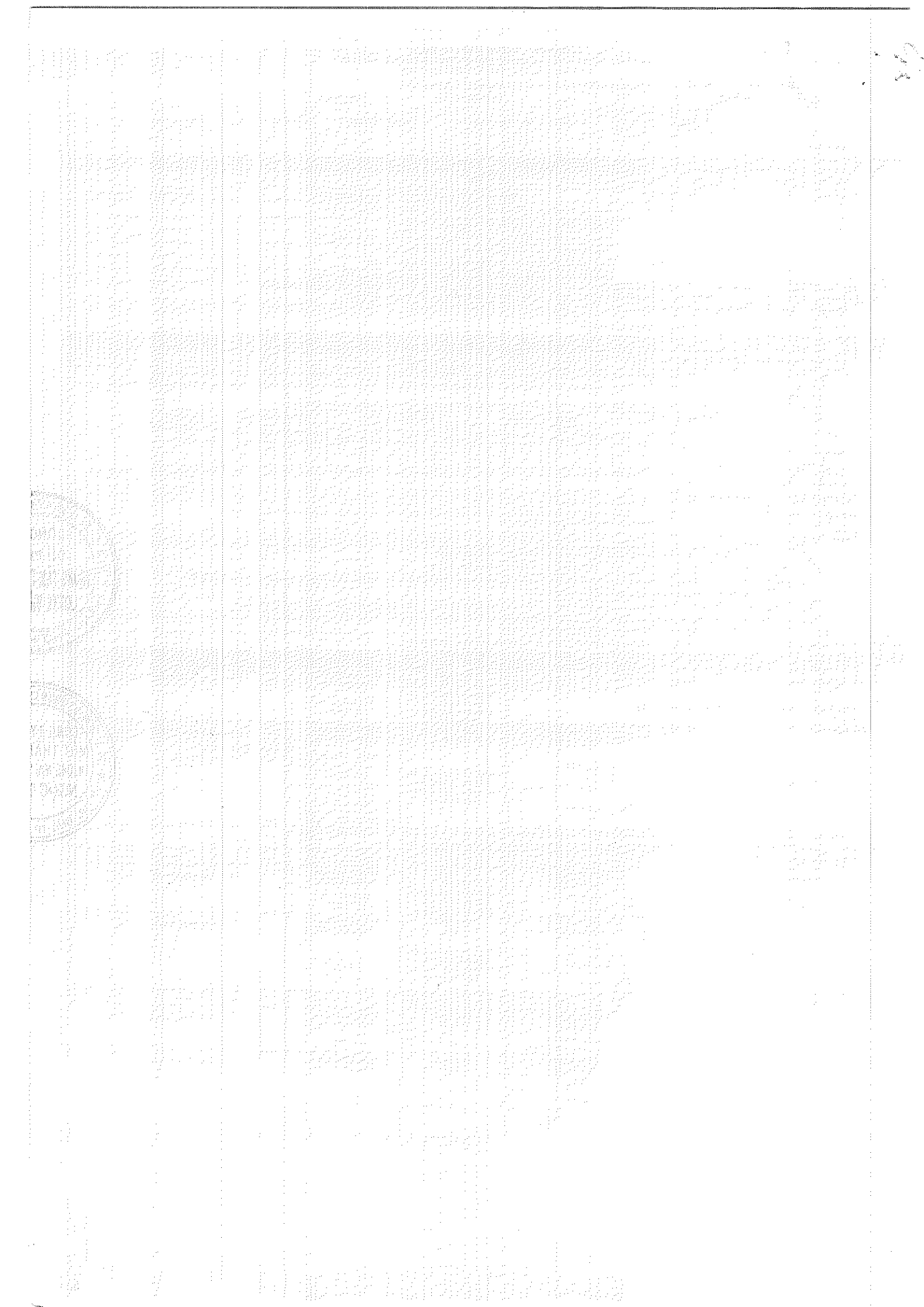

3.5 PHÍ HỖ TRỢ VẬN HÀNH/ OPERATION SUPPORT FEE

3.5.1 PHÍ HỖ TRỢ SINH NHẬT / LOTTE MART ANNIVERSARY SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
———	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tính đến thời điểm sinh nhật hoặc đến hết ngày 30/11 lớn hơn **100%** khoản chi phí hỗ trợ sinh nhật *When total purchase turnover at store, upto anniversary month or end of year, is higher 100% than anniversary support fee*
1.500.000	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Khi phát sinh/ When:			

3.5.2 PHÍ HỖ TRỢ KHAI TRƯƠNG / LOTTE MART OPENING SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
———	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tại thời điểm khai trương. *When total purchase turnover at storeat the time grand opening.*
———	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.5.3 HỖ TRỢ KHÁC KHÔNG KÈM ĐIỀU KIỆN / OTHER SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
———	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No invoice	
———	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG - MARKETING/ SALE-MARKETING SERVICE FEE

3.6.1 PHÍ DỊCH VỤ QUẢNG CÁO/ MARKETING SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
1.5	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	Trong đó: - Phí sampling: 1.5%
———	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động quảng cáo / *Actual cost; appendix, agreement of marketing activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.2 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG/ SALE SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.0	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
———	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động bán hàng / *Actual cost; appendix, agreement of selling activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.3 PHÍ DỊCH VỤ KHÁC/ OTHER SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
———	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
———	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động khác / *Actual cost; appendix, agreement of other activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

4. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI/ LIABILITY FOR COMPENSATION

4.1 BỒI THƯỜNG GIAO HÀNG THIẾU-TRỄ HẠN / UNDER-DELIVERY COMPENSATION	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Giao thiếu/ giao trễ : 8% trên giá trị hàng giao thiếu/ giao trễ (chưa VAT)- Shortage delivery or late delivery will be compensated an amount of 8% on the shortage/ late delivery amount (exclude VAT)	☑ Khi phát sinh biên bản bồi thường / When compesation agreement issued	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No invoice	

5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG/ *GENERAL CONDITIONS*

- Trong trường hợp phát sinh chênh lệch các khoản chiết khấu của Chu kỳ thanh toán trước thì các Bên sẽ thực hiện điều chỉnh lại phần chênh lệch này theo thuế suất tương ứng (nếu có)/ Adjustment of the gap-collection of commission in previous periods with the same tax rate of deduct code (if any)
- Giảm giá các sản phẩm khi được chọn làm hàng khuyến mãi theo thỏa thuận của các bên/ Price reduction on appointed products for promotion purposes under mutual agreement.
- Tham gia đầy đủ các kỳ Cẩm nang mua sắm khi được yêu cầu/ Fullyjoin the shopping handbook if required
- Những khoản chiết khấu, hỗ trợ, phí,... quy định tại TTTM này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc cấn trừ công nợ với các khoản thanh toán của Lotte Mart. Trong trường hợp cấn trừ công nợ mà không còn công nợ để cấn trừ thì những khoản này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Hình thức thanh toán chuyển khoản phải được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày NCC nhận được thông báo chiết khấu. / *The above mentioned discount, supports, fees, etc would be settled by transfering or offsetting against the payables of Lotte Mart. In case that no payable amout available for offsetting, those amounts must be transferred by Supplier. The transfering payment must be done within 10 working-day once receiving Commission letter*
- Thỏa Thuận Thương Mại này ("TTTM") là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Cung Cấp Hàng Hóa số 5820 -DRY-D&F-2022 ngày 01/01/2022 ("HĐCC") / This Trading Term Agreement ("TTA") is an integal part of the Purchase Contract No. 5820 -DRY-D&F-2022 date 01/01/2022 ("PC").
- Trong trường hợp các nội dung trong TTTM này trái và/hoặc chưa được quy định trong HĐCC thì các bên thống nhất áp dụng theo TTTM này; mọi thay đổi, bổ sung phát sinh trong quá trình thực hiện sẽ được làm thành phụ lục / In case of the contents in this Agreement is contrary and/or has not been provided in PC, the Parties agree to apply the contents mentioned in this Agreement; every changes arising during the excecution will be put in Annex.
- Ngôn ngữ được sử dụng trong TTTM này là song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự khác biệt về cách hiểu hoặc dịch thuật, tiếng Việt được ưu tiên áp dụng / *Languages used in this Agreement are English and Vietnamese. In case of any difference in interpretation or translation, Vietnamese version shall prevail.*
- Nếu có bất kỳ điều kiện, điều khoản nào trong TTTM này không hợp lệ hoặc không thể thực thi ở bất kỳ mức độ nào hoặc không lựa chọn hoặc thông tin chi tiết tại từng mục trong TTTM này thì thì nội dung của Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng .
If any term or condition of this Trading terms Agreement shall be invalid or unenforceable to any extent or unoptional or not specified in above terms, the contents of the Contract shall prevail.
- TTTM này được lập thành hai (02) có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một (01) bản để thực hiện / *This Agreement shall be made in two (02) original copies with equal legal validity. Each Party keeps one (01) copy to implement.*
- Trong trường hợp TTTM đã hết hạn và chưa thể ký TTTM mới thì các bên thống nhất TTTM này được tự động gia hạn đến hết 30/06 của năm kế tiếp. Sau khi hai bên thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới, thì hiệu lực của TTTM mới này được xác định tính từ 01/01 của năm kế tiếp hoặc trong trường hợp hai bên không thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới hoặc ký gia hạn Hợp đồng thì các điều kiện, điều khoản của TTTM này sẽ có hiệu lực đến thời điểm chấm dứt và/hoặc ký thanh lý Hợp đồng / *In case the TTA has expired and has not been renewed, the Parties agree that this TTA is automatically extended until the end of 30/06 the year after. After two Parties conclude a new TTA , the new TTA would be effective from 01/01 the year after*

NHÂN VIÊN THU MUA Merchandiser	GIÁM ĐỐC THU MUA Merchandising Director	NHÀ CUNG CẤP Supplier
Tên/Name: ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO Ngày/Date:	Tên/Name: NGUYỄN NGÔ ANH TUẤN Ngày/Date:	Tên/Name: TRẦN THỊ THƠM Ngày/Date:

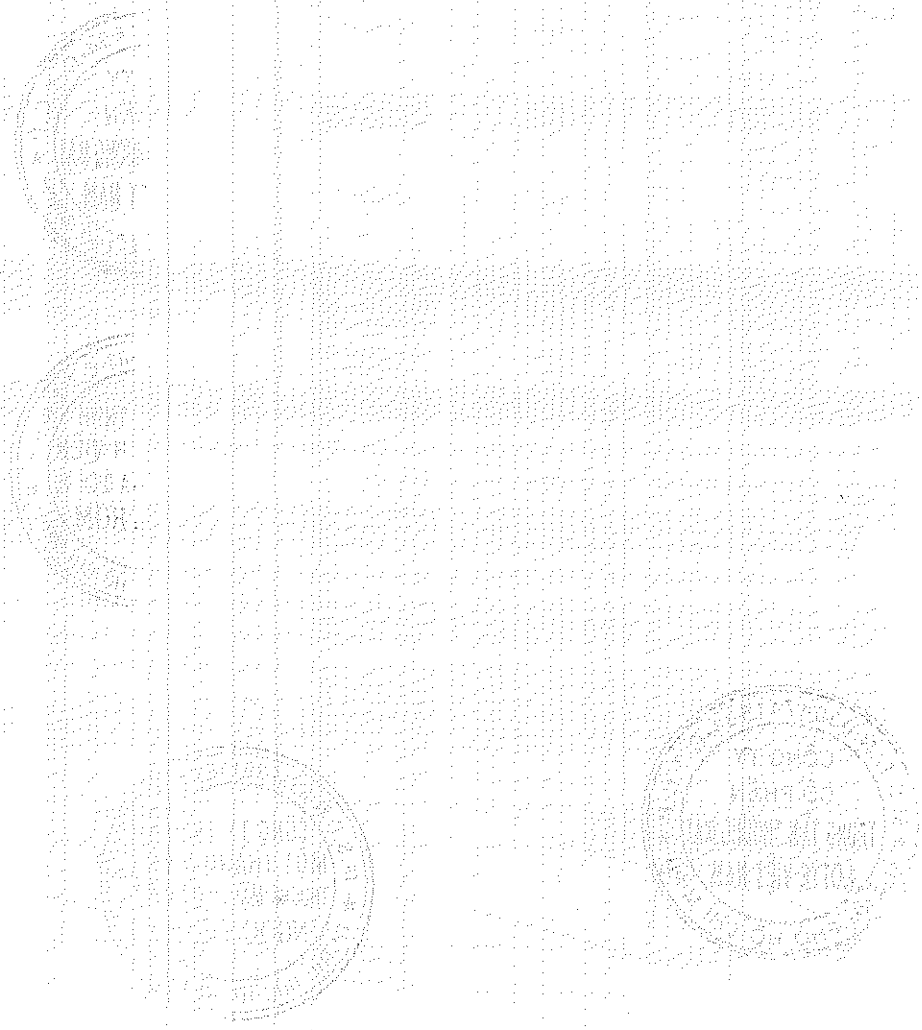

PHỤ LỤC 01 - THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI
(đính kèm Hợp đồng cung cấp hàng hóa số 5820 -Dry -D&F-2022 ngày 01 tháng 01 năm 2022)
APPENDIX 01 - TRADING TERM AGREEMENT
(attached to Contract for sales of goods No 5820 - DRY-D&F-2022 dated 01 Jan, 2022)
Ngày hiệu lực/Effective date: 01/01/2022 - 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI LOTTE VIỆT NAM/ *LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY ("LOTTE MART")*

Chuyên viên thu mua/ *Merchandiser:* ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO — Mã số MD/ *MD Code:* 144005499
Tên Nhà Cung Cấp/ *Supplier's Name :* CÔNG TY TNHH MTV TM VA DV NGỌC THƠM
Mã số NCC/ *Main Supplier Code :* 5820 — Mã Ngành hàng chính/ Main Category Code: 51-DAIRY FROZEN — Loại kinh doanh / Trade type: Nhập trực tiếp/Direct
Ngành hàng cùng áp dụng đồng thời:
Mã Nhà cung cấp cùng áp dụng đồng thời:

1. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN/ *PAYMENT CONDITION*

1.1 THỜI HẠN THANH TOÁN/ *PAYMENT PERIOD*

Chu kì thanh toán/*Payment circle*	Thời hạn thanh toán/ *Payment term*		Ngày nhận hóa đơn hợp lệ/ *Date of receiving appropriate invoice*	Ngày thanh toán/*Payment date(*)*
☐ Chu kì A/Circle A (30 ngày/30 days)	——	ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 1st to 30th or 31th*	
☑ Chu kì B/Circle B (15 ngày/15 days)	29	ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 15 / *Receiving invoices from 1st to 15th*	20th
			Nhận hóa đơn từ ngày 16 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 16th to 30th or 31th*	30th
☐ Chu kì C/Circle C (10 ngày/10 days)	——	ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 10 / *Receiving invoices from 1st to 10th*	
			Nhận hóa đơn từ ngày 11 đến ngày 20 / *Receiving invoices from 11th to 20th*	
			Nhận hóa đơn từ ngày 21 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 21st to 30th or 31th*	

(*) Ngày thanh toán cố định của LOTTE MART là các ngày 10, 20 hoặc ngày cuối tháng. Nếu ngày thanh toán rơi vào **ngày nghỉ, thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, Tết** thì sẽ thanh toán vào ngày làm việc tiếp theo./
LOTTE MART's fixed payment dates are 10th, 20th or last day of month. If fixed payment date is on Saturday, Sunday, Holidays, Tet, the payment will be made in next working date.

1.2 THỜI HẠN THANH TOÁN CHO CHI NHÁNH MỚI/ *PAYMENT PERIOD FOR NEW STORE*

45 ngày kể từ ngày khai trương chính thức/ Days since the opening date of the new store

2. ĐIỀU KIỆN ĐẶT HÀNG - GIAO HÀNG - TRẢ HÀNG / ORDER - DELIVERY - RETURN CONDITION

2.1 ĐƠN HÀNG TỐI THIỂU & THỜI GIAN GIAO HÀNG / MINIMUN ORDER & LEAD TIME

Giá trị đặt hàng cho mỗi đơn hàng giao tại cửa hàng hoặc kho Logistic không thấp hơn MOQ cam kết tại từng cửa hàng (khu vực) / Order value for each order delivered at the store or Logistic warehouse is not less than MOQ by store (region)
Số ngày giao hàng / Lead Time là thời gian NCC cam kết giao hàng sau khi đã nhận được đơn đặt hàng có xác nhận của bên mua, không tính ngày lễ và Chủ nhật / period when suppliers undertakes to deliver ordered products from the order confirmation date of Purchaser (excluding holidays and Sunday))
Giá trị này là một trong những căn cứ xác lập lý do nếu NCC không thực hiện việc giao hàng / This value is one of the grounds for determining the reason whether the NCC does not make the delivery

KHU VỰC	Hồ Chí Minh / HCMC				Miền Nam / Southern				Miền Trung / Central				Miền Bắc / Northern			Warehouse
Cửa hàng	Nam SG	Phú Thọ	Tân Bình	Gò Vấp	Đồng Nai	Bình Dương	Vũng Tàu	Cần Thơ	Phan Thiết	Đà Nẵng	Nha Trang	Gold Coast	Ba Đình	Cầu Giấy	Vinh	Lotte Logistic Center (LLC)
Số ngày/Lead Time (days)	3	3	3	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
MOQ (/order)																

Trong trường hợp LOTTE MART mở thêm cửa hàng mới, Lead Time giao hàng của cửa hàng mới sẽ được áp dụng theo Lead Time của cửa hàng gần nhất / In case LOTTE MART opens a new store, the Lead Time for delivery of the new store will be applied according to the Lead Time of the nearest store

2.2 THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA SẢN PHẨM/ *EXPIRATION DATE OF PRODUCT*

Thời hạn sử dụng còn lại của sản phẩm ít nhất phải bằng 2/3 so với toàn bộ thời hạn sử dụng của sản phẩm tính từ ngày hàng hóa được sản xuất cho đến ngày hết hạn sử dụng/ngày hạn sử dụng tốt nhất của hàng hóa.
The remaining shelf life of the product is equal to 2/3 of its total life at least, counting from the manufacturing date of the product to the last date for best use.

2.3 THỎA THUẬN TRẢ HÀNG/ *GOODS RETURN*

☑ Có thể trả hàng / Returnable

- ☑ Đổi trả hàng bất cứ thời gian nào kể từ ngày nhận hàng/ Can change or return at anytime from delivery date
- ☑ Hàng hóa bán chậm, kéo dài từ 02 tháng trở lên/ Goods is slow moving from 02 months consecutively or above.
- ☑ Hàng hư hỏng, hàng bị khách hàng trả lại do lỗi kỹ thuật hoặc lỗi của Nhà Cung Cấp/ Damaged goods or goods returned by customers due to technical errors or errors made by supplier.
- ☑ Hàng cận date báo trước 03 ngày/ Nearly expired goods notifying before 03 days
- ☑ Thông tin trên hàng hóa bị mờ hoặc không rõ ràng, có thể dẫn đến việc hiểu nhầm cho Khách hàng/ Information on the label is blear or unclear which misleads customers.
- ☑ Hàng hóa chưa tuân thủ đúng các quy định pháp luật có liên quan hoặc Hàng hóa có thể ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, vi phạm thuần phong mỹ tục/ Goods which do not comply with relevant regulations or cause bad impacts towards environment, public health, habits and customs.

Hỗ trợ thanh lý hàng tồn kho / Clearance support _____ (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT

3. ĐIỀU KHOẢNTHƯƠNG MẠI/ TRADING TERM

3.1 CHIẾT KHẤU TRỰC TIẾP TRÊN HÓA ĐƠN/ *DIRECT DISCOUNT ON-INVOICE*

	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
—— (%) Chiết khấu trực tiếp trên hóa đơn/ (%) Direct discount on-invoice	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/ Services (if any)*	Không xuất Hóa đơn/ *No invoice*	

3.2 TỶ LỆ PHÂN CHIA VÀ DOANH THU TỐI THIỂU/ TURNOVER SHARE RATE & MIN SALE

	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
---------- (%) Tổng doanh thu bán hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total sale turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/SUPPLIER (trên doanh thu thực tế / actual sale turnover)	Doanh thu tối thiểu/ Min Sale Cửa hàng áp dụng / *Application store*
	☐ Quý / Quarter		LOTTEMART (chênh lệch doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu / gap between actual and min sale)	

Nếu doanh thu bán hàng không đạt được doanh thu tối thiểu trong từng kỳ như trên, thì Lotte Mart sẽ khấu trừ thêm phần chênh lệch giữa doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu theo tỷ lệ phân chia
In case the revenue is under Min Sale commitment above, Lotte Mart would apply the differnce between actual revenue and minium revenue according to the revenue ratio

3.3 CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI/ COMMERCIAL DISCOUNT

3.3.1 CHIẾT KHẤU CƠ BẢN/ BASIC DISCOUNT

	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.5 (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/*	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	

3.3.2 CHIẾT KHẤU THƯỞNG / REBATE VOLUME

				Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Bậc 1 / Level 1	400.000.000	VND	1 (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / *(%) Total purchase turnover, exclusive of VAT*	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter ☑ Năm / Year	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	
Bậc 2 / Level 2	500.000.000	VND	1.5				
Bậc 3 / Level 3	600.000.000	VND	2				

3.4 PHÍ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG/ ADMINISTRATION FEE

3.4.1 PHÍ MỞ MÃ NHÀ CUNG CẤP MỚI/ NEW SUPPLIER CODE REGISTRATION FEE

	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
20.000.000 VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) / VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*	8%	LOTTEMART	

3.4.2 PHÍ MỞ MÃ HÀNG MỚI/ LISTING FEE

	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
---------- (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	
8.000.000 VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) / VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*			

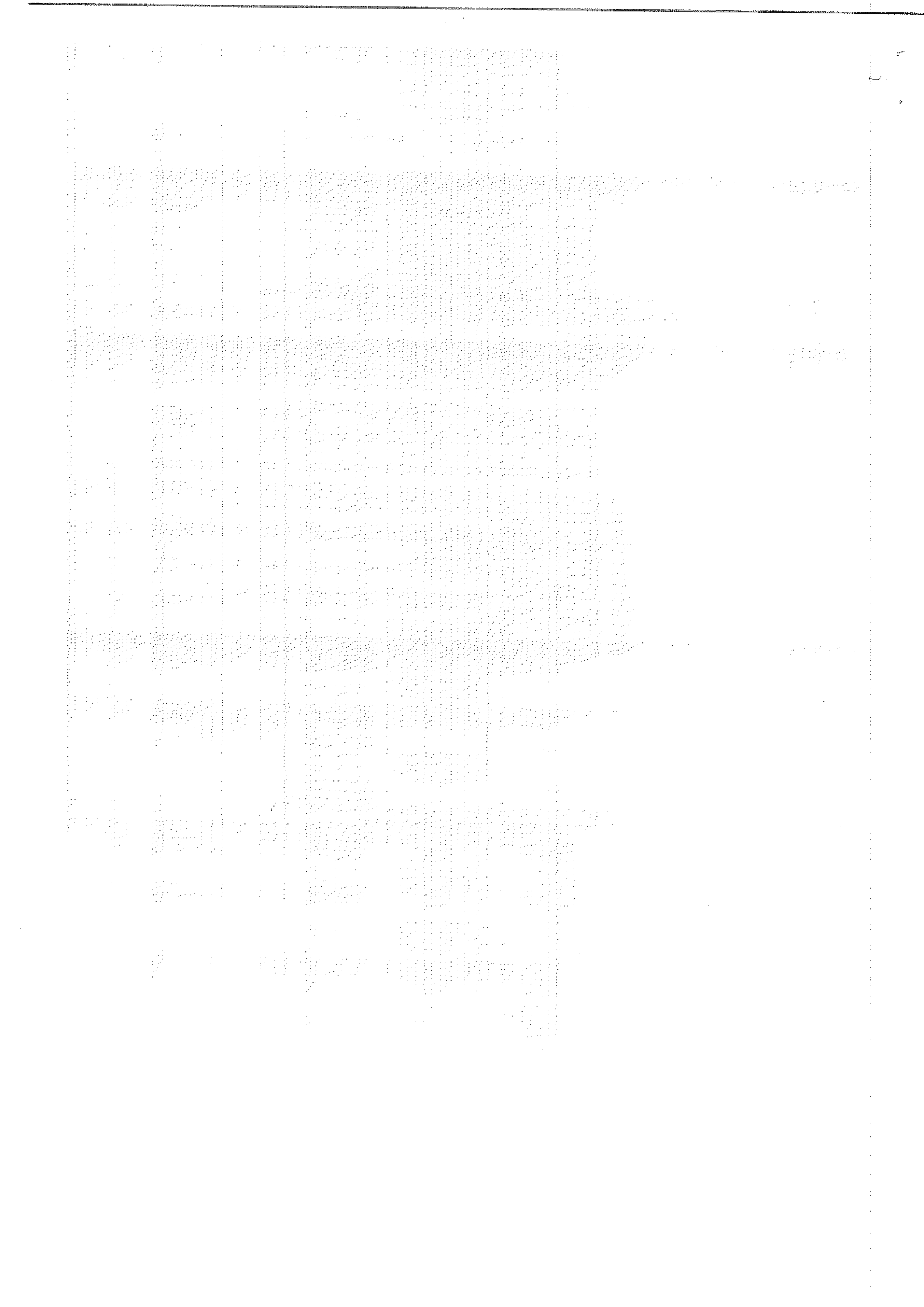

3.5 PHÍ HỖ TRỢ VẬN HÀNH/ OPERATION SUPPORT FEE

3.5.1 PHÍ HỖ TRỢ SINH NHẬT / LOTTE MART ANNIVERSARY SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
----------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tính đến thời điểm sinh nhật hoặc đến hết ngày 30/11 lớn hơn 100% khoản chi phí hỗ trợ sinh nhật *When total purchase turnover at store, upto anniversary month or end of year, is higher 100% than anniversary support fee*
1.500.000	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Khi phát sinh/ When:			

3.5.2 PHÍ HỖ TRỢ KHAI TRƯƠNG / LOTTE MART OPENING SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
----------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tại thời điểm khai trương. *When total purchase turnover at storeat the time grand opening.*
----------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.5.3 HỖ TRỢ KHÁC KHÔNG KÈM ĐIỀU KIỆN / OTHER SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
-------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No Invoice	
----------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG - MARKETING/ SALE-MARKETING SERVICE FEE

3.6.1 PHÍ DỊCH VỤ QUẢNG CÁO/ MARKETING SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
1.5	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	Trong đó: - Phí sampling: 1.5%
----------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động quảng cáo / *Actual cost; appendix, agreement of marketing activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.2 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG/ SALE SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.0	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
----------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động bán hàng / *Actual cost; appendix, agreement of selling activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.3 PHÍ DỊCH VỤ KHÁC/ OTHER SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
-------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
----------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động khác / *Actual cost; appendix, agreement of other activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

4. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI/ LIABILITY FOR COMPENSATION

4.1 BỒI THƯỜNG GIAO HÀNG THIẾU-TRỄ HẠN / UNDER-DELIVERY COMPENSATION	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Giao thiếu/ giao trễ : 8% trên giá trị hàng giao thiếu/ giao trễ (chưa VAT)- Shortage delivery or late delivery will be compensated an amount of 8% on the shortage/ late delivery amount (exclude VAT)	☑ Khi phát sinh biên bản bồi thường / When compesation agreement issued	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No Invoice	

5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG/ *GENERAL CONDITIONS*

- Trong trường hợp phát sinh chênh lệch các khoản chiết khấu của Chu kỳ thanh toán trước thì các Bên sẽ thực hiện điều chỉnh lại phần chênh lệch này theo thuế suất tương ứng (nếu có)/ Adjustment of the gap-collection of comission in previous periods with the same tax rate of deduct code (if any)
- Giảm giá các sản phẩm khi được chọn làm hàng khuyến mãi theo thỏa thuận của các bên/ Price reduction on appointed products for promotion purposes under mutual agreement.
- Tham gia đầy đủ các kỳ Cẩm nang mua sắm khi được yêu cầu/ Fullyjoin the shopping handbook if required
- Những khoản chiết khấu, hỗ trợ, phí,... quy định tại TTTM này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc cấn trừ công nợ với các khoản thanh toán của Lotte Mart. Trong trường hợp cấn trừ công nợ mà không còn công nợ để cấn trừ thì những khoản này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Hình thức thanh toán chuyển khoản phải được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày NCC nhận được thông báo chiết khấu. / *The above mentioned discount, supports, fees, etc would be settled by transfering or offsetting against the payables of Lotte Mart. In case that no payable amout available for offsetting, those amounts must be transferred by Supplier. The transfering payment must be done within 10 working-day once receiving Commission letter*
- Thỏa Thuận Thương Mại này ("TTTM") là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Cung Cấp Hàng Hóa số 5820 -DRY-D&F-2022 ngày 01/01/2022 ("HĐCC") / This Trading Term Agreement ("TTA") is an integal part of the Purchase Contract No. 5820 -DRY-D&F-2022 date 01/01/2022 ("PC").
- Trong trường hợp các nội dung trong TTTM này trái và/hoặc chưa được quy định trong HĐCC thì các bên thống nhất áp dụng theo TTTM này; mọi thay đổi, bổ sung phát sinh trong quá trình thực hiện sẽ được làm thành phụ lục / In case of the contents in this Agreement is contrary and/or has not been provided in PC, the Parties agree to apply the contents mentioned in this Agreement; every changes arising during the excecution will be put in Annex.
- Ngôn ngữ được sử dụng trong TTTM này là song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự khác biệt về cách hiểu hoặc dịch thuật, tiếng Việt được ưu tiên áp dụng / *Languages used in this Agreement are English and Vietnamese. In case of any difference in interpretation or translation, Vietnamese version shall prevail.*
- Nếu có bất kỳ điều kiện, điều khoản nào trong TTTM này không hợp lệ hoặc không thể thực thi ở bất kỳ mức độ nào hoặc không lựa chọn hoặc thông tin chi tiết tại từng mục trong TTTM này thì thì nội dung của Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng . *If any term or condition of this Trading terms Agreement shall be invalid or unenforceable to any extent or unoptional or not specified in above terms, the contents of the Contract shall prevail.*
- TTTM này được lập thành hai (02) có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một (01) bản để thực hiện / *This Agreement shall be made in two (02) original copies with equal legal validity. Each Party keeps one (01) copy to implement.*
- Trong trường hợp TTTM đã hết hạn và chưa thể ký TTTM mới thì các bên thống nhất TTTM này được tự động gia hạn đến hết 30/06 của năm kế tiếp. Sau khi hai bên thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới, thì hiệu lực của TTTM mới này được xác định tính từ 01/01 của năm kế tiếp hoặc trong trường hợp hai bên không thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới hoặc ký gia hạn Hợp đồng thì các điều kiện, điều khoản của TTTM này sẽ có hiệu lực đến thời điểm chấm dứt và/hoặc ký thanh lý Hợp đồng / *In case the TTA has expired and has not been renewed, the Parties agree that this TTA is automatically extended until the end of 30/06 the year after. After two Parties conclude a new TTA , the new TTA would be effective from 01/01 the year after*

NHÂN VIÊN THU MUA Merchandiser	GIÁM ĐỐC THU MUA Merchandising Director	NHÀ CUNG CẤP Supplier
Tên/Name: ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO Ngày/Date:	Tên/Name: NGUYỄN NGÔ ANH TUẤN Ngày/Date:	Tên/Name: TRẦN THỊ THƠM Ngày/Date:

PHỤ LỤC 01 - THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI
(đính kèm Hợp đồng cung cấp hàng hóa số 5820 -Dry -D&F-2022 ngày 01 tháng 01 năm 2022)
APPENDIX 01 - TRADING TERM AGREEMENT
(attached to Contract for sales of goods No 5820 - DRY-D&F-2022 dated 01 Jan, 2022)
Ngày hiệu lực/Effective date: 01/01/2022 - 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI LOTTE VIỆT NAM/ *LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY ("LOTTE MART")*

Chuyên viên thu mua/ *Marchandiser:* ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO — Mã số MD/ *MD Code:* 144005499
Tên Nhà Cung Cấp/ *Supplier's Name:* CONG TY TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM
Mã số NCC/ *Main Supplier Code:* 5820 — Mã Ngành hàng chính/ Main Category Code: 51-DAIRY FROZEN — Loại kinh doanh / Trade type: Nhập trực tiếp/Direct
Ngành hàng cùng áp dụng đồng thời:
Mã Nhà cung cấp cùng áp dụng đồng thời:

1. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN/ *PAYMENT CONDITION*

1.1 THỜI HẠN THANH TOÁN/ *PAYMENT PERIOD*

Chu kì thanh toán/*Payment circle*	Thời hạn thanh toán/ *Payment term*	Ngày nhận hóa đơn hợp lệ/ *Date of receiving appropriate invoice*	Ngày thanh toán/*Payment date(*)*
☐ Chu kì A/Circle A (30 ngày/30 days)	——— ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 1st to 30th or 31th*	
☑ Chu kì B/Circle B (15 ngày/15 days)	29 ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 15 / *Receiving invoices from 1st to 15th*	20th
		Nhận hóa đơn từ ngày 16 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 16th to 30th or 31th*	30th
☐ Chu kì C/Circle C (10 ngày/10 days)	——— ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 10 / *Receiving invoices from 1st to 10th*	
		Nhận hóa đơn từ ngày 11 đến ngày 20 / *Receiving invoices from 11th to 20th*	
		Nhận hóa đơn từ ngày 21 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 21st to 30th or 31th*	

(*) Ngày thanh toán cố định của LOTTE MART là các ngày 10, 20 hoặc ngày cuối tháng. Nếu ngày thanh toán rơi vào **ngày nghỉ, thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, Tết** thì sẽ thanh toán vào **ngày làm việc tiếp theo**./
LOTTE MART's fixed payment dates are 10th, 20th or last day of month. If fixed payment date is on Saturday, Sunday, Holidays, Tet, the payment will be made in next working date.

1.2 THỜI HẠN THANH TOÁN CHO CHI NHÁNH MỚI/ *PAYMENT PERIOD FOR NEW STORE*

45 ngày kể từ ngày khai trương chính thức/ Days since the opening date of the new store

2. ĐIỀU KIỆN ĐẶT HÀNG - GIAO HÀNG - TRẢ HÀNG / ORDER - DELIVERY - RETURN CONDITION

2.1 ĐƠN HÀNG TỐI THIỂU & THỜI GIAN GIAO HÀNG / MINIMUN ORDER & LEAD TIME

Giá trị đặt hàng cho mỗi đơn hàng giao tại cửa hàng hoặc kho Logistic không thấp hơn MOQ cam kết tại từng cửa hàng (khu vực) / Order value for each order delivered at the store or Logistic warehouse is not less than MOQ by store (region)
Số ngày giao hàng / Lead Time là thời gian NCC cam kết giao hàng sau khi đã nhận được đơn đặt hàng có xác nhận của bên mua, không tính ngày lễ và Chủ nhật / period when suppliers undertakes to deliver ordered products from the order confirmation date of Purchaser (excluding holidays and Sunday))
Giá trị này là một trong những căn cứ xác lập lý do nếu NCC không thực hiện việc giao hàng / This value is one of the grounds for determining the reason whether the NCC does not make the delivery

KHU VỰC	Hồ Chí Minh / HCMC				Miền Nam / Southern				Miền Trung / Central				Miền Bắc / Northern			Warehouse
Cửa hàng	Nam SG	Phú Thọ	Tân Bình	Gò Vấp	Đồng Nai	Bình Dương	Vũng Tàu	Cần Thơ	Phan Thiết	Đà Nẵng	Nha Trang	Gold Coast	Ba Đình	Cầu Giấy	Vinh	Lotte Logistic Center (LLC)
Số ngày/Lead Time (days)	3	3	3	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
MOQ (/order)																

Trong trường hợp LOTTE MART mở thêm cửa hàng mới, Lead Time giao hàng của cửa hàng mới sẽ được áp dụng theo Lead Time của cửa hàng gần nhất / In case LOTTE MART opens a new store, the Lead Time for delivery of the new store will be applied according to the Lead Time of the nearest store

2.2 THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA SẢN PHẨM/ *EXPIRATION DATE OF PRODUCT*

Thời hạn sử dụng còn lại của sản phẩm ít nhất phải bằng 2/3 so với toàn bộ thời hạn sử dụng của sản phẩm tính từ ngày hàng hóa được sản xuất cho đến ngày hết hạn sử dụng/ngày hạn sử dụng tốt nhất của hàng hóa.
The remaining shelf life of the product is equal to 2/3 of its total life at least, counting from the manufacturing date of the product to the last date for best use.

2.3 THỎA THUẬN TRẢ HÀNG/ *GOODS RETURN*

☑ Có thể trả hàng / Returnable

- ☑ Đổi trả hàng bất cứ thời gian nào kể từ ngày nhận hàng/ Can change or return at anytime from delivery date
- ☑ Hàng hóa bán chậm, kéo dài từ 02 tháng trở lên/ Goods is slow moving from 02 months consecutively or above.
- ☑ Hàng hư hỏng, hàng bị khách hàng trả lại do lỗi kỹ thuật hoặc lỗi của Nhà Cung Cấp/ Damaged goods or goods returned by customers due to technical errors or errors made by supplier.
- ☑ Hàng cận date báo trước 03 ngày/ Nearly expired goods notifying before 03 days
- ☑ Thông tin trên hàng hóa bị mờ hoặc không rõ ràng, có thể dẫn đến việc hiểu nhầm cho Khách hàng/ Information on the label is blear or unclear which misleads customers.
- ☑ Hàng hóa chưa tuân thủ đúng các quy định pháp luật có liên quan hoặc Hàng hóa có thể ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, vi phạm thuần phong mỹ tục/ Goods which do not comply with relevant regulations or cause bad impacts towards environment, public health, habits and customs.

Hỗ trợ thanh lý hàng tồn kho / Clearance support _____ (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT

3. ĐIỀU KHOẢNTHƯƠNG MẠI/ TRADING TERM

3.1 CHIẾT KHẤU TRỰC TIẾP TRÊN HÓA ĐƠN/ *DIRECT DISCOUNT ON-INVOICE*

	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
——— (%) Chiết khấu trực tiếp trên hóa đơn/ (%) Direct discount on-invoice	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/ Services (if any)*	Không xuất Hóa đơn/ *No invoice*	

3.2 TỶ LỆ PHÂN CHIA VÀ DOANH THU TỐI THIỂU/ TURNOVER SHARE RATE & MIN SALE

	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
——— (%) Tổng doanh thu bán hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total sale turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/SUPPLIER (trên doanh thu thực tế / actual sale turnover)	Doanh thu tối thiểu/ Min Sale Cửa hàng áp dụng / *Application store*
	☐ Quý / Quarter		LOTTEMART (chênh lệch doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu / gap between actual and min sale)	

Nếu doanh thu bán hàng không đạt được doanh thu tối thiểu trong từng kỳ như trên, thì Lotte Mart sẽ khấu trừ thêm phần chênh lệch giữa doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu theo tỷ lệ phân chia
In case the revenue is under Min Sale commitment above, Lotte Mart would apply the differnce between actual revenue and minium revenue according to the revenue ratio

3.3 CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI/ COMMERCIAL DISCOUNT

3.3.1 CHIẾT KHẤU CƠ BẢN/ BASIC DISCOUNT

	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.9 (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/*	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	

3.3.2 CHIẾT KHẤU THƯỞNG / REBATE VOLUME

					Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Bậc 1 / Level 1	400.000.000	VND	1	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT *(%) Total purchase turnover, exclusive of VAT*	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter ☑ Năm / Year	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	
Bậc 2 / Level 2	500.000.000	VND	1.5					
Bậc 3 / Level 3	600.000.000	VND	2					

3.4 PHÍ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG/ ADMINISTRATION FEE

3.4.1 PHÍ MỞ MÃ NHÀ CUNG CẤP MỚI/ NEW SUPPLIER CODE REGISTRATION FEE

	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
20.000.000 VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*	8%	LOTTEMART	

3.4.2 PHÍ MỞ MÃ HÀNG MỚI/ LISTING FEE

	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
——— (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	
8.000.000 VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*			

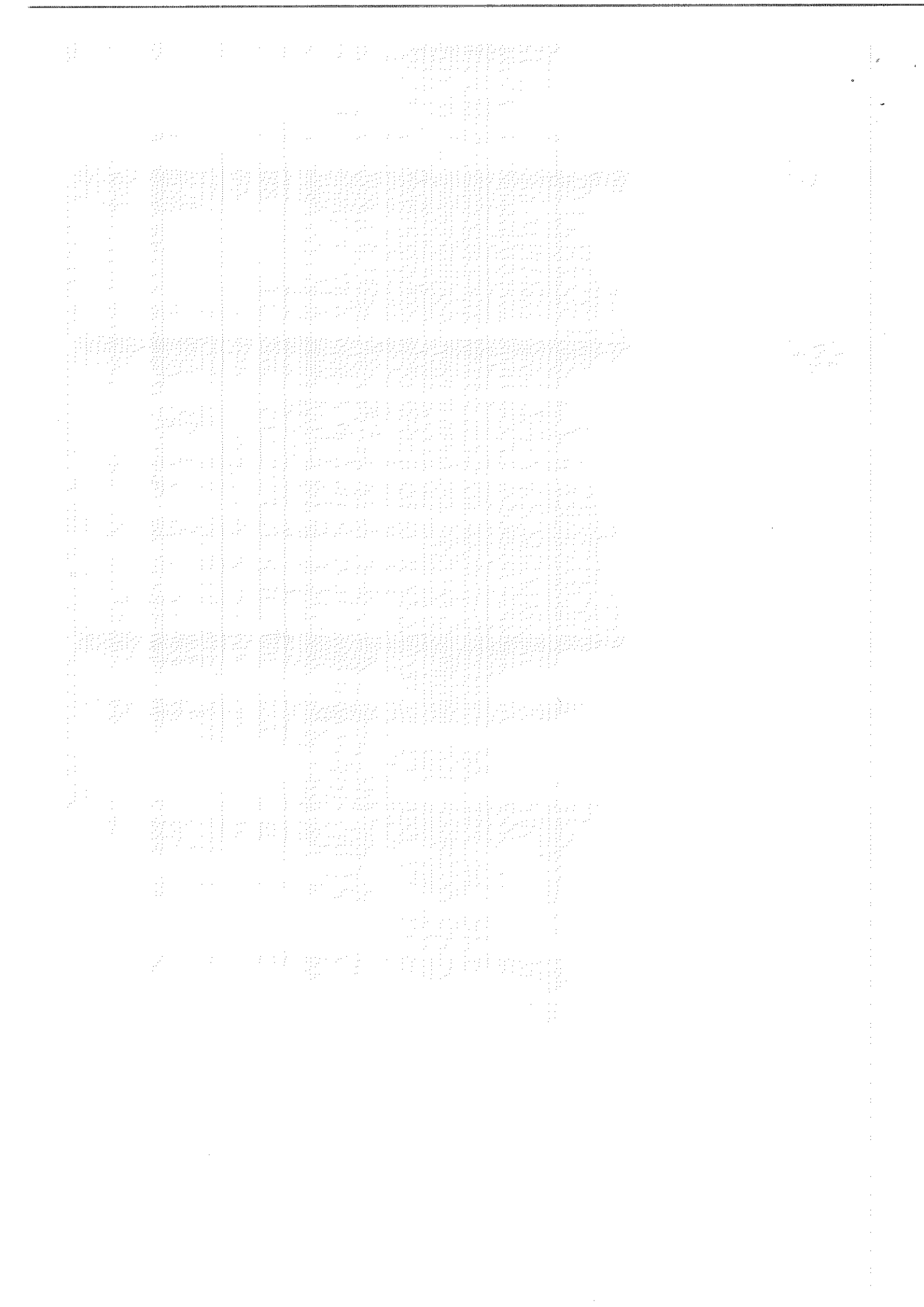

3.5 PHÍ HỖ TRỢ VẬN HÀNH/ OPERATION SUPPORT FEE

3.5.1 PHÍ HỖ TRỢ SINH NHẬT / LOTTE MART ANNIVERSARY SUPPORT	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
——— (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tính đến thời điểm sinh nhật hoặc đến hết ngày 30/11 lớn hơn 100% khoản chi phí hỗ trợ sinh nhật *When total purchase turnover at store, upto anniversary month or end of year, is higher 100% than anniversary support fee*
1.500.000 VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Khi phát sinh/ When:			

3.5.2 PHÍ HỖ TRỢ KHAI TRƯƠNG / LOTTE MART OPENING SUPPORT	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
——— (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tại thời điểm khai trương. *When total purchase turnover at storeat the time grand opening.*
——— VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.5.3 HỖ TRỢ KHÁC KHÔNG KÈM ĐIỀU KIỆN / OTHER SUPPORT	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
——— (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No invoice	
——— VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG - MARKETING/ SALE-MARKETING SERVICE FEE

3.6.1 PHÍ DỊCH VỤ QUẢNG CÁO/ MARKETING SERVICE FEE	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
1.5 (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	Trong đó: - Phí sampling: 1.5%
——— VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐ Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động quảng cáo / *Actual cost; appendix, agreement of marketing activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.2 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG/ SALE SERVICE FEE	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.0 (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
——— VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐ Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động bán hàng / *Actual cost; appendix, agreement of selling activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.3 PHÍ DỊCH VỤ KHÁC/ OTHER SERVICE FEE	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
——— (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
——— VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐ Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động khác / *Actual cost; appendix, agreement of other activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

4. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI/ LIABILITY FOR COMPENSATION

4.1 BỒI THƯỜNG GIAO HÀNG THIẾU-TRỄ HẠN / UNDER-DELIVERY COMPENSATION	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Giao thiếu/ giao trễ : 8% trên giá trị hàng giao thiếu/ giao trễ (chưa VAT)- Shortage delivery or late delivery will be compensated an amount of 8% on the shortage/ late delivery amount (exclude VAT)	☑ Khi phát sinh biên bản bồi thường / When compesation agreement issued	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No invoice	

5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG/ *GENERAL CONDITIONS*

- Trong trường hợp phát sinh chênh lệch các khoản chiết khấu của Chu kỳ thanh toán trước thì các Bên sẽ thực hiện điều chỉnh lại phần chênh lệch này theo thuế suất tương ứng (nếu có)/ Adjustment of the gap-collection of comission in previous periods with the same tax rate of deduct code (if any)
- Giảm giá các sản phẩm khi được chọn làm hàng khuyến mãi theo thỏa thuận của các bên/ Price reduction on appointed products for promotion purposes under mutual agreement.
- Tham gia đầy đủ các kỳ Cẩm nang mua sắm khi được yêu cầu/ Fullyjoin the shopping handbook if required
- Những khoản chiết khấu, hỗ trợ, phí,... quy định tại TTTM này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc cấn trừ công nợ với các khoản thanh toán của Lotte Mart. Trong trường hợp cấn trừ công nợ mà không còn công nợ để cấn trừ thì những khoản này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Hình thức thanh toán chuyển khoản phải được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày NCC nhận được thông báo chiết khấu. / *The above mentioned discount, supports, fees, etc would be settled by transfering or offsetting against the payables of Lotte Mart. In case that no payable amout available for offsetting, those amounts must be transferred by Supplier. The transfering payment must be done within 10 working-day once receiving Commission letter*
- Thỏa Thuận Thương Mại này ("TTTM") là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Cung Cấp Hàng Hóa số 5820 -DRY-D&F-2022 ngày 01/01/2022 ("HĐCC") / This Trading Term Agreement ("TTA") is an integal part of the Purchase Contract No. 5820 -DRY-D&F-2022 date 01/01/2022 ("PC").
- Trong trường hợp các nội dung trong TTTM này trái và/hoặc chưa được quy định trong HĐCC thì các bên thống nhất áp dụng theo TTTM này; mọi thay đổi, bổ sung phát sinh trong quá trình thực hiện sẽ được làm thành phụ lục / In case of the contents in this Agreement is contrary and/or has not been provided in PC, the Parties agree to apply the contents mentioned in this Agreement; every changes arising during the excecution will be put in Annex.
- Ngôn ngữ được sử dụng trong TTTM này là song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự khác biệt về cách hiểu hoặc dịch thuật, tiếng Việt được ưu tiên áp dụng / *Languages used in this Agreement are English and Vietnamese. In case of any difference in interpretation or translation, Vietnamese version shall prevail.*
- Nếu có bất kỳ điều kiện, điều khoản nào trong TTTM này không hợp lệ hoặc không thể thực thi ở bất kỳ mức độ nào hoặc không lựa chọn hoặc thông tin chi tiết tại từng mục trong TTTM này thì thì nội dung của Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng . *If any term or condition of this Trading terms Agreement shall be invalid or unenforceable to any extent or unoptional or not specified in above terms, the contents of the Contract shall prevail.*
- TTTM này được lập thành hai (02) có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một (01) bản để thực hiện / *This Agreement shall be made in two (02) original copies with equal legal validity. Each Party keeps one (01) copy to implement.*
- Trong trường hợp TTTM đã hết hạn và chưa thể ký TTTM mới thì các bên thống nhất TTTM này được tự động gia hạn đến hết 30/06 của năm kế tiếp. Sau khi hai bên thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới, thì hiệu lực của TTTM mới này được xác định tính từ 01/01 của năm kế tiếp hoặc trong trường hợp hai bên không thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới hoặc ký gia hạn Hợp đồng thì các điều kiện, điều khoản của TTTM này sẽ có hiệu lực đến thời điểm chấm dứt và/hoặc ký thanh lý Hợp đồng / *In case the TTA has expired and has not been renewed, the Parties agree that this TTA is automatically extended until the end of 30/06 the year after. After two Parties conclude a new TTA , the new TTA would be effective from 01/01 the year after*

NHÂN VIÊN THU MUA Merchandiser	GIÁM ĐỐC THU MUA Merchandising Director	NHÀ CUNG CẤP Supplier
Tên/Name: ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO Ngày/Date:	Tên/Name: NGUYỄN NGÔ ANH TUẤN Ngày/Date:	Tên/Name: TRẦN THỊ THƠM Ngày/Date:

ĐỀ NGHỊ VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI 2022
2022 COMMERCIAL CONTRACT PROPOSAL

Ngành hàng/Department : 480 - PROCESSED MEAT

NCC/Supplier Name : CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ & DV NGỌC THƠM

Supplier CODE / Mã số NCC: 3002179

ĐẠI DIỆN : Bà/ TRẦN THỊ THƠM
REPRESENTED BY

CHỨC VỤ : Giám Đốc
Position

ĐKKD/Business Registration Cert/Basic No : TEL :
MST/Tax code : FAX :

SỐ TK/Account :
TÊN NH/Bank :
CHỦ TK/Account Name :

DOANH SỐ NGOẠI TUYẾN BUYING TURN OVER (TAX EXCLUDED)	2020	2021	2020 vs. 2021
TOTAL BIG C + CONVENIENCE STORE	3,366,805,997	3,613,151,988	7.32%

ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG Commercial Terms	ĐIỀU KHOẢN 2021 Commercial Terms 2021	ĐỀ NGHỊ 2022 Commercial Terms 2022 Proposal	XÁC NHẬN CỦA NHÀ CUNG CẤP - 2022 SUPPLIER CONFIRMATION - 2022 (ghi rõ tỉ lệ % đồng ý hoặc ghi ok)
THỜI HẠN THANH TOÁN (VÀO NGÀY 5 VÀ 15 HÀNG THÁNG) Payments terms (paid on 5th & 15th each month)	48 NGÀY	48 NGÀY	48 NGÀY
THỜI HẠN THAY ĐỔI GIÁ (NẾU ĐƯỢC CHẤP NHẬN) Leadtime for price change (if accepted)	30 NGÀY	30 NGÀY	30 NGÀY
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỬA HÀNG Support for store operation	2.00%	2.00%	ok
CHIẾT KHẤU THÁNG CHO CỬA HÀNG Monthly discount for each Store	4.50%	4.50%	ok
CHI PHÍ THÁNG CHO VIỆC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH THẺ KHÁCH HÀNG THÂN THIẾT Monthly fee for participating into Loyalty Card program	0.50%	0.70%	0.50%
HỖ TRỢ ĐỒNG CHI TRẢ (THÔNG QUA THẺ KHÁCH HÀNG) Partial payment support (via customer card/ mobile)	1.00%	1.00%	ok
CHI PHÍ THÁNG CHO VIỆC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MÃI (eBook CATALOGUE) Monthly fee for promotional programs (e-Catalogue)	4.00%	4.00%	ok
CHI PHÍ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO hoặc SAMPLING Monthly fee for advertising/marketing + sampling activities in store	7.00%	7.00%	ok
HỖ TRỢ KHAI TRƯƠNG SIÊU THỊ MỚI Support for new Store opening (1 time)	1.500.000 VND / Siêu Thị	2.000.000 VND / Siêu Thị	1.500.000 VND / Siêu Thị
CHI PHÍ CHO VIỆC NHẬP HÀNG MỚI Charging fee for new Product	2.50%	2.50%	2.50%
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 1 Discount incentive 1st level	0.25%: 1.400.000.000VND	0.25%: 1.400.000.000VND	0.25%: 1.400.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 2 Discount incentive 2nd level	0.5%: 2.000.000.000VND	0.5%: 2.000.000.000VND	0.5%: 2.000.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 3 Discount incentive 3rd level	0.75%: 3.000.000.000VND	0.75%: 3.000.000.000VND	0.75%: 3.000.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 4 Discount incentive 4th level	1%: 8.400.000.000VND	1%: 4.000.000.000VND	1%: 8.400.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 5 Discount incentive 5th level	1.25%:10.000.000.000VND	1.25%: 5.000.000.000VND	1.25%:10.000.000.000VND
ĐƠN HÀNG TỐI THIỂU / MOQ			
Thành phố HCM/ HCM City	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Tỉnh miền Nam/ South Province	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Miền Trung/Center	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Hà Nội/ Hanoi	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Tỉnh miền Bắc/ North Province	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG

Xin Quý Công ty xác nhận và Fax lại cho chúng tôi trong ngày
Please send your confirmation by fax soon before

XÁC NHẬN CỦA NHÀ CUNG CẤP
SUPPLIER CONFIRMATION

NGÔ THỊ BÍCH THỦY
DAI ICHI SNC Regd. VN
PURCHASING CENTER- BIG C VIETNAM REPRESENTATOR

M.S.D.N: 0309391503 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM - TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Chủ Tịch Công Ty
Trần Thị Thơm

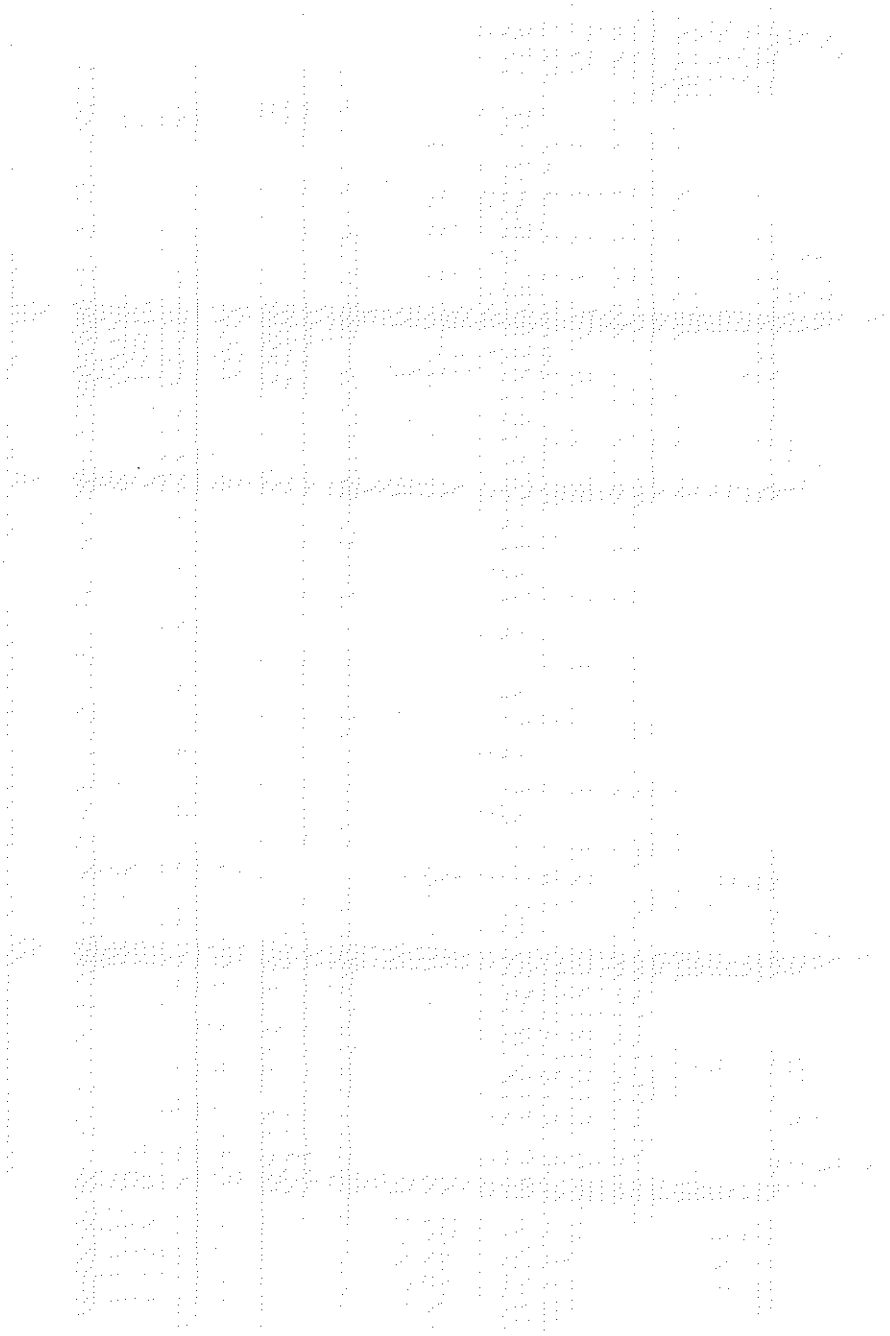

ĐỀ NGHỊ VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI 2022
2022 COMMERCIAL CONTRACT PROPOSAL

Ngành hàng/ Departmental : 480 - PROCESSED MEAT

NCC/Supplier Name : CÔNG TY TNHH MTV TM & DV NGỌC THƠM

Supplier CODE : Mã số NCC: 3002179

ĐẠI DIỆN / Bà TRẦN THỊ THƠM
REPRESENTED BY

CHỨC VỤ : Giám Đốc
Position

GPKD/Business Registration Certificate No:
MST/ Tax code

TEL :
FAX:

SỐ TK/Account:
TÊN NH/Bank :
CHỦTK/Account Name:

DOANH SỐ NGOẠI THUẾ BUYING TURN OVER (TAX EXCLUDED)	2020	2021	2020 vs. 2021
TOTAL BIG C + CONVENIENCE STORE	3,366,805,997	3,613,151,988	7.32%

ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG Commercial Terms	ĐIỀU KHOẢN 2021 Commercial Terms 2021	ĐỀ NGHỊ 2022 Commercial Terms 2022 Proposal	XÁC NHẬN CỦA NHÀ CUNG CẤP - 2022 SUPPLIER CONFIRMATION - 2022 (ghi rõ tỉ lệ % đồng ý hoặc ghi ok)
THỜI HẠN THANH TOÁN/ NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG Payments terms (paid on 5th & 15th each month)	48 NGÀY	48 NGÀY	48 NGÀY
THỜI HẠN CHẤP NHẬN GIÁ MỚI Leadtime for price change (if accepted)	30 NGÀY	30 NGÀY	30 NGÀY
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỬA HÀNG Support for store operation	2.00%	2.00%	ok
CHIẾT KHẤU THÁNG CHO CỬA HÀNG Monthly discount for each Store	4.50%	4.50%	ok
CHI PHÍ THÁNG CHO VIỆC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH THẺ KHÁCH HÀNG THÂN THIẾT Monthly fee for joining «the Loyalty Card program	0.50%	0.70%	0.50%
HỖ TRỢ ĐÓNG GÓP KHOẢN THƯỞNG CHO THẺ KHÁCH HÀNG Participation support to customer card reward	1.00%	1.00%	ok
CHI PHÍ THÁNG CHO VIỆC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MÃI và/hoặc CATALOGUE Monthly fee for promotional campaign & or Catalogue	4.00%	4.00%	ok
CHI PHÍ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO/hoặc SAMPLING Monthly fee for advertising campaign / sampling activities in store	7.00%	7.00%	ok
HỖ TRỢ KHAI TRƯƠNG MỞ THÊM MỚI Support fee new Store opening - 1 store	1.500.000 VND / Siêu Thị	2.000.000 VND / Siêu Thị	1.500.000 VND / Siêu Thị
CHI PHÍ CHO VIỆC NHẬP HÀNG MỚI Listing fee for new Product	2.50%	2.50%	2.50%
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 1 Discount incentive 1st level	0.25%: 1.400.000.000VND	0.25%: 1.400.000.000VND	0.25%: 1.400.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 2 Discount incentive 2nd level	0.5%: 2.000.000.000VND	0.5%: 2.000.000.000VND	0.5%: 2.000.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 3 Discount incentive 3rd level	0.75%: 3.000.000.000VND	0.75%: 3.000.000.000VND	0.75%: 3.000.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 4 Discount incentive 4th level	1%: 8.400.000.000VND	1%: 4.000.000.000VND	1%: 8.400.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 5 Discount incentive 5th level	1.25%:10.000.000.000VND	1.25%: 5.000.000.000VND	1.25%:10.000.000.000VND
ĐƠN HÀNG TỐI THIỂU / MOQ			
Thành phố HCM/ HCM City	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Tỉnh miền Nam/ South Province	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Miền Trung/Center	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Hà Nội/ Hanoi	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Tỉnh miền Bắc/ North Province	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG

Xin vui lòng xác nhận và fax lại cho Công ty theo mẫu này
Please send your confirmation by fax upon below

XÁC NHẬN CỦA NHÀ CUNG CẤP
SUPPLIER CONFIRMATION

NHÓM THỊ HIỀN THEY
ĐẠI DIỆN SNG BigC VN
PURCHASING CENTER- BIG C VIETNAM REPRESENTATIVE

M.S.D.N: 0309391503-C.T.T.N.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
TP. THỦ ĐỨC-TP. HỒ CHÍ MINH
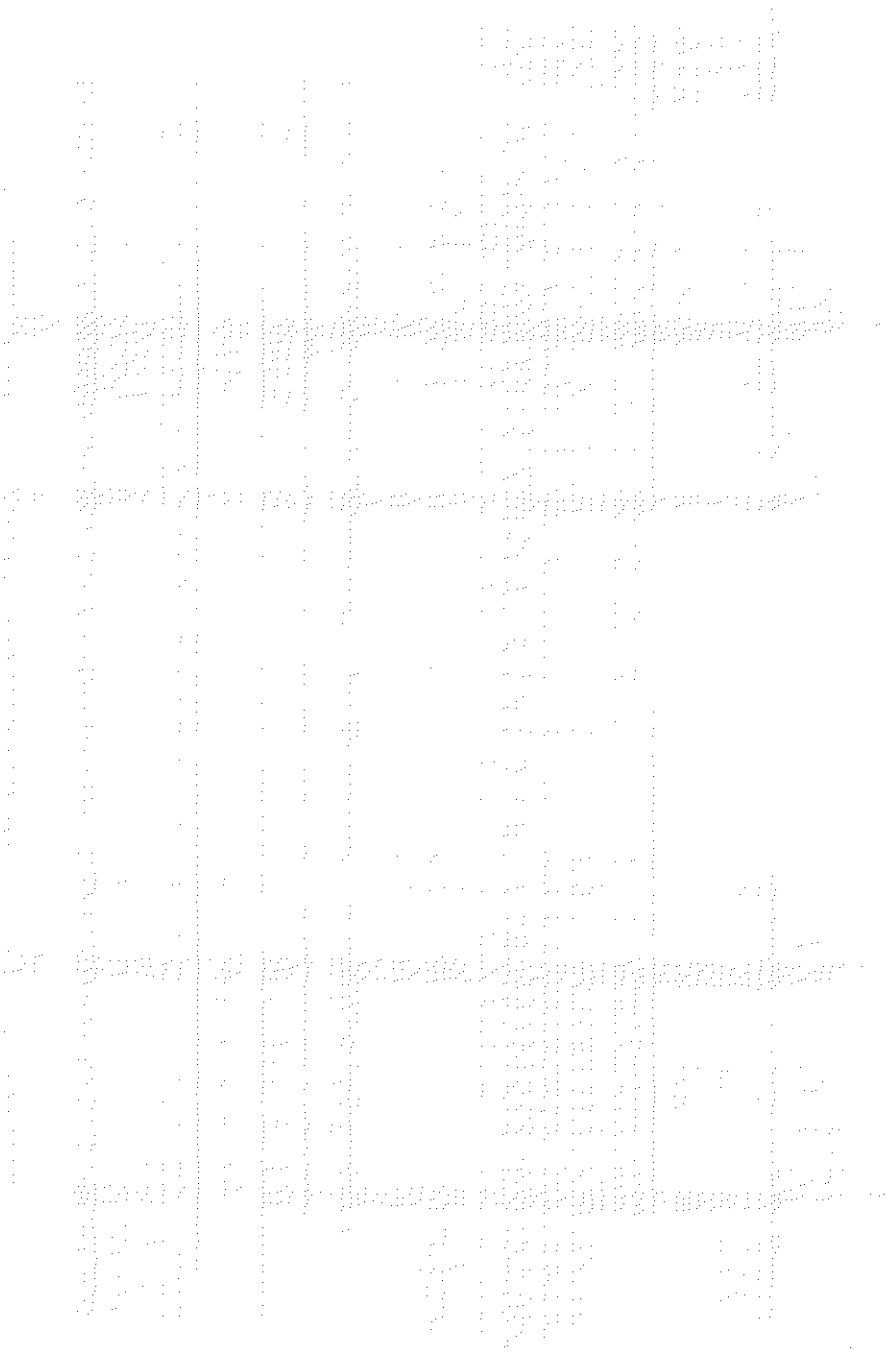
Chủ Tịch Công Ty
Trần Thị Thơm